

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THỊ NGỌC ANH

CÁI ĐẸP TRONG NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH Ở VIỆT NAM
TỪ NĂM 2000 ĐẾN NAY
(QUA CÁC TÁC PHẨM VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU)

LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI, 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THỊ NGỌC ANH

**CÁI ĐẸP TRONG NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH Ở VIỆT NAM
TỪ NĂM 2000 ĐẾN NAY
(QUA CÁC TRIỂN LÃM VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU)**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60 22 03 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS. TS. HỒ SĨ QUÝ**

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: PHẠM TRÙ CÁI ĐẸP VÀ CÁI ĐẸP TRONG NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH	8
1.1. Cái đẹp trong đời sống và trong nghệ thuật	8
1.2. Cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh	16
1.2.1. <i>Đặc thù của nghệ thuật nhiếp ảnh và cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh</i> ...	16
1.2.2. <i>Nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam</i>	27
Chương 2: CÁI ĐẸP TRONG NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 2000 ĐẾN NAY	41
2.1. Những biểu hiện của cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam trước năm 2000.....	41
2.1.1. <i>Những biểu hiện</i>	41
2.1.2. <i>Những thành tích</i>	43
2.1.3. <i>Những hạn chế</i>	45
2.2. Những biểu hiện	46
2.2.1. <i>Những biểu hiện</i>	46
2.2.2. <i>Những thành tích</i>	48
2.2.3. <i>Những hạn chế</i>	50
2.3. Đánh giá thực trạng, ý nghĩa xã hội và những vấn đề đặt ra trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam từ năm 2000 đến nay	51
2.3.1. <i>Đánh giá thực trạng, ý nghĩa xã hội và những vấn đề về hiện thực sáng tác, thưởng thức và nhận thức cái đẹp</i>	51
2.3.2. <i>Đánh giá thực trạng, ý nghĩa xã hội và những vấn đề về mối quan hệ giữa hình thức nghệ thuật và nội dung tư tưởng</i>	60
2.4. Một số ý kiến về việc nâng cao khả năng sáng tác, thưởng thức và đánh giá cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam giai đoạn hiện nay	66
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cái đẹp là một trong những hiện tượng thẩm mỹ phong phú và cơ bản nhất của đời sống con người. Bất kỳ loại hình nghệ thuật nào cũng là biểu hiện của cái đẹp. Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta hay nói đến cái duyên dáng, cái xinh xắn, cái kiều diễm, cái hài hòa, đó là những dạng cụ thể của cái đẹp. Chính điều đó đã ít nhiều nói lên rằng, cái đẹp đã và đang là nhu cầu sống của mỗi người, mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc và của cả nhân loại.

Cái đẹp xuất hiện trong nhiều mối quan hệ, nhiều lĩnh vực của đời sống con người nhưng chỉ trong nghệ thuật thì cái Đẹp mới có điều kiện để được phản ánh đời sống một cách cô đọng và điển hình nhất.

Nhiếp ảnh là sự cố định hóa cái chỉ diễn ra trong khoảnh khắc. Do vậy, nhiếp ảnh có sức hút rất mạnh mẽ, đặc biệt là trong thời đại kỹ thuật số như hiện nay. Nhiếp ảnh không chỉ giúp con người thỏa mãn đam mê thể hiện cảm quan thẩm mỹ, những cảm nhận sâu sắc về cuộc sống mà còn là động lực thúc đẩy sự tìm tòi, khơi gợi những cảm xúc sáng tạo mới tích cực hơn, giúp con người lưu giữ lâu dài những khoảnh khắc có tính thời sự, tính lịch sử, những nơi chúng ta đi qua và những kỷ niệm đẹp của chính bản mình.

Có thể nói, từ khi xuất hiện, nghệ thuật nhiếp ảnh đóng vai trò quan trọng trong văn hóa, góp phần khơi gợi những khả năng thẩm mỹ còn tiềm ẩn trong đời sống xã hội, đóng góp cho xã hội các sản phẩm nghệ thuật đặc thù không thể thay thế của loại hình này.

Từ khi ra đời và phát triển cho đến hôm nay, nghệ thuật nhiếp ảnh đã có sức lan tỏa sâu rộng trong đời sống tinh thần của quần chúng. Nó góp phần làm tăng giá trị cảm thụ cái đẹp của con người. Cùng với các hoạt động nghệ thuật khác, nghệ thuật nhiếp ảnh đã mang lại những điều tích cực mà chúng ta khó có thể có được từ các tác động khác. Nhiếp ảnh giúp con người đam mê sáng tạo, tìm được ý nghĩa mới của cuộc sống, tìm được hình thức mới để thực hiện mục đích sống. Nhiếp ảnh là nghệ thuật thúc đẩy con người hướng mãnh liệt hơn đến Chân – Thiện – Mỹ.

Thông qua nhiếp ảnh, con người cũng được tiếp xúc với muôn màu cuộc sống, ghi nhận những mảng màu sáng tối, những số phận cơ cực, thiếu may mắn, điều đó càng thôi thúc sự “hướng Thiện” và lòng trắc ẩn.

Những năm gần đây, hoạt động nhiếp ảnh Việt Nam khởi sắc và có nhiều hoạt động được ghi vào trên lịch sử phát triển của ngành. Nhiếp ảnh Việt Nam cũng ngày càng có vị trí tích cực hơn trong làng nhiếp ảnh quốc tế ở tất cả các loại hình như báo chí, nghệ thuật, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, thương mại, dịch vụ... Đảng và Nhà nước đã đánh giá cao và ngày càng quan tâm tạo điều kiện cho nhiếp ảnh phát triển.

Mặc dầu vậy, trong giai đoạn hiện nay, nghệ thuật nhiếp ảnh Việt Nam vẫn còn những hạn chế, những vấn đề cần đặt ra cần quan tâm giải quyết.

Một là, khi thang giá trị của nhiếp ảnh bị đảo lộn thì những cái nhìn lệch chuẩn trong nhiếp ảnh cũng xuất hiện. Trong sự sáng tạo của nhiếp ảnh, ranh giới giữa phản cảm và nghệ thuật đôi khi rất mong manh. Vì thế, tự do và giới hạn sáng tạo luôn là đề tài nóng hổi ở bất kỳ thời điểm nào và ở lĩnh vực ảnh nghệ thuật nào. Do ảnh hưởng từ các nền văn hóa bên ngoài trong giai đoạn hội nhập, bên cạnh những tác phẩm có giá trị thẩm mỹ cao thì cũng xuất hiện những tác phẩm có nội dung độc hại với cái nhìn lệch lạc.

Thứ hai, về bản quyền tác giả ảnh, quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực ảnh, ở nước ta vẫn còn bất cập, chưa được thực thi có hiệu quả. Nhiều nhà nhiếp ảnh Việt Nam vẫn chưa bảo vệ được các tác phẩm của mình khỏi vấn nạn vi phạm bản quyền, nhất là khi mạng Internet đang gián tiếp tiếp tay cho người vi phạm khiến ai cũng có thể tự “sáng tác” những bức ảnh cho riêng mình nên ảnh của nhiều tác giả đoạt giải ở các cuộc thi vẫn bị lấy cắp. Điều này không chỉ thể hiện ý thức đạo đức cá nhân, sự chây lười trong sáng tạo nghệ thuật mà còn thể hiện trách nhiệm và năng lực của những người có nhiệm vụ đánh giá và thẩm định ảnh.

Thứ ba, đối với nghệ thuật nhiếp ảnh, thường thì người xem vẫn nghĩ là chụp lại nơi mình đến, sự vật hiện tượng hay con người mình gặp chứ không phải là sáng tác hay sáng tạo như các loại hình nghệ thuật khác. Cho nên, vẫn còn những cái nhìn lệch chuẩn trong việc nhận định, thưởng thức và sáng tác cái đẹp trong nghệ thuật

nhiếp ảnh. Có rất nhiều tác phẩm hay các công trình nghiên cứu nhiếp ảnh có giá trị được cái giải thưởng quốc tế, trong nước song chưa có sự thẩm định, đánh giá thẳng thắn, kịp thời của giới chuyên môn một cách đúng đắn và chân thực của các tác phẩm này cho nên không được mang ra sử dụng. Đó cũng là một sự lãng phí chất xám rất lớn. Bên cạnh đó, vẫn còn sự ngộ nhận trong đánh giá các tác phẩm nhiếp ảnh bởi có những Hội đồng mà năng lực phê bình, lý luận nhiếp ảnh chưa đủ để thẩm định toàn diện một tác phẩm mang ý nghĩa giá trị cao.

Kế thừa, phát triển quan điểm chỉ đạo, những định hướng lớn của Đảng và tình hình phát triển văn hóa Việt Nam thời gian qua, Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” [13, tr.126].

Nghệ thuật nhiếp ảnh, theo chúng tôi, cũng không nằm ngoài phương hướng chỉ đạo đó.

Từ thực tiễn hoạt động nhiếp ảnh nước nhà, từ những vấn đề mà ngành nhiếp ảnh đang đặt ra đòi hỏi phải lý giải ở tầm lý luận, triết học, tác giả mạnh dạn chọn *“Cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam từ năm 2000 cho đến nay (qua các triển lãm và các giải thưởng tiêu biểu)”* làm đề tài luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Không giống như các bộ môn nghệ thuật khác, nhiếp ảnh là bộ môn nghệ thuật ra đời tương đối muộn, nhưng lại có một sức hút mãnh liệt, nhanh chóng phát triển và lan rộng khắp các quốc gia trên thế giới đồng thời có sức ảnh hưởng sâu rộng và trở thành tư liệu, điều kiện cho các bộ môn nghệ thuật khác. Chính những tính năng đặc biệt đó, nhiếp ảnh đã được công chúng đón nhận yêu mến, trở thành bộ môn nghệ thuật mũi nhọn trong giai đoạn hiện nay.

Ngay từ đầu ra đời, khi chưa được công nhận là bộ môn nghệ thuật thì nhiếp ảnh đã gắn liền với máy móc kỹ thuật để cho ra đời những bức ảnh đẹp, nhờ máy móc kỹ thuật ngày càng hiện đại hơn đã giúp cho nhiếp ảnh trở thành bộ môn nghệ

thuật thật sự. Đến với Việt Nam hơn một thế kỷ, tuy còn nhiều khó khăn nhưng nhiếp ảnh Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể cả trong nước và quốc tế.

Những năm đầu du nhập vào Việt Nam, nhiếp ảnh chỉ dừng lại ở việc chụp chân dung cho quan lại và những người giàu có, chụp ảnh kỷ niệm cho gia đình chưa biết đến ảnh nghệ thuật. Từ năm 1930 trở đi, nhiếp ảnh cũng chuyển mình theo dòng lịch sử nước nhà, đi cùng hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc với hàng loạt những bức ảnh xoay quanh chủ đề về chiến tranh và người anh hùng.

Ở Việt Nam sách về chuyên môn nhiếp ảnh cũng rất ít, chỉ có một số ít sách về kỹ thuật chụp ảnh, chủ yếu là sách ảnh, tập hợp những bức ảnh đẹp hay những vùng miền, khu vực nào đó mang tính đặc thù mà thôi. Sau ngày thống nhất nước nhà năm 1975, nhiếp ảnh Việt Nam cũng chưa được khởi sắc, phải cho đến những năm 1980 – 1985 đất nước mới cử một số cán bộ đi đào tạo cơ bản về nhiếp ảnh nghệ thuật và nhiếp ảnh báo chí ở Cộng hòa dân chủ Đức và Liên Xô cũ. Sau khi hoàn tất khóa đào tạo trở về, họ đã có một số bài viết giới thiệu về nhiếp ảnh nghệ thuật và báo chí trên tạp chí Nhiếp ảnh, bên cạnh đó, một số bài giảng về tính thẩm mỹ, tính tài liệu của ảnh cũng được đưa vào giảng song song với các bài giảng về nhiếp ảnh nghệ thuật và nhiếp ảnh báo chí cho các lớp nhiếp ảnh trung cấp và đại học ở Hà Nội. Trong thời kỳ này, có một số sách về nhiếp ảnh được dịch sang tiếng Việt, đặc biệt là cuốn *Mỹ học và ảnh nghệ thuật* của M.X. Kagan do Nguyễn Huy Hoàng dịch, nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội, năm 1980. Có thể xem đây là cuốn sách gối đầu cho những ai mới bước chân vào con đường nhiếp ảnh nghệ thuật bởi nội dung của nó khá sâu sắc về vấn đề cơ bản của nhiếp ảnh dựa trên cơ sở Mỹ học Mác – Lênin. Nội dung cuốn sách là sự kết hợp, tương tác giữa Mỹ học với nhiếp ảnh trong tính khoa học, tính tư liệu, tính nghệ thuật và bản chất hình tượng của nhiếp ảnh. Là nội dung và hình thức trong tác phẩm ảnh, phương pháp sáng tác và cách diễn đạt của ảnh, là vị trí của ảnh trong nghệ thuật tạo hình cũng như ý nghĩa lịch sử, ý nghĩa thẩm mỹ của ảnh nghệ thuật mà tác giả đã trình bày. Tuy nhiên, trong thời gian này chưa có nghiên cứu nào về cái đẹp của nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam, ngoại trừ vào năm 1983 có cuốn kỷ yếu hội thảo *“Nghệ thuật nhiếp ảnh – cuộc sống, con người thời đại”* của Hội nghệ sĩ nhiếp

ảnh Việt Nam tập hợp những bài viết của những nhà nhiếp ảnh và những người yêu mến bộ môn nghệ thuật này.

Từ sau năm 1986, cùng với sự phát triển và hội nhập quốc tế, nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam cũng từng bước phát triển với nhiều trường phái khác nhau bên cạnh các thể loại nhiếp ảnh truyền thống, góp phần làm đa dạng các mảng màu cho bộ môn nghệ thuật nhiếp ảnh, đồng thời công tác lý luận phê bình nhiếp ảnh cũng phát triển. Theo đuổi bộ môn nghệ thuật này không đơn giản chỉ là cầm máy lên và chụp mà đó là một quá trình đòi hỏi phải có sự nghiên cứu tìm tòi và sáng tạo. Vì vậy, nghiên cứu nghệ thuật nhiếp ảnh phải kể đến Tạp chí *Ảnh sáng đẹp* của nghệ sĩ nhiếp ảnh thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí *Nhiếp ảnh* của hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, nơi hội tụ những tài năng của nhiếp ảnh Việt Nam, những bức ảnh đẹp từ ý tưởng, bố cục đến chủ đề là sự thể hiện cái tôi thật sự trong nhiếp ảnh nghệ thuật được phát hành hàng tháng cùng với các bài viết, bài lý luận phê bình sắc bén đề cập đến nhiếp ảnh Việt Nam và thế giới.

Cùng với sự nghiệp Đổi mới, những thay đổi trong chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đã mở ra cho nhiếp ảnh Việt Nam con đường tiếp cận giao lưu học hỏi với những tiên bộ của nhiếp ảnh trên thế giới, đặc biệt là nhiếp ảnh phương Tây. Có thể nói, đây là cơ hội cho các nhà nhiếp ảnh nước ngoài đến với Việt Nam nhiều hơn và ngược lại các nhà nhiếp ảnh Việt Nam cũng bắt đầu đến với phương Tây, mở ra cơ hội giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong sáng tác cũng như tiếp cận với máy móc trang thiết bị hiện đại được tốt hơn, giúp họ củng cố kiến thức và nâng cao khả năng trong sáng tác. Các sách viết và dịch về nhiếp ảnh trong giai đoạn này cũng khá nhiều nhưng chủ yếu là sách về kỹ thuật chụp ảnh.

3. Mục đích và nhiệm vụ

Mục đích của luận văn là tư góc độ triết học, nghiên cứu cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh và phân tích biểu hiện của cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam được thể hiện qua các triển lãm và tác phẩm tiêu biểu được giải thưởng từ năm 2000 đến nay.

Để thực hiện được mục đích này, luận văn đặt ra các nhiệm vụ như sau:

- Làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về cái đẹp trong đời sống và trong nghệ thuật theo quan điểm Mỹ học Mác - Lênin.

- Nghiên cứu và làm rõ những đặc thù của nghệ thuật nhiếp ảnh và cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh cùng với lịch sử của nghệ thuật nhiếp ảnh Việt Nam.

- Nghiên cứu, phân tích những biểu hiện về cái đẹp của nghệ thuật nhiếp ảnh Việt Nam (chủ yếu là từ 2000 cho đến nay, trên cơ sở các tác phẩm ảnh đã được triển lãm và đoạt giải thưởng).

- Đánh giá thực trạng, ý nghĩa xã hội và xác định những vấn đề đặt ra trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam từ năm 2000 đến nay.

- Đề xuất một số ý kiến về việc nâng cao khả năng sáng tác, thưởng thức và đánh giá cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam giai đoạn hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: Các tác phẩm tiêu biểu đã trưng bày trong triển lãm và các giải thưởng tiêu biểu từ năm 2000 cho đến nay.

5. Cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và những nguyên lý mỹ học Mác – Lênin. Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về văn hóa nghệ thuật.

Cơ sở phương pháp luận của luận văn là phép biện chứng duy vật cũng những nguyên tắc của lý luận phản ánh Mác-xít.

Cơ sở thực tiễn của luận văn là thực trạng phát triển của đất nước. Các chính sách của Nhà nước. Đời sống thực tiễn của hoạt động nhiếp ảnh Việt Nam.

Ngoài các tài liệu triết học, luận văn còn sử dụng các tài liệu lý luận nghệ thuật, các tài liệu và một số báo cáo liên quan đến nhiếp ảnh Việt Nam của các tổ chức văn hóa – nghệ thuật ở Việt Nam và thành phố Hồ Chí Minh.

Luận văn sử dụng các phương pháp: phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, logic - lịch sử....

6. Đóng góp

Luận văn là một trong số không nhiều các nghiên cứu triết học về hoạt động nghệ thuật, đặc biệt với loại hình nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam.

Luận văn đã phân tích được thực trạng, đánh giá ý nghĩa xã hội và xác định được những vấn đề đặt ra đối với nghệ thuật nhiếp ảnh Việt Nam qua các cuộc triển lãm và các tác phẩm đoạt giải thưởng tiêu biểu từ năm 2000 cho đến nay.

Luận văn đã đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng sáng tác, thưởng thức, nhận thức và đánh giá cái Đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam hiện nay.

7. Ý nghĩa

Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học, mỹ học cũng như lý luận và thực tiễn về văn hóa nghệ thuật, về hoạt động nhiếp ảnh ở Việt Nam.

8. Kết cấu

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 2 chương và 6 tiết.

Chương 1

PHẠM TRÙ CÁI ĐẸP VÀ CÁI ĐẸP TRONG NGHỆ THUẬT NGHIỆP ẢNH

1.1. Cái đẹp trong đời sống và trong nghệ thuật

Hạnh phúc lớn nhất của con người là được sống hạnh phúc với cái đẹp. Cái đẹp không chỉ làm đẹp thêm cho cuộc sống, mà còn là một trong những động lực của đời sống xã hội, là đề tài nghiên cứu và chiêm nghiệm muôn thuở của con người. Cái đẹp có mặt trong mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Chẳng phải ngẫu nhiên mà nhà văn Dostoyevsky cho rằng: “Cái đẹp đã cứu rỗi nhân loại”.

Có ý kiến cho rằng, *cái đẹp* được xuất hiện với tính cách là đối tượng thẩm mỹ kể từ năm 1750, Baumgarten đã cho xuất bản cuốn Mỹ học đầu tiên với nhan đề là *Aesthetika*. Mỹ học của *chủ nghĩa duy lý* Baumgarten coi đối tượng của mỹ học là tình cảm về cái đẹp. Mỹ học ở đây là một môn khoa học nghiên cứu biểu cảm về cái đẹp trong thiên nhiên và trong cuộc sống.

Giữa thế kỷ XIX, có nhiều khuynh hướng khác nhau nghiên cứu về cái đẹp nhưng nổi trội nhất là khuynh hướng mỹ học duy tâm chủ quan, khuynh hướng này cho rằng, cái đẹp phụ thuộc vào ý thức chủ quan của con người mà cụ thể hơn là ý thức chủ quan của mỗi cá nhân sản sinh ra cái đẹp. Trong quá trình cảm thụ thẩm mỹ của các hiện tượng, sự vật cảm tính, con người mang tính thẩm mỹ truyền vào nó và làm cho nó trở nên đẹp. Đại diện cho khuynh hướng này là Immanuel Kant, trong tác phẩm: “*Phê phán năng lực phán đoán*”, Immanuel Kant đã đặt cơ sở lý luận mỹ học quan trọng giải quyết vấn đề cái đẹp.

Khi nghiên cứu về nguồn gốc và bản chất của cái đẹp, Kant dựa vào bốn “loại tiên đề” của phán đoán là chất, lượng, tương quan và hình thái để phân tích bốn phương diện của phán đoán về cái đẹp. Kant viết: “Để thấy cái gì là tốt, lúc nào tôi cũng phải biết đối tượng ấy phải là một sự vật như thế nào, tức là, có một khái niệm về nó. Còn để thấy cái gì là đẹp, tôi không cần điều ấy. Đóa hoa, tranh vẽ tự do, những đường nét đan nhau vô tình, với tên gọi là hoa văn chẳng có ý nghĩa gì, không phụ thuộc vào một khái niệm nhất định nào, nhưng vẫn làm hài lòng [24, tr.68]. Kant khẳng định: “Đẹp là cái gì được nhận thức như là đối tượng của một sự hài lòng tất yếu, nhưng độc lập với khái niệm” [24, tr.134].

Có thể nói, cách diễn giải của Kant là một trong những công trình phân tích cái đẹp một cách công phu và bao quát nhất trong lịch sử mỹ học.

Điều đáng lưu ý là, Kant tiếp cận cái đẹp không từ thực tiễn nghệ thuật mà là từ tư duy triết học, nhưng không phải vì thế mà mỹ học của ông xa thực tế. Chìa khóa mở đường vào lý thuyết phán đoán cái đẹp của Kant là nằm ở tình cảm chủ quan của con người.

Tsécursépxki coi cái Đẹp chính là đời sống, ông coi cái đẹp có nguồn gốc từ cuộc sống và bản chất của cái đẹp là cuộc sống theo quan niệm của con người, cái đẹp phải gắn với sự phong phú của cuộc sống, cơ sở của cái đẹp nằm trong chính bản thân hiện thực. Theo Tsécursépxki, cái đẹp không đơn thuần là một hiện tượng có tính chất sinh học mà trong cái đẹp có mối quan hệ biện chứng giữa cái có tính sinh vật và cái có tính xã hội, giữa cái khách quan và cái chủ quan, giữa cái thuộc hiện thực và cái thuộc lý tưởng. Tsécursépxki còn nhận định rằng, cuộc sống lao động đẹp hơn cuộc sống an nhàn, những người nông dân má đỏ, da hồng hào thì đẹp hơn các cô thiếu nữ thị thành éo lá.

Khuynh hướng nghiên cứu cái đẹp từ ý niệm, trực giác, được trình bày rõ nhất trong tác phẩm “*Mỹ học*” của Ph.Hêghen.

Theo Hêghen, cái đẹp có nguồn gốc tinh thần và bản chất của cái đẹp là thể hiện của ý niệm tuyệt đối. Ông viết: “Đời sống của vũ trụ là quá trình thực hiện của ý niệm tuyệt đối. Chỉ có vũ trụ trong toàn khoảng không gian và trong quá trình tồn tại của nó mới là sự thực hiện đầy đủ của ý niệm tuyệt đối, còn trong một đối tượng nào đây bị hạn chế trong những giới hạn của không gian và thời gian thì ý niệm tuyệt đối không bao giờ được thực hiện đầy đủ cả. Trong khi tự thực hiện, ý niệm tuyệt đối tự phân ra thành một loạt các quan niệm nhất định và mỗi quan niệm nhất định lại cũng chỉ được thực hiện đầy đủ trong muôn hình vạn trạng các đối tượng hoặc các vật mà nó bao trùm, nhưng nó không bao giờ được thực hiện trong một vật riêng lẻ. ... Nhìn nhận sự vật như thế chỉ là ảo ảnh (ist lin Shein) vì rằng ý niệm không bao giờ biểu hiện một cách đầy đủ trong một đối tượng riêng lẻ; nhưng dưới cái ảo ảnh ấy có ẩn náu chân lý, vì rằng ý niệm chung thực sự được thực hiện đến một mức độ nào đó trong một ý niệm nhất định và một ý niệm nhất định được thực hiện đến một mức độ

nào đó trong một đối tượng riêng lẻ. Cái ảo ảnh che dấu chân lý đó, cái ảo ảnh về sự biểu hiện đầy đủ của ý niệm trong một vật riêng lẻ đó là cái đẹp (das schône)” [34, tr.17 - 18].

Đây cũng là quan niệm chung của chủ nghĩa duy tâm khách quan khi nghiên cứu về cái đẹp. Theo Heghen, cái đẹp chân chính chỉ tập trung trong nghệ thuật, vẻ đẹp tự nhiên như cỏ, cây, vạn vật, nó là sự biểu hiện nghèo nàn, không đa dạng, chỉ thoáng qua. Chỉ có “cái đẹp trong nghệ thuật” mới chính là cái thẩm mỹ chân chính. “Cái đẹp trong nghệ thuật cao hơn cái đẹp trong tự nhiên. Đối tượng của mỹ học là vương quốc rộng lớn của cái đẹp”. [15, tr.11].

Cái đẹp trong nghệ thuật là sự biểu hiện của lý tưởng trong các hình tượng, do đó, nó cao hơn cái đẹp ở ngoài cuộc sống. Cái thẩm mỹ trong nghệ thuật được hình thành từ việc con người đã “đối tượng hóa” bản thân mình và “chủ thể hóa” cái đẹp bên ngoài.

Các nhà khoa học tiền bối đã khẳng định rằng, các quan niệm mỹ học – triết học về cái đẹp trước chủ nghĩa Mác đều không tránh khỏi tính phiến diện ở mức độ này hay mức độ khác khi họ hoặc xác định nguồn gốc của cái đẹp là ý niệm hay tinh thần tuyệt đối, hoặc xác định nguồn gốc của cái đẹp từ cảm xúc chủ quan của cá nhân, hoặc tuyệt đối hoá tính khách quan của vẻ đẹp, đồng nhất cái đẹp với những thuộc tính vật chất – vật lý của các sự vật, hiện tượng. Tính phiến diện này được khắc phục trong mỹ học Mác – Lênin.

- ***Cái đẹp – đối tượng nghiên cứu của mỹ học***

Kế thừa tư tưởng của các nhà mỹ học đi trước, trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Mác- Ăngghen, và sau này Lênin, đã giải quyết một loạt những vấn đề chủ yếu của mỹ học. C.Mác và Ph.Ăngghen đã phát hiện ra bản chất của cái đẹp gắn liền với lao động, với bản chất xã hội và mang quan hệ giá trị. Cái đẹp không phải là cái vốn có, nếu thiếu con người và lao động thì không có cái đẹp.

Mỹ học Mác – Lênin khẳng định sự ra đời của các quan hệ thẩm mỹ, của nghệ thuật gắn liền với *quá trình lao động và hoạt động thực tiễn*. Đây là quan điểm duy vật biện chứng và lịch sử của triết học Mác – Lênin khi phân tích đời sống xã hội để

khẳng định vai trò của sản xuất vật chất là cơ sở tồn tại, vận động và phát triển của xã hội; bao gồm tất cả các lĩnh vực tinh thần, trong đó có ý thức thẩm mỹ. C. Mác viết: “Phương thức sản xuất đời sống vật chất của xã hội quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định sự tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ qui định ý thức của họ”. [5, tập 13, tr.15]

Quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực gồm có hai phương diện đối lập nhau trong quan hệ thẩm mỹ là khách thể thẩm mỹ và chủ thể thẩm mỹ. Nghệ thuật là phương thức và là kết quả cao nhất của sự tác động qua lại lẫn nhau giữa khách thể thẩm mỹ và chủ thể thẩm mỹ.

• ***Chủ thể thẩm mỹ “nhào nặn vật chất theo qui luật của cái đẹp”***

C. Mác đã khẳng định hoạt động có mục đích của con người đã dẫn con người biết sáng tạo trong toàn bộ cuộc sống của mình để con người thoát khỏi tình trạng động vật. “Súc vật chỉ nhào nặn vật chất theo thước đo và nhu cầu của giống loài của nó, còn con người thì có thể sản xuất theo thước đo của bất cứ giống loài nào và ở đâu cũng có thể ứng dụng cho đối tượng; do đó con người cũng nhào nặn vật chất theo qui luật của cái đẹp”. [3, tr. 93 – 94]. Nhào nặn vật chất theo qui luật của cái đẹp là một trong những đặc trưng bản chất của con người.

Phát hiện của C.Mác về nguồn gốc và bản chất thật sự của cái đẹp là từ lao động đã cho mỹ học cơ sở để phát triển đến trình độ mới. C. Mác viết: “thông qua sự phong phú, đã được phát triển về mặt vật chất, của bản chất con người, thì sự phong phú của tính cảm giác chủ quan của con người mới phát triển một phần thậm chí lần đầu tiên mới được sản sinh ra; lỗ tai thính âm nhạc, con mắt nhận thấy cái đẹp của hình thức, - nói tóm lại là những cảm giác có khả năng về sự hưởng thụ có tính chất người và tự khẳng định mình như những lực lượng bản chất của con người. [3, tr.137]

Như vậy, chủ thể thẩm mỹ là con người xã hội có năng lực cảm thụ, sáng tạo và đánh giá thẩm mỹ theo những qui luật của cái đẹp thông qua các giác quan được rèn luyện để tác động đến thế giới về mặt thẩm mỹ.

• ***Cái đẹp giữ vị trí trung tâm trong khách thể thẩm mỹ***

Khách thể thẩm mỹ bao gồm các hiện tượng thẩm mỹ (các phạm trù cái đẹp, cái bi, cái hài, cái cao cả..., trong đó, cái đẹp giữ vị trí trung tâm) và những quan hệ thẩm

mỹ. Trong cuộc sống, các hiện tượng thẩm mỹ biểu hiện rất đa dạng và phong phú, sự đa dạng ấy được thể hiện ở hai phương diện: thứ nhất, bản thân các sự vật, hiện tượng có chứa đựng giá trị thẩm mỹ trong quan hệ với con người thực sự phong phú; thứ hai, các trạng thái rung cảm ở con người phức tạp và không giống nhau, thậm chí đôi khi trái ngược nhau. Nhưng các hiện tượng thẩm mỹ không chỉ đa dạng mà còn thống nhất, chúng được xếp theo các xu hướng khác nhau, tùy thuộc vào giá trị thẩm mỹ mà chúng bộc lộ ra đối với chủ thể thẩm mỹ.

- ***Cái đẹp là phạm trù mỹ học trung tâm***

Mỹ học Mác – Lênin xác định cái đẹp là một phạm trù mỹ học, mà không đồng nhất nó với các biểu hiện cụ thể đơn lẻ của nó là các vẻ đẹp sinh động, riêng lẻ, ngẫu nhiên, trong đời sống thường ngày, là sự thống nhất biện chứng giữa cái khách quan và cái chủ quan.

Cái đẹp gắn liền với ý thức chủ quan, với sự đánh giá của con người nhưng đó không phải là ý niệm được mang từ bên ngoài vào sự vật mà nó phải xuất phát từ cơ sở khách quan, từ chính những phẩm chất thẩm mỹ tồn tại bên trong bản thân sự vật. Cơ sở của những quan niệm về cái đẹp bắt nguồn từ chính cái đẹp khách quan là từ những thuộc tính của sự vật có khả năng gọi lên ở con người một thái độ thẩm mỹ tích cực. Đó là đường nét, màu sắc, âm thanh, nhịp điệu ... được kết hợp với nhau theo một trật tự và tỉ lệ hài hòa, toàn vẹn và cân đối. Hài hòa là sự kết hợp thống nhất giữa các yếu tố theo tỉ lệ nhất định hết sức uyển chuyển giữa các bộ phận, các mảng khối ... Sự toàn vẹn biểu hiện sự cân đối, tỷ lệ hòa hợp của cái bên ngoài với yếu tố bên trong, giữa chất và lượng, giữa nội dung và hình thức. Tuy nhiên, bản chất của cái đẹp không chỉ gắn liền với phẩm chất khách quan của cái đẹp mà nó còn bao hàm cả quan niệm chủ quan của con người.

Cái đẹp có cơ sở khách quan từ mức độ của sự hài hòa mà biểu hiện cụ thể, chi tiết ra như sự cân xứng, tương xứng, đối xứng, hợp lý, sự vật được trải ra với một nhịp điệu tiết tấu nhất định... Nhưng những yếu tố có tính khách quan này chỉ được đánh giá là đẹp khi nó phù hợp với những trạng thái tâm sinh lý nhất định trước số đông những người chiêm ngưỡng cảm thụ. Tức là chúng cũng được xem xét, đánh

giá là tích cực tùy theo những điều kiện lịch sử – xã hội nhất định như tính dân tộc, tính giai cấp, tính Đảng phái, nghề nghiệp, lứa tuổi ... của chủ thể thẩm mỹ.

Sự vật, hiện tượng được đánh giá là đẹp phải diễn ra hoặc được phản ánh lại một cách chân thực, nghĩa là nó không thể giả dối. Sự chân thực này, không đồng nhất với chân lý trong triết học, nó không nhất thiết phải phản ánh chính xác hiện thực khách quan mà chủ yếu phải phù hợp với quan niệm của xã hội, dư luận của cộng đồng. Nhưng các quan niệm, dư luận nói trên không được trái ngược với hiện thực mà phải vận động theo xu thế, theo lôgic của lịch sử, cho nên có nhiều hiện tượng mặc dù có thật vẫn không được đánh giá là đẹp.

Cái đẹp là phạm trù mỹ học trung tâm, phản ánh giá trị thẩm mỹ tích cực ở các sự vật, hiện tượng mang lại khoái cảm vô tư, trong sáng cho con người.

- *Cái đẹp trong tự nhiên*

Cái đẹp trong thiên nhiên không phải là cái vốn có, trước khi con người xuất hiện. Cái đẹp chỉ ra đời khi con người tác động vào thế giới thiên nhiên, làm bộc lộ trong nó tính “người”. Như vậy, cái đẹp trong tự nhiên không tồn tại độc lập, nó chỉ tồn tại trong quan hệ thực tiễn của con người và thông qua hoạt động thực tiễn này mà con người tạo ra kích thước của cái đẹp.

- *Cái đẹp trong xã hội*

Cái đẹp – trước hết là nhu cầu của con người, con người không thể sống thiếu cái đẹp. Cái đẹp hiện nhiên đã trở thành nhu cầu của cuộc sống, nhu cầu của mỗi cá nhân trong cộng đồng, mỗi dân tộc và nhân loại. Cái đẹp có mặt ở tất cả mọi nơi, mọi lúc dưới dạng vật chất hay tinh thần.

Cái đẹp trong xã hội rất phong phú, nhiều hình nhiều vẻ, nó phối hợp được cả vẻ đẹp màu sắc, hình dáng, cả vẻ đẹp bên ngoài lẫn vẻ đẹp bên trong bắt nguồn từ quan niệm chính trị, đạo đức, truyền thống, phong tục.

Một xã hội tốt đẹp là một xã hội mà chủ nghĩa nhân đạo thấm sâu vào các mối quan hệ giữa con người với con người, nó trở thành văn hoá và văn minh xã hội, liên quan mật thiết với ý tưởng chính trị, lý tưởng đạo đức.

Cái đẹp trong xã hội được thể hiện trong văn hóa ứng xử, đó chính là lối sống, lối suy nghĩ, những hành động mang tính nhân văn của con người ứng xử với tự

nhiên, đó là một triết lý sống của xã hội, của cộng đồng người với tự nhiên, với xã hội. Văn hóa ứng xử phản ánh trình độ văn hoá, sự giáo dục của gia đình và xã hội cũng như sự tu dưỡng của mỗi cá nhân, mỗi dân tộc. Văn hoá ứng xử là cái đẹp trong xã hội loài người nó biểu hiện rất rõ ở phong tục tập quán, lễ nghi, nếp sống, lối suy nghĩ.

Cái đẹp tiềm ẩn trong đời sống con người là cái đẹp của tâm hồn, đạo đức, trí tuệ, tư tưởng, cái đẹp giúp con người ngày càng hoàn thiện hơn, càng nâng cao đạo đức, trí tuệ góp phần xây dựng nhân cách con người mới.

Cái đẹp bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, nó tồn tại vừa khách quan vừa chủ quan, vừa mang tính thời sự, vừa mang tính muôn thuở. Cái đẹp gắn với sự biến động và phát triển của xã hội loài người, cái đẹp là biểu hiện sự đấu tranh giữa cái cũ với cái mới và bao giờ cái mới cũng chiến thắng theo quy luật tất yếu của lịch sử.

- ***Cái đẹp trong nghệ thuật***

Cái đẹp trong nghệ thuật là sự tổng hoà cái đẹp trong tự nhiên và cái đẹp trong xã hội. Cái đẹp trong nghệ thuật do người nghệ sĩ tạo ra bằng sáng tạo độc đáo của mình và đem cống hiến cho xã hội, *“không ở đâu việc sáng tạo ra cái đẹp lại chiếm một vị trí quan trọng đến như trong nghệ thuật”*. [45, tr. 60] Nghệ thuật là nơi cao nhất tập trung mối quan hệ thẩm mỹ của con người đối với hiện thực, nói đến nghệ thuật là nói đến cái đẹp, cái gì không đẹp thì không thể là nghệ thuật.

Cái đẹp gắn bó chặt chẽ với nghệ thuật. Nhiệm vụ của cái đẹp trong nghệ thuật, trước hết là sự phản ánh chân thực cuộc sống bằng tài năng nghệ sỹ. Chính vì vậy, nghệ thuật có nhiều chức năng khác nhau: giáo dục, nhận thức, thông báo, giao tiếp, giải trí, thẩm mỹ...

Nghệ thuật đẹp là nghệ thuật xây dựng được những hình tượng đẹp mang tính điển hình phong phú, có tác động tới cuộc sống, đi vào tiềm thức từng con người để con người đồng vọng cùng cái đẹp.

Nghệ thuật là nơi biểu hiện tập trung của cái đẹp và đẹp là điều kiện đặc biệt của nghệ thuật, C.Mác nói, trong toàn bộ hoạt động sáng tạo của con người, hoạt động nào con người cũng đều sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, nhưng không ở đâu quy luật ấy lại bộc lộ rõ nét tập trung như ở nghệ thuật. Miêu tả, biểu hiện, sáng tạo

cái đẹp là mục tiêu chủ yếu, là chức năng đặc trưng của nghệ thuật. Vì vậy mà cái đẹp trong nghệ thuật có các đặc điểm căn bản sau:

Các hiện tượng đẹp của đời sống khi được đưa vào tác phẩm thì đã trải qua sự lựa chọn, qua bàn tay sáng tạo, gọt đẽo..., do đó mà đã đẹp, nó lại càng đẹp hơn. Với ý nghĩa ấy mà Hegel khẳng định: “nghệ thuật đẹp hơn cuộc sống”.

Cái đẹp trong nghệ thuật mang sắc thái biểu cảm, một cảnh tượng đẹp trong thiên nhiên không chứa đựng trong mình nó tính tình cảm, cảm xúc mà nó chỉ có những thuộc tính vật lý, hoặc do liên tưởng chủ quan của con người gán cho nó. Còn vẻ đẹp trong nghệ thuật, nó là sự kết tinh, chứa đựng tình cảm của người sáng tạo. Lê Quý Đôn, nhà bác học Việt Nam thế kỉ XVIII, xem “tình” là một trong ba điều chính của thơ.

Cái đẹp trong nghệ thuật mang tính tư tưởng, nghệ thuật phản ánh hiện thực, nhưng cái đẹp của hiện thực không chứa đựng khuynh hướng tư tưởng, trong khi đó, cái đẹp trong nghệ thuật luôn luôn có khuynh hướng tư tưởng, có thể nói, cái đẹp trong nghệ thuật chính là cái đẹp của tư tưởng. Vì vậy, khi phản ánh cái đẹp của cuộc sống vào trong tác phẩm thì không đơn giản là người nghệ sĩ sao chép lại, chụp ảnh lại mà trước hết, nghệ sĩ xuất phát từ một lập trường tư tưởng nhất định để lựa chọn, miêu tả, đánh giá. Thứ đến, người nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp sao cho phù hợp với quan niệm thị hiếu, lí tưởng thẩm mỹ của mình. Những tư tưởng lập trường là xuất phát điểm để phản ánh; những thị hiếu, lí tưởng như là đích hướng tới để sáng tạo, nếu tiên tiến, thể hiện lợi ích của nhân dân lao động sẽ làm cho tư tưởng của nghệ thuật đẹp.

Cái đẹp trong nghệ thuật là cái đẹp mang tính điển hình được diễn tả bằng những hình thức nghệ thuật khác nhau với những thủ pháp sinh động. Vì thế những tác phẩm nghệ thuật tuyệt tác có sức sống lâu bền, tồn tại vĩnh hằng.

Từ vô số những hiện tượng thẩm mỹ tản mạn, cá biệt tồn tại khắp nơi trong đời sống đã được người nghệ sĩ cô đọng, chắt lọc thành cái đẹp hoàn chỉnh và điển hình.

1.2. Cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh

1.2.1. Đặc thù của nghệ thuật nhiếp ảnh và cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh

- ***Đặc thù của nghệ thuật nhiếp ảnh***

Trong xã hội hiện nay, bên cạnh đời sống vật chất được cải thiện, đời sống tinh thần được nâng lên thì nhu cầu hưởng thụ và thưởng thức cái đẹp của con người cũng được quan tâm nhiều hơn. Nhiếp ảnh ngày nay đã được sự quan tâm của đông đảo mọi người và là một hoạt động mang tính xã hội hóa cao, bất kể ai cũng có thể mua một chiếc máy ảnh và chụp. Bức ảnh đó, có thể chỉ là lưu niệm của cá nhân, có thể để chia sẻ với bạn bè có cùng sở thích, cũng có thể trở thành ảnh tư liệu của cá nhân, của gia đình và cũng có thể trở thành tư liệu của quốc gia. Có những bức ảnh có thể được đăng báo, được triển lãm... Vì vậy, ai cũng có thể tham gia vào việc sáng tạo ra một bức ảnh. Chỉ có điều đáng quan tâm là không phải ai cũng có thể chụp được một bức ảnh có tính nghệ thuật. Ảnh nghệ thuật hay là nghệ thuật trong một bức ảnh, nó lại có ở tất cả các thể loại ảnh như: ảnh tư liệu, lưu niệm, báo chí, thời sự, phóng sự và ảnh nghệ thuật. Dù ở bất kỳ thể loại ảnh nào thì bức ảnh đó cần phải có đầy đủ những tiêu chuẩn cơ bản là: ý tưởng hay, bố cục tốt và ánh sáng đẹp.

Nhiếp ảnh là loại hình nghệ thuật kết hợp chặt chẽ giữa mỹ thuật và kỹ thuật, trong đó, nhà nhiếp ảnh sử dụng máy ảnh như là một công cụ để thể hiện xúc cảm của mình, để nắm bắt cái khoảnh khắc diễn ra tức thì của cuộc sống. Giống như tranh, sự độc đáo của một tấm ảnh còn thể hiện tính cách của người cầm máy, vốn sống của họ, trình độ thẩm mỹ, khả năng cảm thụ cái đẹp và những trải nghiệm sống, một khi đã thổi hồn của mình vào ảnh, người nghệ sĩ nhiếp ảnh có thể hòa hợp mọi đường nét, thể hiện những khoảnh khắc tuyệt vời, giúp đưa con tinh thần của mình sống mãi với thời gian.

Con đường đi tìm phẩm chất nghệ thuật của nhiếp ảnh là con đường không đơn giản và đầy khó khăn. Bất cứ nhà nhiếp ảnh nào tìm đến con đường nghệ thuật trong nhiếp ảnh cũng đã có trong mình một vốn liếng nhất định về nghệ thuật. Tuy nhiên, để định rõ hình hài và hiểu rõ về nó vẫn còn là những khoảng trống chưa dễ lấp đầy,

nó đòi hỏi nhà nhiếp ảnh phải thật sự đam mê, khả năng cảm thụ tốt, có bề dày kinh nghiệm sống, sẵn sàng trải nghiệm về cuộc đời...

Để được công nhận một bức ảnh là tác phẩm nhiếp ảnh có tính nghệ thuật, điều đầu tiên tác phẩm nhiếp ảnh đó phải có sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức.

Yếu tố hình thức: hình thức là cái vỏ ngoài, nhưng vô cùng quan trọng; nếu một tác phẩm ảnh không có một hình thức hoàn hảo hay hợp lý thì dù nội dung có sâu sắc, có đầy tính nhân văn cũng không thể là một tác phẩm nghệ thuật. Vì vậy, nó đòi hỏi người cầm máy phải có những kiến thức cơ bản nhất về hình thức trong tác phẩm nhiếp ảnh là bố cục như thế nào, ánh sáng ra sao và các tiêu chuẩn kỹ thuật đặc thù của ảnh...

Hình thức nghệ thuật mà trong đó bố cục là phẩm chất đầy đủ của một tác phẩm, là cách thể hiện mạnh mẽ nhất của cái nhìn lẫn cảm xúc và cũng là cơ sở đầu tiên hình thành nên phong cách. Bố cục có nhiều khuynh hướng, từ hàn lâm cổ điển cho đến hiện đại, từ những phương thức tạo hình chuẩn mực truyền thống cho đến những cách tân với nhiều lối mở mới trong nguyên tắc tạo hình nhằm nâng cao thẩm mỹ thị giác cho tự thân người nghệ sỹ và công chúng của họ.



Tác phẩm “Sáng và Tối”- Tác giả Lê Hồng Linh

Hình thức nghệ thuật trong tác phẩm ảnh là trên cơ sở hình thức thông thường, nhưng đã được nâng lên ở một tầm khác và được soi chiếu dưới một nhãn quan, một mỹ cảm mang yếu tố nghệ thuật. Ví dụ cũng là sử dụng ánh sáng, nhưng nhà nhiếp

ảnh thuần túy sẽ sử dụng khác, nhà nhiếp ảnh nghệ thuật sẽ sử dụng làm sao nhằm tôn bật được chủ đề, nhân vật hoặc sự kiện trong ảnh. Cũng là bố cục nhưng nhiếp ảnh nghệ thuật mang đến một cảm nhận thẩm mỹ khác biệt vừa lạ, vừa mới và vừa độc đáo đến không ngờ...

Trong bức ảnh này, việc sử dụng hiệu quả và tinh tế ánh sáng đã nâng cao thẩm mỹ thị giác đồng thời làm cho cái nhìn lẫn cảm xúc trở nên mạnh mẽ hơn.

Yếu tố nội dung: Nội dung trong ảnh là những thông tin mà ảnh chứa đựng, như: thời gian, không gian, thực tế đời sống, diễn biến sự việc sự kiện, nhân vật, cảnh quan... Không một bức ảnh nào không có một nội dung nhất định, đây cũng là điểm khác biệt giữa hội họa đương đại và nhiếp ảnh, mặc dù về cơ bản hội họa và nhiếp ảnh có nhiều điểm tương đồng. Người họa sĩ vẽ tranh trừu tượng, lập thể hay siêu thực trên bức tranh không có sự hiện diện cụ thể của một nội dung nào mà chỉ thông qua bố cục, đường nét, các mảng màu và những điểm nhấn nhá, người ta vẫn có thể cảm được bức tranh ấy nói gì. Nhiếp ảnh thì khác, không thể như thế được, nó đòi hỏi phải có một nội dung cụ thể, rõ ràng. Ngay trong khuynh hướng ảnh gọi là ý tưởng hiện nay, trong thời đại kỹ thuật số, người nghệ sĩ hay những người thợ lành nghề khi muốn thể hiện được ý tưởng của mình bằng kỹ thuật photoshop như: cắt, dán, bôi, xóa... cũng phải thông qua một hệ thống những hình ảnh, nội dung có thực để thực hiện.

Từ nội dung thuần túy mang tính chất thông tin đến nội dung mang tính chất nghệ thuật luôn có khoảng cách khác nhau, chính khoảng cách này là một trong những sự phân định giữa ảnh thông thường với ảnh nghệ thuật. Nội dung chứa đựng nghệ thuật phải trên cơ sở nội dung thông thường nhưng đã được phát hiện, nâng cao, được phá vào đấy những ý tưởng thẩm mỹ của người nghệ sĩ.

Mỗi bức ảnh đều chứa đựng một hàm lượng thông tin nhất định mà bất cứ bức ảnh nào cũng có. Nhưng để phân biệt ảnh có giá trị nghệ thuật chính là hàm lượng thông tin ấy như thế nào. Chẳng hạn, ảnh tư liệu, ảnh báo chí, ảnh thương mại, ảnh du lịch ... lượng thông tin dừng lại ở mức định dạng, nhận biết, trong khi đó, ảnh nghệ thuật, qua lượng thông tin cụ thể tạo nên những cảm xúc thẩm mỹ, những suy tưởng sâu xa vượt lên trên, ra khỏi khuôn khổ hình thức của bức ảnh. Hàm lượng thông tin

của ảnh nghệ thuật đem đến cho người ta những rung động thẩm mỹ về cái đẹp, sự cao cả, chất nhân văn, nhân bản...



Đây là tác phẩm “Ngôi nhà của chúng em”. Tác giả: Lê Nguyễn. Trong tác phẩm ảnh này, chúng ta thấy được tác giả đã chuyển tải nội dung hết sức sâu sắc – các em mơ ước cùng chung sống trong một ngôi nhà hòa bình, tác giả còn khéo

xây dựng diễn hình một cách tự nhiên khiến người xem không còn lưu tâm đến yếu tố sắp đặt.

Một tác phẩm lớn hay nhỏ phù thuộc rất nhiều vào nội dung – đề cao tính nhân văn, lòng nhân ái, tình yêu thương đồng loại, tinh thần dân tộc... Nhà nhiếp ảnh với ý thức nghệ sỹ, công dân sẽ cho ra đời những đứa con tinh thần với nội dung sâu sắc về những vấn đề trọng yếu của thời đại chắc chắn sẽ góp phần định hướng, ảnh hưởng đến phong trào sáng tác, mang hiệu ứng xã hội cao, chạm được vào trái tim, tâm cảm của công chúng và có thể sống cùng năm tháng.

Bất cứ nghệ thuật nào cũng đòi hỏi sự hài hòa của nội dung và hình thức. Tuy nhiên, đối với nghệ thuật nhiếp ảnh, do tính đặc trưng khu biệt, đòi hỏi một yếu tố không thể thiếu được, đó là *khoảnh khắc*.

Nhiếp ảnh nói chung và nhiếp ảnh nghệ thuật nói riêng là sự cố định một khoảnh khắc của cuộc sống. Cuộc sống là sự vận động không ngừng nghỉ, trong đó con người hay sự vật, hiện tượng... cũng đều bắt buộc phải tuân theo quy luật của tự nhiên. Nhiếp ảnh muốn tạo ra một tấm ảnh hay một tác phẩm ảnh, điều duy nhất phải hướng ống kính vào cuộc sống (ngay ảnh thời kỹ thuật số hôm nay cũng vậy, không thể tạo ra ảnh từ những gì không có thật trong cuộc sống).

Nhiếp ảnh là nghệ thuật cắt những lát cắt rất mỏng của cuộc sống, nhưng giá trị những lát cắt ấy vô cùng lớn lao và có thể trường tồn cùng thời gian, đây chính là thế mạnh duy nhất chỉ có ở nhiếp ảnh. Chính những khoảnh khắc mà nhiếp ảnh “định dạng” được, hay nói như trong nghề là “chộp” được, là những điển hình của diễn biến, sự việc, con người, cảnh quan... Cái điển hình đã được định dạng ấy nhiều khi có giá trị vô cùng to lớn, khái quát cả một quá trình vận động của cuộc sống của con người... Có thể thấy, điều này trong ảnh báo chí, thời sự là thành công hơn cả.

Do tính khu biệt ấy mà đối với nhiếp ảnh nghệ thuật, vai trò của *khoảnh khắc* là không thể thiếu và nhiều khi có giá trị quyết định sự thành công hay thất bại của tác phẩm ảnh. Chỉ cần một phần mấy ngàn giây, nhà nhiếp ảnh có thể bắt đứng được cuộc sống, nó giúp cho các nhà nhiếp ảnh dễ dàng nắm bắt tình huống và tạo ra tác phẩm có một không hai mà nhiều khi chính tác giả muốn chụp lại cũng không thể được. Bằng phương pháp lựa chọn điển hình, nhà nhiếp ảnh với sự mẫn cảm của tâm hồn dễ dàng phát hiện đề tài, nhân vật, lựa chọn điểm rơi, bám máy với khoảnh khắc đúng lúc, quyết định trong sự vận động khách quan của sự vật và chắc chắn sẽ cho hình ảnh sống động hơn nhiều so với phương pháp xây dựng điển hình mà không điển hình, thiếu vốn sống, dàn dựng khắp khênh, xơ cứng, xa rời cuộc sống...



Đây là tác phẩm ảnh “Cùng vui” của nghệ sĩ nhiếp ảnh Lê Hồng Linh chụp những em bé ở đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi bắt đứng cao trào của nhân vật trong ánh sáng đẹp và cái *khoảnh khắc* thể hiện niềm vui của ba đứa trẻ.

Nhiếp ảnh là một bộ môn nghệ thuật mang tính đặc thù, ở thể loại ảnh nào cũng đều cần phải có tính nghệ thuật cả, chỉ khác một chút là ảnh tư liệu, báo chí, thời sự, phóng sự, ảnh đời thường, ngoài yếu tố nghệ thuật ra thì nó đòi hỏi độ chân thực khi

phản ánh cuộc sống, còn ảnh nghệ thuật thì yếu tố thẩm mỹ được đề cao hơn. Tuy nhiên, việc phân định ảnh nghệ thuật và các thể loại ảnh khác vừa rõ ràng nhưng lại rất mong manh.

Khi một bức ảnh hội đủ các yếu tố về hình thức, nội dung, khoảnh khắc; bức ảnh ấy cũng chưa đủ trở thành tác phẩm nghệ thuật ảnh. Một bức ảnh có bố cục hợp lý, ánh sáng hợp lý, đạt chuẩn về kỹ thuật; đồng thời hàm chứa một nội dung thông tin chân thực và nắm bắt được khoảnh khắc bấm máy điển hình; bức ảnh ấy chỉ dừng lại ở giới hạn của sự phản ánh cuộc sống và mang lại một lượng thông tin tích cực cho người xem. Để trở thành tác phẩm nghệ thuật, bức ảnh ấy phải dung chứa trong nó những yếu tố của một hình thức nghệ thuật và nội dung nghệ thuật cùng với đặc tính khu biệt là *khoảnh khắc* trong ảnh.

Yếu tố quyết định quan trọng nhất, mang tính bao trùm đó là những giá trị tư tưởng và thẩm mỹ mà một tác phẩm nghệ thuật ảnh phải có.

Giá trị thẩm mỹ trong nghệ thuật nhiếp ảnh là sự bao trùm toàn bộ những gì người nghệ sĩ biểu đạt bằng ngôn ngữ nhiếp ảnh, không thể có tác phẩm nghệ thuật nhiếp ảnh nếu như, trong tác phẩm ấy không có một nội dung nghệ thuật tốt, một hình thức nghệ thuật tốt, một khoảnh khắc bấm máy điển hình, một tư tưởng vượt thoát những cái cụ thể, để mang một giá trị thẩm mỹ khơi gợi những ý tưởng tốt đẹp, cao xa trong tâm hồn con người, nhân loại; khiến con người rung động, đồng cảm với những gì nghệ thuật thị giác- nhiếp ảnh mang lại.

• Đặc thù của sự phản ánh Cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh

Cái đẹp của mỗi loại hình nghệ thuật khác nhau bởi tính đặc thù của nó, văn học thông qua ngôn ngữ, âm nhạc thông qua âm thanh, hội họa thông qua đường nét, màu sắc, còn cái đẹp của nghệ thuật nhiếp ảnh được đánh giá thông qua đặc trưng ngôn ngữ riêng là đường nét, hình khối, mảng miếng, màu sắc, ánh sáng, bố cục... là những cái có sẵn trong hiện thực được nghệ sĩ nhiếp ảnh nắm bắt, sắp xếp, chọn lựa góc độ và phản ánh nó thông qua một hệ thống các phương tiện kỹ thuật vật lý, quang học, hóa học để tạo nên tác phẩm ảnh. Như vậy, cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh đã trở thành một bộ phận hợp thành cái đẹp của thế giới nghệ thuật, góp phần làm phong phú và đa dạng hơn các loại hình của nghệ thuật đang tồn tại và cái đẹp trong

nghệ thuật nhiếp ảnh, dù ở bất cứ giai đoạn nào thì trước hết phải là cái đẹp của nghệ thuật.

Mọi cái đẹp trong nghệ thuật đều gắn với bản chất thẩm mỹ của nghệ thuật và phản ánh thế giới bằng hình tượng cũng như thông qua tình cảm thẩm mỹ và không giống như khoa học, được diễn đạt bằng các khái niệm, bằng công thức; nghệ thuật lại phản ánh thế giới thông qua hình tượng, thông qua những cái điển hình. Nghệ thuật nhiếp ảnh cũng vậy, hình tượng điển hình của nó là ghi lại những khoảnh khắc bất chợt của cuộc sống và nếu như nó có gắn với khoa học thì bản chất thẩm mỹ của nó vẫn phải gắn với hình tượng, gắn với thị hiếu thẩm mỹ và lý tưởng thẩm mỹ.

Một tác phẩm ảnh nghệ thuật được coi là đạt tới tầm cao, thì tác phẩm ấy phải hội tụ đầy đủ các yếu tố nghệ thuật, đồng thời cũng có giá trị tư tưởng và thẩm mỹ cao, trong ảnh nghệ thuật, giữa tư tưởng và thẩm mỹ không hề tách bạch mà nhiều khi là sự đồng nhất. Thực tế ở Việt Nam những năm vừa qua, tính tư tưởng trong nhiếp ảnh nghệ thuật không cao, hoặc vắng bóng của tư tưởng trong ảnh, để vươn tới một tầm tư tưởng nhất định, bản thân người nghệ sĩ phải là người có kiến thức sâu rộng nhiều mặt, có tri thức về văn hóa. Tư tưởng trong tác phẩm nhiếp ảnh được thể hiện thông qua hệ thống chuyên tải của nội dung, hình thức, khoảnh khắc; để trở thành một tác phẩm nghệ thuật có giá trị thẩm mỹ; tư tưởng trong tác phẩm ảnh thường sẽ vượt ra ngoài khuôn khổ của tác phẩm và mang tính trừu tượng, nhằm biểu đạt một điều gì đấy mà người nghệ sĩ nhiếp ảnh muốn nói tới, muốn vươn tới.

Cho nên, cái đẹp của nghệ thuật nhiếp ảnh là phải gắn bó chặt chẽ với cái bi, cái hài, cái anh hùng, cái cao cả, bởi vì các hiện tượng thẩm mỹ này đều là *các dạng biểu hiện khác nhau của cái đẹp*. Cái bi là cái đẹp bị thất bại tạm thời nhưng tạo nên sự đồng cảm thẩm mỹ sâu rộng. Cái hài là mặt đối lập của cái đẹp, là những cái xấu không đành phận xấu, là những cái xấu đội lốt cái đẹp, còn cái đẹp thỏa hiệp với cái xấu. Cái anh hùng, cái cao cả là cái đẹp to lớn, cái đẹp vượt lên trên mức bình thường, cho nên cái đẹp của nghệ thuật nhiếp ảnh mang bản chất thẩm mỹ luôn luôn có phạm vi biểu hiện rộng lớn trong các quan hệ thẩm mỹ. Cái đẹp của hình tượng nhiếp ảnh thống nhất giữa đối tượng thẩm mỹ khách quan và tình cảm chủ quan của nhà sáng tạo. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, mọi sáng tạo nhiếp ảnh mang bản chất

thực sự của cái đẹp phải gắn bó với các quan hệ thẩm mỹ và mang bản chất nền tảng của cái thẩm mỹ.

Cái đẹp trong nghệ thuật nói chung và nghệ thuật nhiếp ảnh nói riêng, trước hết là cái đẹp trong cuộc sống hiện thực được phản ánh chân thực trong tác phẩm. Con người, các hiện tượng, quá trình, các mối quan hệ là những cái đẹp trong cuộc sống cũng sẽ là những cái đẹp trong nghệ thuật chân chính.

Như chúng ta đã biết, những tác phẩm mà sức sống của nó đi cùng thời gian dường như là bất diệt, thì nó đều là những tác phẩm cùng lúc có cả nội dung đẹp và hình thức đẹp, phản ánh một cách sinh động và sâu sắc quá trình đấu tranh của cái đẹp chống cái xấu và hầu hết đều là được các nghệ sĩ bậc thầy của nhân loại tạo nên. Đó chính là cái đẹp tiêu biểu trong nghệ thuật.

Cái đẹp trong mọi loại hình nghệ thuật đều là sự phản ánh của cái đẹp từ tự nhiên và xã hội, cái đẹp đó phải đáp ứng được những yêu cầu cả về nội dung tư tưởng và hình thức thể hiện, bất kỳ một tác phẩm nghệ thuật nào cũng phải mang trong mình tư tưởng của tác giả, tư tưởng đó phải phù hợp với tâm trạng, tình cảm của tác giả cũng như người thưởng thức. Trên hết, nó phải hướng đến cái hợp quy luật phát triển chung của xã hội - đáp ứng được tiêu chí chân - thiện - mỹ. Cái đẹp trong nghệ thuật còn được thể hiện cả ở hình thức thể hiện của tác phẩm, mang nội dung ý nghĩa sâu sắc cần được thể hiện bằng hình thức phù hợp, hài hòa, cân đối, đáp ứng những tiêu chuẩn cụ thể của mỗi môn nghệ thuật riêng để tác phẩm có thể diễn đạt nội dung tư tưởng một cách tốt nhất, đến được với công chúng.

Nhiếp ảnh cũng vậy, cái đẹp của nó cũng không nằm ngoài những yêu cầu chung của sự biểu hiện của cái đẹp trong nghệ thuật. Đó là sự phản ánh và sáng tạo từ cái đẹp của tự nhiên và xã hội, là sản phẩm sáng tạo của người cầm máy, là sự thống nhất biện chứng giữa cái chung và cái riêng, thống nhất biện chứng giữa nội dung và hình thức. Cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh mang tính điển hình, tính biểu cảm, tính ước lệ, mang bản chất xã hội sâu sắc: tính lịch sử, tính dân tộc, tính giai cấp, tính nhân loại... cần được thể hiện trong tác phẩm ảnh.

Nhiệm vụ của nhiếp ảnh là phải phản ánh được cuộc sống diễn ra như thế nào và ghi lại bằng hình ảnh một cách chính xác, từ đó đặt ra những vấn đề cần thay đổi

và cải tạo nó. Người nghệ sĩ phải là người vừa phản ánh hiện thực nhưng cũng vừa thi vị hóa cuộc sống bằng chính tác phẩm của mình, thổi hồn vào trong tác phẩm của mình, để soi vào đó công chúng sẽ nhận thức hiện thực hoặc là tình yêu hay là niềm vui sống, thật không phải dễ dàng để đạt được điều đó, nó đòi hỏi người cầm máy phải có bản lĩnh, vốn sống và cả hành trình dần thân.

- ***Các loại hình nhiếp ảnh***

Ngay từ khi ra đời, nhiếp ảnh đã chứng minh được nó là một nghệ thuật đa dạng với nhiều thể loại phong phú và ngày càng cho ra nhiều trào lưu mới. Hiện nay, ước tính đã có tới 30 thể loại ảnh, trong đó có loại rất cổ như ảnh phong điền, chân dung, thể thao, thời trang, kiến trúc,... loại ra đời trung kỳ như âm thực, gia đình, trên không, dưới nước, sự sống hoang dã,... và mới hơn như ảnh tối giản, ý niệm, micro, macro, close – up, khoa học, cưới hỏi, trẻ em, thú cưng, vật dụng... Phần lớn các thể loại mới đây đều xuất hiện từ 30 đến 40 năm trước song đã trở thành một sân chơi rộng lớn, cho phép người nghệ sĩ sáng tác tùy hứng về cả nội dung lẫn hình thức, thậm chí người mới vào nghề cũng có các tác phẩm đẹp. Vì vậy với nhiếp ảnh, mỗi thể loại đều mang một ý nghĩa, mục đích khác nhau. Do đó việc xác định rõ các thể loại trong nhiếp ảnh là vấn đề rất cần thiết đối với những người quan tâm đến loại hình nghệ thuật này.

Thể loại là những hình thức biểu hiện cơ bản của nhiếp ảnh mang tính thẩm mỹ, nhằm nhận thức và phản ánh thực tại khách quan, được xác định bởi đặc điểm của đối tượng, ý đồ và phạm vi phản ánh của tác phẩm, cũng như phương pháp thể hiện.

Thể loại chịu sự chi phối bởi sự lao động sáng tạo của tác giả. Các nhà nhiếp ảnh không làm chủ được thể loại thì không thể nào bộc lộ được phong cách sáng tác.

Nghệ thuật nhiếp ảnh cũng như các bộ môn văn học nghệ thuật khác không một tác phẩm nào nằm ngoài thể loại, nói cách khác, một tác phẩm nhiếp ảnh nào đó không ở thể loại này thì ở thể loại khác; không có tác phẩm văn học nghệ thuật phi thể loại, bởi nghệ thuật nhiếp ảnh cũng chịu sự chi phối của thể loại.

Thể loại ra đời là một tất yếu khách quan, là sự đòi hỏi của công chúng yêu nghệ thuật nhiếp ảnh, thể loại phát triển theo sự phát triển của cuộc sống con người và xã hội. Các thể loại nhiếp ảnh ra đời sớm nhất là: *Tĩnh vật – Phong cảnh – Chân*

dung. Ba thể loại này vốn đã có trong hội họa, nhiếp ảnh đã tiếp thu một cách nhanh chóng. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cùng với sự phát triển của nghề in và kỹ thuật in bản kẽm ra đời, báo chí ngày càng phát triển, một thể loại ảnh mới ra đời đó là ảnh báo chí.

Việc phân chia thể loại dựa trên những yếu tố sau:

Phân chia theo đặc điểm đối tượng:

Thí dụ: Chụp một ngôi chùa, nhưng tác giả chỉ muốn thể hiện vẻ đẹp của kiến trúc ngôi chùa, nên chỉ đặc tả ngôi chùa hay một chi tiết đẹp đặc trưng của ngôi chùa. Đó là bức ảnh kiến trúc.

Cũng ngôi chùa đó, được tác giả thể hiện trong không gian rộng lớn với cây đa giếng nước sân chùa, trời mây lồng lộng... Bức ảnh đó không còn là ảnh kiến trúc mà là ảnh phong cảnh kiến trúc, hay ảnh di sản văn hóa.

Phương pháp thể hiện: mỗi thể loại ảnh có một phương pháp thể hiện khác nhau, độc lập và ổn định, không thể đưa phương pháp thể hiện thể loại ảnh này để thể hiện cho thể loại khác.

Thí dụ: Đối với ảnh tĩnh vật ta có thể sắp xếp, bố trí, dàn dựng ..., ngược lại chụp chân dung không nên can thiệp, bố trí... mà phải “chộp” được khoảnh khắc có sức biểu cảm nhất của nhân vật mà mình mong muốn.

Ảnh hưởng của thể loại: Có xác định được thể loại ảnh, người chụp mới phân định được nội dung và phạm vi phản ánh. Trên cơ sở xác định nội dung và phạm vi phản ánh, tác giả mới tìm phương pháp thể hiện nhằm đạt được hiệu quả cao. Thể loại là phương tiện sinh động đa dạng, giàu tính thẩm mỹ để truyền đạt nội dung tư tưởng của tác phẩm đến người xem đạt hiệu quả cao. Thể loại giúp cho người xem phát hiện được cách nhìn, cách cảm mới mẻ mà bản thân họ chưa hề nghĩ đến.

Ảnh nghệ thuật: Là loại ảnh có chất lượng nghệ thuật cao, nội dung sâu sắc, có sức lan tỏa lớn và sống mãi với thời gian, do nhà nghệ sĩ sáng tạo ra từ những sự vật bình thường, giản dị trong cuộc sống thường nhật, trở thành hình tượng nghệ thuật có sức cuốn hút người xem. Ảnh nghệ thuật mang đến cho công chúng một cái gì đó lớn hơn, mới hơn, hấp dẫn hơn, cao đẹp hơn bản thân sự vật về nội dung tư tưởng cũng như hình thức thể hiện.

Các thể loại ảnh nghệ thuật

Ảnh phong cảnh thiên nhiên: Ghi lại cảnh thiên nhiên mà trong đó (nếu có con người) không chiếm diện tích lớn trong khuôn hình, “Cái tôi” của tác giả bao giờ cũng mang một ý nghĩa, mục đích nhất định về nội dung. Ngoài nội dung tư tưởng, ảnh phong cảnh phải mang được cái “hồn” đất nước.

Ảnh chân dung: Các hoạt động văn học nghệ thuật nói chung, nhiếp ảnh nói riêng luôn luôn lấy con người làm đối tượng mô tả. Chân dung là dung nhan chân thật của một con người, một tập thể người với định nghĩa này chỉ mới thể hiện được dáng vẻ bên ngoài. Ngày nay, ảnh chân dung được hiểu một cách đầy đủ là một tác phẩm giới thiệu về một con người hay một tập thể người với sự nhấn mạnh về nét mặt, hình dáng, qua đó làm cho người xem cảm nhận được tâm trạng của nhân vật.

Ảnh kiến trúc: Mô tả công trình kiến trúc như nhà ở, dinh thự, đình chùa, phố phường... với vẻ đẹp cao sang độc đáo về kiến trúc, do các kiến trúc sư sáng tạo nên.

Ảnh tĩnh vật: Miêu tả các đồ vật vô tri vô giác gắn bó với cuộc sống con người, được bố trí, sắp đặt, dàn dựng ở trạng thái tĩnh, để giới thiệu với người xem về một nội dung, một ý nghĩa, hay một tư tưởng nào đó. Vì vậy, ảnh tĩnh vật không chỉ dừng lại ở mục đích trang trí nhằm thỏa mãn con mắt thẩm mỹ của người xem mà ảnh tĩnh vật phải mang một ý đồ nghệ thuật rõ ràng để làm nổi bật nội dung tư tưởng, mang đến cho người xem một cảm nhận nào đó về ý nghĩa nhân văn xã hội.

Ảnh thể thao: Phản ánh hoạt động phong phú của các bộ môn thể thao từ các buổi tập luyện đến các cuộc thi đấu so tài. Ảnh thể thao phản ánh những nét đẹp, những thành tích đạt kỷ lục của các vận động viên trong quá trình tập luyện, thi đấu mang tính nghệ thuật cao, thông qua những động tác hấp dẫn ở những “khoảnh khắc cao trào”, những động tác phức tạp, bất bình thường mà vận động viên đã vượt qua một cách hoàn hảo ngoạn mục.

Ảnh sân khấu: Phản ánh mọi hoạt động tiêu biểu của các diễn viên trong luyện tập cũng như trong biểu diễn. Chụp ảnh sân khấu: ánh sáng yếu, nhưng không được phép chụp đèn chớp, dùng đèn chớp chẳng những không thể hiện trung thành màu sắc của sân khấu, ảnh bị bẹt, thiếu hình khối... mà còn ảnh hưởng đến biểu diễn của diễn viên.

Ảnh khỏa thân: Là một thể loại chân dung đặc biệt, khó chụp. Và không phải bất cứ người nào có khuôn mặt đẹp, vóc dáng cân đối đều có thể tạo nên bức ảnh khỏa thân đẹp. Cơ thể con người là một tổng hòa các hình khối, bề mặt, các đường cong uốn lượn...

Ảnh ý tưởng (ảnh thể nghiệm): Một thể loại mới ra đời vào nửa đầu thế kỷ XX, khi kỹ thuật số chưa ra đời, ảnh ý tưởng được tiến hành bằng thủ công buồng tối, công việc khá phức tạp, phải qua nhiều khâu. Ngày nay, nhờ phần mềm photoshop, việc tạo nên một tác phẩm ảnh ý tưởng dễ dàng hơn nhiều, vừa nhanh, đẹp, chính xác, quan trọng là nghĩ ra được ý tưởng, ý tưởng càng sâu nội dung càng tốt.

1.2.2. Nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam

• Vài nét về lịch sử nhiếp ảnh Việt Nam

Ở Việt Nam năm 1865, dưới triều Vua Tự Đức, khi đi công tác sang Trung Hoa, ông Đặng Huy Trứ đã mua một bộ máy chụp và rửa ảnh mang về. Đồng thời ông thuê một người Hoa là Dương Khải Trí, cùng về Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 1869 (năm Kỷ Ty), ông mở hiệu ảnh đầu tiên mang tên *Cảm Hiếu Đường* ở Thanh Hà, Hà Nội. Đây là hiệu ảnh đầu tiên của người Việt Nam mở tại Việt Nam và chính ông đã ghi lại trong bộ sách “*Đặng Hoàng Trung Văn*” quyển III từ 6, 7 và 8 viết bằng Hoa ngữ hiện được lưu trữ tại thư viện Trung ương Hà Nội. Với mục đích kinh doanh, hiệu ảnh *Cảm Hiếu Đường* có niêm yết bảng giá được quảng cáo rầm rộ, đã trở thành hiệu ảnh đầu tiên của Việt Nam có tiếng nhất lúc bấy giờ, hiệu ảnh đã chụp được nhiều ảnh chân dung cho người Hà Nội và vùng lân cận.

Nhiếp ảnh du nhập vào Việt Nam trong hoàn cảnh nước nhà phải chịu sự cai trị hà khắc của thực dân Pháp, đời sống kinh tế lạc hậu, đời sống văn hóa tinh thần của người dân cũng bị bóp nghẹt và lạc hậu hơn so với các nước khác trong thời gian này, vì vậy nhiếp ảnh càng khó phát triển. Năm 1890, tại Hà Nội chỉ có vài hiệu ảnh của người Hoa, chuyên chụp ảnh lưu niệm. Lúc đó, kỹ thuật ảnh còn lạc hậu, giá thành đắt, người dân ít chụp ảnh nên nhiếp ảnh vẫn chưa phát triển.

Đầu thập niên 1930, nhiếp ảnh của Việt Nam phát triển mạnh mẽ và lan rộng ra toàn cõi Việt Nam, nhưng nó cũng chỉ dừng lại ở thể loại nhiếp ảnh dịch vụ mà thôi. Trong thời gian đó, phải kể đến công lao giúp cho nhiếp ảnh Việt Nam ngày càng

phát triển của ông Nguyễn Đình Khánh, tức Khánh Ký, quê tại thôn Lai xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (trước là tỉnh Hà Đông). Theo tài liệu của sở văn hóa Hà Nội, Nguyễn Đình Khánh học nghề ảnh ở hiệu ảnh Du Chương. Năm 1905, ông mở hiệu ảnh lấy tên Khánh Ký ở Hà Nội. Sau đó ông còn mở hiệu ảnh ở Nam Định. Thợ làm ảnh của ông phần lớn là người Lai Xá, chủ yếu họ hàng, hiệu ảnh của ông có khi lên đến vài chục người vừa học vừa làm. Ảnh chân dung của ông có kiểu chụp riêng và rất đặt trưng là khi chụp phải chụp toàn thân, người được chụp phải ngồi trên ghế, hai tay đặt trên đầu gối, khi chụp phải thấy rõ cả 10 đầu ngón tay chân, kiểu chụp này đến ngày nay vẫn còn phổ biến ở những vùng nông thôn, miền núi.

Vào thời gian này, ông cũng tham gia phong trào Đông Du Nghĩa Thục, khi phong trào bị bại lộ, ông phải trốn sang Pháp. Ở Pháp, ông mở một hiệu ảnh tại Tulu và đó cũng là nơi đón tiếp kiều bào, những người yêu nước hoạt động bí mật và cả các du học sinh của ta khi đến đây, về sau ông cũng mở hiệu ảnh ở Paris, Nguyễn Ái Quốc cũng từng đến đây làm việc lấy tiền kiếm sống để hoạt động cách mạng. Năm 1924, Nguyễn Đình Khánh trở về nước, ông mở hiệu ảnh ở Hải Phòng, sau ông vào Sài Gòn mở hiệu ảnh ở đường Bonard (nay là Lê Lợi).

Tại Sài Gòn, năm 1908, có rất nhiều hiệu ảnh được mở ra nhưng phải kể đến hai hiệu ảnh nổi tiếng lúc bấy giờ là Brignon ở đường Bonard và hiệu ảnh Gastady ở đường Espagne (nay là đường Lê Thánh Tôn). Điểm nổi bật của hai hiệu ảnh này là kỹ thuật nhiếp ảnh khá cao, đặt biệt là hiệu ảnh Gastady với bằng cử nhân nhiếp ảnh của mình, hiệu ảnh này có trang bị phòng chụp ảnh chân dung, một hệ thống buồng tối khá hiện đại, có thể phóng ảnh cỡ lớn từ 5 mét đến 10 mét, có phòng làm bản kẽm và cả máy in. Hiệu ảnh của ông chủ yếu chụp chân dung cho các quan lại cao cấp, các tướng lĩnh, các nhà tư sản và địa chủ cỡ lớn ... và chủ yếu nhờ nhận thầu công việc của chính quyền Pháp. Năm 1942, Thế chiến thứ II bùng nổ, do không nhận được sự trợ cấp của chính quyền thực dân nên hiệu ảnh phải đóng cửa.

Cũng vào những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ 20 bắt đầu xuất hiện phong trào chơi ảnh nghệ thuật, với sự xuất hiện của các nhiếp ảnh gia như Võ An Ninh, Phạm Ngọc Chất, Phạm Văn Mùi, Nguyễn Văn Khải... Trong giai đoạn này, nhiếp

ảnh Việt Nam thi thoảng cũng được triển lãm nhưng là như một “nghệ thuật khéo tay” trong một góc phiên chợ hay đầu xảo, gần những cửa hàng dệt, đan, đồ gốm, thậm chí là còn gần một cửa hàng nước mắm...

Năm 1951, nhiếp ảnh gia Lê Đình Chử xuất bản sách ảnh *Để Chụp và Rửa Ảnh Mau Chóng* (sau đặt tên lại là *Chụp và Rửa Ảnh*) tại Hà Nội. Năm 1952, lần đầu tiên, 21 nhà nhiếp ảnh Việt Nam gồm có: Trịnh Văn Bách, Phạm Ngọc Chất, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Lê Giang, Nguyễn Đạo Hoan, Đỗ Huân, Tchen Fong Ku, Tchan Fou Li, Phạm Văn Mùi, Võ An Ninh ... triển lãm hơn 100 tác phẩm nhiếp ảnh nghệ thuật tại Nhà Hát Lớn Hà Nội với tựa đề "Triển lãm Ảnh Mỹ thuật 1952"; triển lãm này là bước khởi đầu quan trọng của Nhiếp ảnh Nghệ thuật Việt Nam về sau.

Sau năm 1954, những nhiếp ảnh gia di cư vào miền Nam như Nghiêm Vĩnh Cẩn, Phạm Ngọc Chất, Nguyễn Văn Chiêm, Đỗ Văn Cương, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Mạnh Đan, Nguyễn Lê Giang, Nguyễn Đức Hồng, Bùi Quý Lân, Phạm Văn Mùi, Trịnh Đình Phụng, Trần Lê Sinh, Nguyễn Văn Thông và Lỗ Vinh... là những cột trụ của sinh hoạt Nhiếp ảnh miền Nam cho đến 1975, ảnh hưởng còn đến nhiều năm sau đó.

Từ 1955 tới 1975, tại miền Nam, những cuộc triển lãm ảnh, thi ảnh được liên tục tổ chức hàng năm (có năm hai hoặc ba lần triển lãm hoặc thi ảnh),

Năm 1958, Việt Nam đứng ra tổ chức các cuộc thi ảnh Quốc tế và ảnh nghệ thuật Việt Nam cũng được gửi đi triển lãm và dự thi ở nhiều nước trên thế giới. Các nhiếp ảnh gia miền Nam đoạt nhiều tước hiệu và giải thưởng cao trên ảnh trường quốc tế như Khuru Từ Chấn, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Mạnh Đan, Nguyễn Ngọc Hạnh, Trần Linh, Nguyễn Bá Mậu, Phạm Văn Mùi, Đơn Hồng Oai, Trần Đại Quang, Lý Lan Siêu, Lê Anh Tài... Các Hội Ảnh ở Việt Nam trong thời gian này là Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam, Hội ảnh Việt Mỹ, Hội Ảnh Nghệ thuật Việt Nam., Hội ảnh Tinh Võ, Nghĩa An và Vân Trang của người Việt gốc Hoa...

Ở miền Bắc sau năm 1955, các nhà nhiếp ảnh mở *Hợp tác xã Nhiếp ảnh*. Nhiều người đi học báo chí, nhiếp ảnh, điện ảnh tại Liên Xô, Đông Đức, Tiệp Khắc và Ba Lan. Các nhà lãnh đạo nhiếp ảnh tại Việt Nam ngày nay, đa số là những người đã du học về nhiếp ảnh tại Liên Xô và Đông Đức.

Trong thời gian này, một số sách nhiếp ảnh được xuất bản như: *Bước Đầu Chụp Ảnh* của Nguyễn Cao Đàm, 1966, *Bước Đầu Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật* của Nguyễn Cao Đàm và Trần Cao Lĩnh, 1967, *Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật Bước Hai* của Nguyễn Cao Đàm và Trần Cao Lĩnh, 1972, *Việt Nam Quê Hương Yêu Dấu* của Nguyễn Cao Đàm và Trần Cao Lĩnh, 1967, *Cao Nguyên* của Nguyễn Cao Đàm và Trần Cao Lĩnh, 1969, *Việt Nam Khói Lửa* của Nguyễn Mạnh Đan và Nguyễn Ngọc Hạnh, 1968, *Những Kiệt Tác Nhiếp Ảnh 1974* do Nguyễn Ngọc Hạnh xuất bản, 1975.

Trong giai đoạn này, các tiệm ảnh được mở ra tại tất cả các tỉnh, các quận và một số xã trên toàn quốc, riêng tại Sài Gòn có phòng ảnh màu quy mô như Perfect Photo Lab của Lý Lan Siêu và Pacific Color Lab của Trần Linh, phòng ảnh màu của ông Lê Huy Kha và của ông Bùi Quý Lân.

Năm 1958, *Ban Liên lạc Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam* được thành lập với 11 thành viên, sự ra đời của Ban Liên lạc đã đánh dấu một bước ngoặt cho những hoạt động của nhiếp ảnh Việt Nam. Ngay sau khi Ban ra đời, có liên tiếp các hoạt động được tổ chức như *Triển lãm Nghệ thuật Việt Nam*, cuộc thi ảnh *Mùng 15 năm nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng*. Những triển lãm này đều thành công vang dội với nhiều tác phẩm đạt giải cao.

Năm 1965, "*Hội Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh Việt Nam*" được thành lập tại Hà Nội với ba hoạt động chính: tổ chức sáng tác, phát động các cuộc thi và triển lãm ảnh nhằm tập hợp nguồn ảnh lớn, đáp ứng yêu cầu trong nước và quốc tế, góp phần làm cho dư luận quốc tế hiểu và ủng hộ cuộc đấu tranh của Việt Nam; trong giai đoạn này, hội đã nhiều lần gửi ảnh của hội viên đi dự thi tại nước ngoài, hầu hết là tại các nước trong khối xã hội chủ nghĩa.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, một số phóng viên nhiếp ảnh được đưa vào chiến trường B hoặc trải dài theo đường mòn Hồ Chí Minh, một số được phân công chụp ảnh phòng không chống máy bay Mỹ. Hơn 80 người đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Ở thời điểm đó giàn phóng viên nhiếp ảnh của miền Bắc rất vững, mặc dù máy móc, trang thiết bị, dụng cụ còn yếu kém và tất cả đều phụ thuộc vào phóng viên ảnh. Thời gian này, hoàn toàn không có người sinh hoạt nhiếp ảnh nghệ thuật thuần túy.

Phương pháp sáng tác trong thời gian này là gọi là Phương pháp sáng tác XHCN, nhiếp ảnh Nghệ thuật thuần túy hoàn toàn không có. Tuy nhiên, nhiếp ảnh gia Đỗ Huân, một trong 21 nghệ sĩ nhiếp ảnh triển lãm tại Nhà Hát Lớn Hà Nội năm 1952, vẫn chụp ảnh nghệ thuật và ông đã từng bị phê bình. Đến năm 1986, những hình ảnh này của ông, mới được đem ra triển lãm lần đầu tiên trước công chúng.

Trong thời gian này, Bộ Thông tin Văn hóa cũng đã cho tổ chức một số cuộc thi ảnh trong nước và hình ảnh thông tin, tuyên truyền được trưng bày sâu rộng trong quần chúng. Khi không lực Mỹ oanh tạc miền Bắc, nhiều phóng viên đã được bố trí gần những dàn súng phòng không để chụp cảnh bắt được giặc lái Mỹ để làm hình ảnh phóng sự, những hình ảnh bắt giặc lái Mỹ của các phóng viên Văn Bảo, Phan Thoan... là những ảnh phóng sự tuyệt hảo. Các phóng viên khác nổi tiếng trong giai đoạn này là Vũ Ba, Lương Nghĩa Dũng, Đinh Đăng Định, Võ An Khánh, Trần Bình Khuôi, Xuân Liễu, Mai Nam, Dương Thanh Phong, Hoàng Văn Sắc, Lâm Tấn Tài, Chu Chí Thành, Trọng Thanh, Nguyễn Hữu Thống, Đoàn Công Tính, Vũ Tạo, Lê Minh Trường...

Vào 1975, nhiều phóng viên nhiếp ảnh đã được bố trí để vào Nam, hoặc từ mặt khu về Sài Gòn bằng xe gắn máy để chụp ảnh. Phóng viên Vũ Tạo đã chụp được hình ảnh xe tăng của húc đổ cánh cửa dinh Độc Lập kết thúc cuộc chiến.

Năm 1981, Hội Nhiếp ảnh Tp. Hồ Chí Minh được thành lập và nhiều nhiếp ảnh gia chọn đường lối gia nhập để có giấy phép hoạt động. Những người chụp ảnh dạo, như ở Sở Thú, nhà thờ Đức Bà...đều phải có giấy phép... vì nghề ảnh là một trong số 7 nghề do công an quản lý.

Về công tác huấn luyện, Hội Nhiếp Ảnh Tp. Hồ Chí Minh, Nhà Văn hóa Thanh niên, Nhà Văn hóa Phụ nữ... có mở những lớp nhiếp ảnh và hiện vẫn còn tiếp tục.

Năm 1986, các công ty Nhật, Mỹ, Đức tràn vào Việt Nam khai thác thị trường ảnh như: Fuji, Mitsubishi, Canon, Nikon, Olympus, Ricoh, Kodak, Agfa. Từ năm 2000 trở đi, nhiếp ảnh kỹ thuật số đã dần dần thay thế nhiếp ảnh truyền thống đã từng có mặt tại Việt Nam từ hơn 100 năm nay.

Năm 1992, Việt Nam gửi ảnh dự thi quốc tế và triển lãm ảnh ở nhiều nước, gia nhập FIAP (Tổ chức nhiếp ảnh nghiệp dư trên thế giới) và FAPA (Liên đoàn nhiếp

ảnh nghệ thuật Châu Á) và ảnh Việt Nam đã nhận được tước hiệu quốc tế, gần như hầu hết là với FIAP.

Năm 1994, Rick Smolan và 70 nhiếp ảnh ngoại quốc đến Việt Nam chụp ảnh "Đời sống hàng ngày" tại Việt Nam trong 7 ngày. Sách ảnh "Passage to VietNam" sau đó được xuất bản. Đây là lần đầu tiên một số đông phóng viên nhiếp ảnh ngoại quốc đi khắp nước Việt Nam.

Về tổ chức, Hội Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh Việt Nam phụ trách nhiếp ảnh toàn quốc; những thành phố lớn có Hội Nhiếp ảnh Thành phố, các thành phố nhỏ hơn, có Chi hội của Hội Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh Việt Nam, ngoài ra, còn có rất nhiều Câu lạc bộ Nhiếp ảnh và một số cá nhân sinh hoạt riêng lẻ. Về phương diện tài chánh, Hội Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh Việt Nam được chính phủ tài trợ để hoạt động, lại thêm một số công ty phim máy, giấy ảnh tài trợ nên Việt Nam mỗi năm tổ chức trên dưới 30 cuộc thi ảnh mà phần thưởng có khi trị giá tới cả ngàn đô la. Năm 1996, Hội Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh Việt Nam tổ chức cuộc thi ảnh quốc tế Việt Nam lần thứ 1 tại Hà Nội, dưới sự bảo trợ của FIAP; và tiếp tục ở những năm 2002, 2005, 2007.

Ngày nay, Việt Nam là một quốc gia đạt được rất nhiều giải thưởng cao trong các cuộc thi ảnh trên khắp thế giới, nhiều nhiếp ảnh gia, nhiều câu lạc bộ nhiếp ảnh đã đạt được nhiều thành tích cao trong các cuộc thi ảnh quốc tế, đặc biệt là cuộc thi ảnh hàng năm tại Áo.

- ***Thành tựu và hạn chế:***

Thành tựu: Nhiếp ảnh Việt Nam với hơn một thế kỷ ra đời, tồn tại và phát triển với những bước thăng trầm theo dòng lịch sử của nước nhà đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Ngay từ những năm đầu tiên, nhiếp ảnh Việt Nam đã lan tỏa ra khắp ba miền với các hiệu ảnh nổi tiếng như Khánh Ký của ông Nguyễn Đình Khánh ở Hà Nội, Hải Phòng và Sài Gòn. Tại Sài Gòn – Chợ Lớn, lúc bấy giờ cũng có rất nhiều hiệu ảnh nhưng nổi tiếng nhất là Brignon ở đường Bonard và hiệu ảnh Gastady ở đường Espagne (nay là đường Lê Thánh Tôn) với kỹ thuật và máy móc khá hiện đại.

Những năm 30 của thế kỷ XX, bắt đầu với những buổi triển lãm ảnh nhỏ như là “một nghệ thuật khéo tay” nhưng nó đã đem lại nhiều động lực cho các nhiếp ảnh gia như Võ An Ninh, Phạm Ngọc Chất, Phạm Văn Mùi, Nguyễn Văn Khai...

Khi cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, cùng với nền nghệ thuật nước nhà, nhiếp ảnh Việt Nam đã song hành cùng cuộc chiến tranh khốc liệt của cả dân tộc kéo dài 30 năm với nhiều tác phẩm có giá trị về đề tài chiến tranh và cách mạng, rất nhiều tác phẩm ảnh quý trở thành tư liệu vô giá, là những bằng chứng lịch sử của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.



Từ những năm đầu kháng chiến, người sớm đem huy chương vàng về cho Việt Nam là chiến sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Tiến Lợi, phóng viên của Việt Nam Thông tấn xã với bức ảnh “*Xung phong*” được chụp ở trận Phố Ràng, Lào Cai tháng 6 năm 1949. Lúc đầu, bức ảnh có tên “Trận Phố Ràng”, sau đổi thành “Xung phong”; “Xung kích”... nhưng tên tác phẩm “Trận Phố Ràng” bao hàm đầy đủ ý nghĩa hơn cả. Bằng ống kính có tiêu cự trung bình,

chụp với tốc độ chậm vừa phải, Nguyễn Tiến Lợi áp sát, chụp cận cảnh một chiến sĩ chân đất, đầu đội mũ nan, với cành lá ngụy trang, súng trong tay, lưỡi lê tuốt trần đang băng qua xác giặc. Hình ảnh rung nhòe trước ống kính thật sinh động, hậu cảnh là khói lửa và các chiến sĩ ta tiếp tục xông lên phía trước, bức ảnh ghi lại đợt xung phong lần thứ 11 của quân ta, bấy nhiêu đó đủ thấy chiến sự diễn ra giữa ta và địch là vô cùng ác liệt, người chiến sĩ cầm máy ảnh Nguyễn Tiến Lợi cũng là chiến sĩ xung kích dũng cảm phi thường. Bức ảnh này đã đạt Huy chương vàng liên hoan ảnh nghệ thuật quốc tế tổ chức tại Cu Ba và được triển lãm ở nhiều nước sau đó, bức ảnh được báo chí thế giới ca ngợi hình tượng chiến sĩ Việt Nam súng trường, chân đất chiến đấu với lòng dũng cảm vì độc lập dân tộc, bức ảnh thể hiện sự hòa quyện giữ tính

chân thật lịch sử và tính nghệ thuật cao cả. Bức ảnh này được tuyển chọn và in trong tuyển tập: "*Ảnh Việt Nam thế kỷ XX*".

Giai đoạn 1945 - 1975, có thể nói là giai đoạn rực rỡ nhất của nhiếp ảnh Việt Nam, nhiếp ảnh Việt Nam đã được tặng tám huân chương cao quý - Huân chương Hồ Chí Minh. Giai đoạn 1954 - 1975 là giai đoạn miền Bắc đối mặt với những thách thức lớn, vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa, vừa chống lại âm mưu của đế quốc Mỹ, vừa là hậu phương lớn cho chiến trường miền Nam.

Năm 1958, thực hiện chủ trương cải tạo công thương nghiệp, ngành nhiếp ảnh dịch vụ ở các tỉnh thành miền Bắc, đối với các hiệu ảnh nhỏ được tập thể hóa, riêng các hiệu ảnh lớn thực hiện công tư hợp doanh. Năm 1962, số thợ ảnh lên đến 4.325 người, họ được Công ty Nhiếp ảnh Hà Nội và Hà Tây bồi dưỡng đào tạo tay nghề. Nhiều thợ ảnh chụp chân dung trong các hiệu ảnh được chọn ảnh bày triển lãm. Theo định kỳ, hàng năm Công ty Nhiếp ảnh tổ chức thi tay nghề. Một số thợ ảnh trong các cửa hiệu có tay nghề cao, tranh thủ những ngày nghỉ, rời phòng chụp đi vào sáng tác cuộc sống đời thường, thể hiện chân dung người tốt việc tốt, hoặc phản ánh phong trào "Phụ nữ 3 đảm đang", hay "Thanh niên 3 sẵn sàng"...

Cuối năm 1964 (5/8/1964), đế quốc Mỹ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, cả nước là một chiến trường, đặt lên vai các nhà nhiếp ảnh nhiệm vụ mới nặng nề hơn, một lần nữa họ khoác ba lô máy ảnh lên đường ra mặt trận, tham gia vào cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước, góp phần giải phóng dân tộc thống nhất Tổ quốc.

Khi Mỹ quay trở lại với chiến tranh phá hoại miền Bắc vì thế tất cả các tỉnh thành miền Bắc đều bị Mỹ ném bom, lúc này có nhiều phóng viên đã bám sát, chụp được những bức ảnh giá trị và hầu hết những người cầm máy từ phóng viên, nghệ sĩ đến người làm ảnh dịch vụ đều sẵn sàng phản ánh trực tiếp tội ác của Mỹ qua những bức ảnh về các điểm bị ném bom, hình ảnh nhân dân khắc phục hậu quả phá hoại. Bên cạnh đó, ca ngợi lòng yêu nước của con người miền Bắc, sẵn sàng cầm vũ khí bảo vệ quê hương, ca ngợi tinh thần yêu thương, đùm bọc lẫn nhau của con người Việt Nam qua các bức ảnh cứu nạn, cứu trợ,... tất cả đều với một ý chí quyết tâm đánh đuổi giặc Mỹ.

Sau kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, đội ngũ nhiếp ảnh khắp cả nước được tập hợp lại và phân công về các cơ quan thông tin báo chí lớn trong cả nước như Việt Nam Thông tấn xã, Báo Nhân dân, Báo Quân đội Nhân dân, Báo Tiền phong,... Việt Nam Thông tấn xã được giao nhiệm vụ nòng cốt phát triển ảnh báo chí, nghiên cứu kỹ thuật nhiếp ảnh, đào tạo đội ngũ phóng viên mới để kịp thời phục vụ giai đoạn cách mạng mới, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Song song với miền Bắc, nhân dân miền Nam tiến hành đồng khởi, anh chị em nhiếp ảnh ở khắp các thành thị được thức tỉnh và bằng nhiều con đường khác nhau đã dùng máy ảnh tham gia ghi lại sự kiện vĩ đại này, các bức ảnh được triển lãm ở các xã, huyện, một số được gửi lên các cơ quan cấp miền, Trung ương tham gia vào ngân hàng ảnh của Việt Nam Thông tấn xã. Các tác phẩm ghi lại hình ảnh về chiến trường miền Nam đều là những bức ảnh phản ánh chân thực về những hoạt động của chiến trường, trong đó, một bức ảnh được coi là tài liệu giáo khoa của nhiếp ảnh, tái hiện được cả cuộc chiến giai đoạn lịch sử này là bức ảnh “*Đường ra tiền phương*” của phóng viên Thông tấn xã Đinh Quang Thành.



Bức ảnh “*Đường ra tiền phương*” được Đinh Quang Thành chụp vào một đêm tháng 6/1966, tại cầu Gián Khuyết đoạn qua sông Đáy trên quốc lộ 1A. Nguyễn Thị Phúc, đội viên Đại đội thanh niên xung

phong 193 Nam Hà đang chỉ đường cho đoàn xe qua cầu phao trong đêm, bất ngờ một loạt bom nổ giữa đầu cầu và cô bị cưa cụt một cẳng chân, không kịp cấp cứu, máu ra nhiều, cô gái đã hy sinh. Ngay đêm sau, nhiều đội viên nữ trong đơn vị đã tranh nhau làm nhiệm vụ thay Nguyễn Thị Phúc, ông đã chụp tấm ảnh đêm đúng nơi

cô gái ấy đã đứng, tay cầm lá cờ lệnh đỏ, tóc buông dài, vai mang súng, chỉ đường cho các đoàn xe ra trận. Hình ảnh đó biểu trưng cho các cô gái thanh niên xung phong trên khắp các ngã ba đường từ Thanh Hóa vào miền Nam, làm nhiệm vụ chỉ đường cho các đoàn xe ra trận. Bức ảnh đã gây xúc động cho người xem bởi nó đã phản ánh tính chân thật và thể hiện ý nghĩa xã hội sâu sắc trong giai đoạn lịch sử này.

Thời gian này, ngoài những bức ảnh phục vụ tuyên truyền báo chí, nhiều bức ảnh màu của phóng viên đã được báo ảnh Việt Nam xuất bản, phát hành rộng rãi. Sáng ngày 30/4/1975, tại Dinh Tổng thống, Trần Mai Hương đã chụp được bức ảnh đánh dấu bước ngoặt của lịch sử dân tộc, đó là bức “*Chiếm dinh độc lập*” chụp chiếc xe tăng của quân giải phóng đi đầu húc đổ cánh cửa sắt.

Trong số những bức ảnh mừng ngày chiến thắng, anh gặp lại em, vợ gặp chồng, mẹ gặp lại con... Niềm hạnh phúc đó được phản ánh một cách chân thực, sâu sắc qua bức ảnh “*Nước mắt ngày gặp lại*” của phóng viên Việt Nam Thông tấn xã Lâm Hồng Long đã ghi lại được khoảnh khắc hội ngộ xúc động của hai mẹ con người chiến sĩ với chú thích “Mẹ Trần Thị Bính nghẹn ngào xúc động ngày gặp lại con trai Lê Văn Thức, tử tù từ Côn Đảo trở về trên chuyến tàu chở tù chính trị, cập bến Vũng Tàu ngày 5/6/1975”.



Năm 1991, bức ảnh này đã được FIAF và Liên đoàn Nhiếp ảnh nghệ thuật Quốc tế đã trao tặng Bằng danh dự. Đó là một vinh dự của Lâm Hồng Long nói riêng và của nền nghệ thuật Nhiếp ảnh Việt Nam nói chung.

Trong cuộc chiến chống chiến tranh xâm lược miền Nam, thống nhất đất nước, Việt Nam Thông tấn xã đã tập hợp được rất nhiều những bức ảnh chiến tranh có giá trị của phóng viên trong nước và nguồn ảnh phóng viên nước ngoài. Những bức ảnh đó được đăng trên các báo trong nước và cả báo nước ngoài, làm nức lòng nhân dân

ta và bạn bè quốc tế. Bên cạnh các bức ảnh phản ánh trực diện cuộc đấu tranh trên chiến trường hai miền còn có những bức ảnh về lao động sản xuất, xây dựng xã hội chủ nghĩa làm hậu phương cho miền Nam. Những bức ảnh này thể hiện cuộc sống lao động sản xuất hăng say, ca ngợi vẻ đẹp con người, vẻ đẹp đất nước trong thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù vậy, ở những năm kháng chiến, bên cạnh dòng ảnh yêu nước, dòng ảnh nghệ thuật cũng có những bước tiến lớn, đặc biệt là sau ba cuộc triển lãm nhiếp ảnh toàn quốc diễn ra tại Hà Nội trong các năm 1952, 1953, 1954 khi mà một số nhiếp ảnh gia đã thành danh ở Hà Nội trước đó vào Nam, kết hợp với các nhà nhiếp ảnh tại Sài Gòn – Chợ Lớn.

Thời gian này, Việt Nam đã giành được nhiều giải thưởng lớn, trong đó những bộ ảnh dự thi quốc tế và gây được tiếng vang lớn như: bộ ảnh “Suối Tóc” của cố nghệ sỹ nhiếp ảnh Phạm Văn Mùi đã làm mưa làm gió trên ảnh đàn quốc tế đầu những năm 1960, bộ ảnh này đã nhận thưởng 12 huy tượng và huy chương các loại được chọn vào từ điển Bách Khoa Việt Nam, trong đó tác phẩm “Duyên dáng” (ảnh bên) được trưng bày vĩnh viễn tại Bảo tàng Mỹ Thuật Braxin từ năm 1963.



Riêng ảnh chụp “Đôi cát” đã được các nghệ sỹ nhiếp ảnh Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Mạnh Đan, Lê Anh Tài, Lee Lang Sieu, Khuru Từ Chấn, Ngô Đình Cường... khai khác một cách triệt để đã mang về rất nhiều huy chương vàng, bạc, đồng, bằng tưởng lệ các loại. Tác phẩm “Calligrapher” của Lee Lang Sieu có thể nói là bức ảnh màu đầu tiên của Việt Nam đoạt huy chương đồng trong cuộc thi ảnh nghệ thuật quốc tế lần 2 tại Malaysia năm 1964 và được trọn triển lãm ở nhiều quốc gia. Tác phẩm “Ra khơi” của Nguyễn Văn Thông đã đoạt được nhiều giải thưởng trong và ngoài

nước như bằng danh dự trong cuộc triển lãm ảnh nghệ thuật quốc tế Hong Kong lần thứ 13 - năm 1958, giải “danh dự” trong cuộc triển lãm nhiếp ảnh mỹ thuật Việt Nam năm 1959, huy chương đồng trong Triển lãm quốc tế nhiếp ảnh mỹ thuật Việt Nam lần 2 năm 1961.

Có thể nói giai đoạn 1955 – 1975 là giai đoạn mà giới ảnh Sài Gòn không ngừng tìm tòi, sáng tạo để hoà nhập với các nước trong khu vực và quốc tế. Vì thế, ta không ngạc nhiên những gì đã đạt được của các nhà nhiếp ảnh Sài Gòn, họ đã khéo léo lựa chọn ánh sáng, sự linh động trong cách sắp xếp bố cục, sự sáng tạo trong kỹ thuật và trên hết là tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ đã đưa hồn dân tộc vào tác phẩm thu hút giới thưởng ngoạn tạo nên sự thích thú cho người xem. Nghệ sỹ nhiếp ảnh Nguyễn Huy Trục (Chủ tịch Hội Nhiếp ảnh Việt Mỹ) ghi nhận trong vịnh tập triển lãm nhiếp ảnh toàn quốc kỳ 5 do Hội ảnh Việt Mỹ tổ chức năm 1970 “chúng ta không lấy làm ngạc nhiên về những thành tích đã đạt được của các bạn ảnh Việt Nam trên mọi cuộc thi ảnh quốc tế, và đã làm cho các hội ảnh của các quốc gia bạn phải thán phục về những thành quả đó”. [21, tr.4]

Qua các triển lãm, sách ảnh và đào tạo đội ngũ nhiếp ảnh đông đảo, những đề tài về con người và phong cảnh Việt Nam được chú trọng, tính dân tộc được đề cao, vẻ đẹp trong ảnh đạt được nhiều thành công, kỹ xảo và hình thức tạo hình phong phú.

Hạn chế: Bên cạnh những thành tựu to lớn mà nền nhiếp ảnh nước nhà đạt được, do điều kiện lịch sử nhiếp ảnh Việt Nam những hạn chế nhất định.

Trong những năm đầu khi nhiếp ảnh du nhập vào Việt Nam, nhiếp ảnh vẫn chỉ dừng lại ở thể loại ảnh dịch vụ thương mại, chưa có nét đặc sắc riêng, ảnh nghệ thuật mới bắt đầu manh nha nên chưa được công nhận như một bộ môn nghệ thuật riêng biệt để tách hẳn với bộ môn hội họa mà chỉ được xem như là một bộ môn ảnh đẹp.

Máy móc, trang thiết bị hỗ trợ còn còn thô sơ, chỉ một vài hiệu ảnh được sự tài trợ của chính quyền thực dân Pháp mới có máy móc hiện đại mang từ bên Tây sang mà mục đích cuối cùng là phục vụ cho chính quyền Pháp lúc bấy giờ. Kiến thức về nhiếp ảnh nghệ thuật giai đoạn đó còn có những hạn chế do vấn đề thời đại. Những nhà nhiếp ảnh Việt Nam trưởng thành và thành danh phần lớn bằng con đường - tự học, tự mày mò. Do đó, cách nhìn, cách chụp... cũng đa phần mang tính bản năng.

Phạm vi hoạt động hẹp, ở những năm 1930 – 1940, chỉ một vài cuộc triển lãm nhiếp ảnh nghệ thuật bắt đầu diễn ra nhưng chủ yếu ở Hà Nội.

Giai đoạn từ năm 1954 – 1975, hầu hết anh chị em nhiếp ảnh tập trung lực lượng phục vụ cho cả hai chiến trường Nam, Bắc nên các sáng tác chủ yếu là hướng ống kính về cuộc chiến để ghi lại diễn biến của nó, thế nên các đề tài khác còn để ngỏ.

Sau ngày đất nước thống nhất, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, hầu hết anh chị em nghệ sỹ nhiếp ảnh phải lo cho đời sống cá nhân, họ không còn thời gian để sáng tác. Trong lĩnh vực văn hóa tư tưởng, mọi sinh hoạt lại đang ở giai đoạn giao thời nên vẫn còn nhiều bất cập làm cho các hoạt động nghệ thuật mờ nhạt và nhiếp ảnh nghệ thuật cũng vậy. Với tình hình đó, công tác lý luận phê bình nhiếp ảnh chưa thật sự đi sâu để có những bài viết đánh giá đúng, nhằm định hướng cho quá trình sáng tác của anh chị em nghệ sỹ nhiếp ảnh là tất yếu.

Kết Luận Chương 1

Cái đẹp giữ một vị trí hết sức quan trọng trong đời sống của con người, là một hiện tượng thẩm mỹ vô cùng phong phú đã được các nhà mỹ học từ thời cổ đại đến hiện đại nghiên cứu trong muôn ngàn biểu hiện khác nhau. Thực tiễn của toàn bộ lịch sử nhân loại cho thấy ở đâu có cái đẹp xuất hiện thì ở đó con người có tình yêu và hạnh phúc, ở đâu mà khát vọng nhập vào tình cảm con người thì ở đó xã hội không ngừng hoàn thiện, quan hệ giữa con người với con người ngày càng vui tươi và hạnh phúc hơn.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu cái đẹp nói chung và cái đẹp trong nghệ thuật nói riêng là thành quả nghiên cứu mỹ học rất cơ bản của mỹ học Việt Nam hơn 60 năm qua với những kết quả nghiên cứu xung quanh vấn đề này có một ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất lớn trong việc phát triển các tư tưởng mỹ học của chủ nghĩa Mác - Lênin và khẳng định các quan điểm mỹ học cơ bản của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Việt Nam.

Những hình ảnh tư liệu quan trọng về lịch sử nước nhà và những hình ảnh trong cuộc sống mỗi người về khoảng thời gian hạnh phúc, những nụ cười, những ánh mắt hay hồi ức về một con người, về quá khứ, lịch sử được ống kính nhiếp ảnh lưu giữ lại

là những khoảnh khắc vô cùng quý giá và có thể trở nên quan trọng hơn trong đời thường.

Nhiếp ảnh ra đời đã giúp cho con người khả năng nhìn thấy cái mà trước đây người ta chỉ nghe được thôi, hoặc nhìn thấy nhưng độ tin cậy không cao, còn nghệ thuật nhiếp ảnh mở rộng phạm vi gây ấn tượng bằng mắt của chúng ta, thực hiện việc thu nhận tin tức chính xác bằng cách không phụ thuộc vào mối quan hệ trực tiếp của con người với đối tượng chụp.

Nghệ thuật nhiếp ảnh có khả năng hướng con người có cách nhìn thế giới bằng đôi mắt thẩm mỹ, góp phần giáo dục nâng cao trình độ thẩm mỹ cho con người.

Trong nghệ thuật nhiếp ảnh, điều đặc biệt là giữa người sáng tác không chuyên và người sáng tác chuyên nghiệp ít có sự cách biệt về trình độ thẩm mỹ như các ngành nghệ thuật khác. Điều đó chứng tỏ rằng việc nắm vững kỹ thuật nhiếp ảnh không khó khăn, phức tạp như hội họa, điêu khắc... Trong khi hoạt động tạo hình nhà nhiếp ảnh rất yên tâm khi trong tay đã có bộ máy ảnh tốt, lại nắm vững kỹ thuật, nhưng điều mà nhà nhiếp ảnh chú ý nhất là sự lựa chọn đối tượng, quan sát đối tượng và xử lý hình tượng... đều theo tiêu chuẩn thẩm mỹ. Đó chính là khả năng tập trung toàn bộ nghị lực vào phương diện nghệ thuật của nhà nghệ sỹ để tạo cho tác phẩm một vai trò đặc biệt trong việc thức tỉnh và phát triển năng khiếu sáng tạo nghệ thuật cho công chúng.

Ảnh nghệ thuật có ý nghĩa tư tưởng rất lớn, nó là sự “mở mắt” cho mọi người nhìn thấy giá trị tinh thần và xã hội nằm trong sự kiện đời sống mà con người chứng kiến rõ ràng qua ảnh.

Nhiếp ảnh là bộ môn nghệ thuật dễ tiếp cận nhất, không có gì đáng ngạc nhiên khi nhiếp ảnh đã thu hút nhiều người đến vậy và còn có sức lan tỏa rất nhanh. Vì thế, nhiếp ảnh giúp tăng khả năng quan sát và nâng cao ý thức con người. Hơn một thế kỷ có mặt tại Việt Nam, nhiếp ảnh Việt Nam nói chung và nhiếp ảnh nghệ thuật nói riêng đã từng bước phát triển cũng như khẳng định vị thế của nền nhiếp ảnh nước nhà, góp một phần không nhỏ cho việc quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

Chương 2

CÁI ĐẸP TRONG NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 2000 ĐẾN NAY

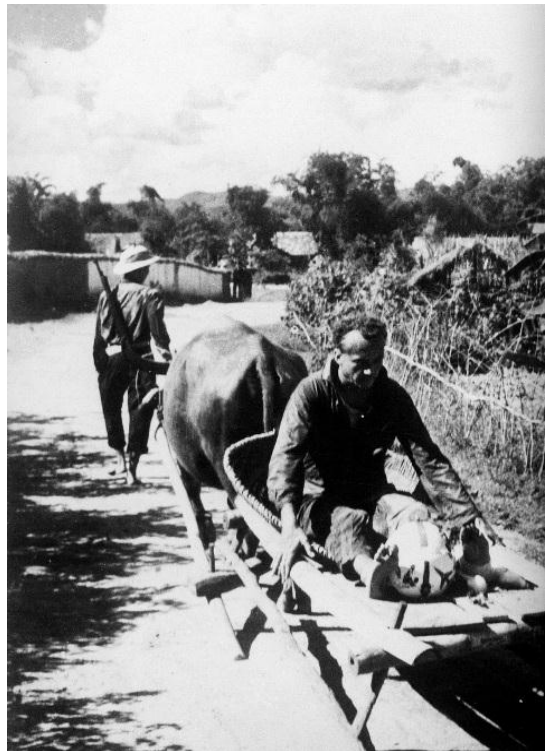
2.1. Những biểu hiện của cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam trước năm 2000

2.1.1. Những biểu hiện

Lịch sử Việt Nam đi qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, nhiếp ảnh cũng không nằm ngoài dòng chảy lịch sử đó. Ngay từ những ngày đầu khi nhiếp ảnh du nhập vào Việt Nam thì nó cũng được xác định rõ nhiệm vụ của mình, dùng ống kính ghi dấu lại, phản ánh lại cuộc chiến tranh cách mạng của nước nhà.

Những hình ảnh đó chính là tài liệu về lịch sử sống động nhất, oai hùng nhất. Mỗi bức ảnh là một tác phẩm nghệ thuật thực thụ, đã tạo ra những xúc động vô cùng lớn, có sức lan tỏa mạnh mẽ, những hình ảnh có giá trị và mang đến ấn tượng sâu sắc cho người xem có ý nghĩa giáo dục lòng tự hào dân tộc, tình yêu Tổ quốc cũng như chủ nghĩa nhân đạo đối với nhiều thế hệ trẻ. Những hình ảnh mà nghệ sĩ nhiếp ảnh mang đến cho công chúng còn như mãi thúc giục con người hãy lao động tốt hơn, sống lương thiện hơn và yêu cuộc sống hơn.

Bức ảnh “*Từ thân Sám xuống xe trâu*” của Văn Bảo đã đi vào lịch sử như nhiều người đã biết là một trong những hình ảnh đẹp về cuộc chiến đấu và chiến thắng oanh liệt, phản ánh về một thời đánh Mỹ hào hùng của dân tộc, cái chủ nghĩa nhân văn nhân đạo đã thể hiện rất rõ trong bức ảnh. Tạm gác câu chuyện chiến tranh sang một bên, ta thấy được cái đời thường trong tác phẩm, là sự tương thân tương ái lúc nguy nan mà bất cứ một người bình thường nào cũng có thể làm được, cái “tình” trong bức ảnh mà ai xem qua cũng thấy xúc động và có ý nghĩa giáo dục rất sâu sắc.



Bức ảnh “*Bác bắt nhịp bài ca kết đoàn*” của Lâm Hồng Long, cho người xem thấy một hình ảnh rất dung dị, Bác Hồ trong bộ đồ giản dị, đứng lên bục, cầm dũa chỉ huy dàn nhạc, cả dàn nhạc vui vẻ hòa tấu bài ca kết đoàn. Giới nhạc sỹ rất tự hào với bức ảnh đó, bởi họ coi Bác Hồ như một nhạc trưởng vĩ đại của ngành nhạc, của dân tộc Việt Nam, tập hợp dân chúng trên tinh thần đoàn kết để xây dựng Tổ quốc - đây là một hình tượng rất đẹp, “*O du kích vươn cao súng*” của Phan Thoan hay Bộ ảnh “*Những khoảnh khắc để lại*” của nhà báo, liệt sỹ Lương Nghĩa Dũng, v.v...

Ảnh nghệ thuật thời kỳ này mang trong mình ý nghĩa lịch sử và ý nghĩa thẩm mỹ sâu sắc, là nơi lưu giữ những tư liệu mang tính thẩm mỹ cao.

Từ sau năm 1975 đến năm 1986, bên cạnh lĩnh vực kinh tế, Đảng và nhà nước cũng có những chủ trương chính sách về văn hóa nghệ thuật, nhiếp ảnh cũng không nằm ngoài sự quan tâm ấy. Tuy nhiên, nhiếp ảnh lại đặt dưới sự quản lý trực tiếp của các cơ quan địa phương và do hoàn cảnh lịch sử nước nhà sau chiến tranh còn có quá nhiều khó khăn. Vì vậy, nhiếp ảnh chủ yếu phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước, còn các sáng tác nghệ thuật bị coi là mơ mộng hão huyền.

Từ sau Đại hội Đảng tháng 12 năm 1986, tư duy đổi mới, văn học nghệ thuật dần khởi sắc và nhiếp ảnh nghệ thuật cũng trong sự phát triển đó.

Từ năm 1995, khi nền kinh tế Việt Nam hội nhập mạnh mẽ, các nghệ sỹ nhiếp ảnh cũng bắt đầu tiếp cận với lối sáng tác gắn liền với đời sống con người. Trong đó có loạt ảnh *Việt Nam năm 1995* của nhiếp ảnh gia Steve Raymer, những bức ảnh đặc tả đời sống của con người Việt Nam với khung cảnh nhộn nhịp trên đường Cách Mạng Tháng Tám T.p HCM, thân phận của những đứa trẻ từng là trẻ em đường phố giờ được các mái ấm tình thương nâng đỡ để có khởi đầu mới cho cuộc sống của mình hay những bức ảnh về sự chuyển mình của một đất nước đang trên đà hội nhập như công nhân làm việc tại khu hậu cần dầu khí Vũng tàu.

Những sáng tác đặc tả về con người Việt Nam là một trong những phong trào sáng tác mới ở giai đoạn này, nhưng không phải là kiểu dàn dựng như chụp trong studio mà là nhân vật thể hiện tính điển hình cao và sâu sắc ở chính cuộc sống đời thường. Nhiều nghệ sỹ nhiếp ảnh muốn thổi làn gió mới vào trong từng tác phẩm nên họ bắt đầu những chuyến đi sáng tác ở các vùng miền khác nhau. Đi sáng tác “săn

ảnh” là một trong những cách để mở mang tầm nhìn về tính điển hình và đó cũng chính là đi tìm giây phút điển hình trong nhiếp ảnh nghệ thuật.

Ngoài những mảng đề tài quen thuộc, nhiếp ảnh Việt Nam thời gian này hướng ống kính đến môi trường sống của con người nhiều hơn đặc biệt là môi trường thiên nhiên hoang dã. Đây được xem là hướng đi mới cho nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam và người được coi là có cả kho ảnh ở thể loại này, nghệ sĩ nhiếp ảnh Lê Hoài Phương. Ống kính của Lê Hoài Phương không chỉ hướng đến những khoảnh khắc đẹp nhất của đối tượng, anh còn trầm lắng, cần mẫn ghi lại những tư liệu theo tiến trình: sinh ra, lớn lên, kết bạn, sinh sản, về già... Ở mỗi loài động vật, Lê Hoài Phương đều tạo nên một bộ sưu tập công phu, tỉ mỉ như thế... Anh chia sẻ: “Tôi ý thức rất rõ việc tôi làm vì mục đích khoa học cao cả. Bằng các công trình nghiên cứu của mình, tôi chứng minh: động vật rừng là tác giả tạo ra những cách rừng, những cánh rừng là lá phổi nuôi sống con người, việc bảo vệ động là bảo vệ chính sự sống của chúng ta. Rừng với tôi là nơi kỳ diệu, là vô cùng những điều kỳ thú, cần có những con người dám hy sinh để chuyển tải đến người xem”. Lời chia sẻ đó như thông điệp gửi đến chúng ta hãy chung tay bảo vệ môi trường.

Những chuyên động của nghệ thuật Việt Nam trong giai đoạn này mang tính đổi mới căn bản vì nó khác so với giai đoạn quan trọng nhất là nghệ thuật chiến tranh, cách mạng và từ năm 1975 đến năm 1986. Nhiếp ảnh nghệ thuật không phải là cái gì đó tô hồng cuộc sống mà là sự chuyển tải nội dung thông qua hình thức mà người nghệ sĩ ghi nhận được, nắm bắt được trong từng khoảnh khắc của hiện thực đầy màu sắc và nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam trước năm 2000 ít nhiều đã làm được. Có thể thấy rằng nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam đã thổi luồng gió mới vào phong trào sáng tác ảnh với những nội dung tư tưởng có giá trị thẩm mỹ, ý nghĩa xã hội, truyền được cảm xúc đến người xem, chứa đựng những suy nghĩ rộng lớn về cuộc sống, con người.

2.1.2. Những thành tích

Trong số các bộ môn nghệ thuật của Việt Nam thì nhiếp ảnh là bộ môn mà sinh hoạt ít được biết đến nhất nhưng lại là bộ môn đem về cho Việt Nam nhiều huy

chương Vàng, Bạc, Đồng và bằng giải thưởng Danh dự nhiều hơn bất kỳ bộ môn văn học nghệ thuật nào khác.

Các bức ảnh tiêu biểu của nhiếp ảnh Việt Nam trong giai đoạn này hầu hết là đều tài chiến tranh và cách mạng, được các phóng viên chiến trường ghi lại những khoảnh khắc hiện thực của lịch sử, rất nhiều tác phẩm ảnh quý trở thành tư liệu vô giá, là những bằng chứng lịch sử của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Trong số đó tiêu biểu là các tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước như: "Bác Hồ ở mặt trận Đông Khê" (1950) của Vũ Năng An, "Bác Hồ nói chuyện với bộ đội ở Đền Hùng" (1954) của Đinh Đăng Định, "Phất cờ trên nóc hầm Đờ-cát - Điện Biên Phủ" (1954) của Triệu Đại, "Bác Hồ bắt nhịp bài ca kết đoàn" (1960) của Lâm Hồng Long, ... Và còn nhiều tác phẩm tiêu biểu khác mà các nhà nhiếp ảnh đã ghi lại, như được tạc vào lịch sử và khắc họa lên hình ảnh cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ, anh dũng của dân tộc ta, là hình ảnh cao đẹp, đưa đến cho công chúng những cảm xúc sống động và rất hào hùng.

Sau ngày đất nước thống nhất, lực lượng nhiếp ảnh được tập hợp và tổ chức lại, từ 30 người hoạt động, nhiếp ảnh thời kỳ Đồi Cọ năm xưa đến nay đã có tới hàng vạn người hoạt động trên các lĩnh vực nhiếp ảnh. Liên đoàn Nhiếp ảnh Nghệ thuật Quốc tế FIAP (một tổ chức thuộc UNESCO, có uy tín lớn trong lĩnh vực nhiếp ảnh thế giới) coi trọng và đánh giá cao vị trí của nhiếp ảnh Việt Nam, coi đây là một trong những nước có nền nhiếp ảnh phát triển nhanh ở châu Á, vì mục tiêu phát triển văn hóa, vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

Nhìn lại Nhiếp ảnh Việt Nam hôm nay, có thể thấy, từ chỗ chỉ một vài tiệm ảnh trước Cách mạng tháng Tám, đến một số cơ quan nhiếp ảnh trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cho đến hôm nay, chúng ta đã có một đội ngũ nhiếp ảnh tương đối hùng hậu ở khắp các địa phương... chúng ta còn có một lực lượng yêu thích nghệ thuật nhiếp ảnh tương đối đông, với đầy đủ các thế hệ, vùng miền. Sự phát triển của lực lượng nhiếp ảnh đã gắn liền với sự phát triển chung của đời sống kinh tế, văn hóa đất nước, đó là một lực lượng xã hội đáng kể với thị trường nhiếp ảnh rộng lớn, doanh số hàng năm lên tới hàng trăm tỷ đồng. Riêng về lĩnh vực ảnh nghệ thuật, ống kính máy ảnh hướng về đề tài hòa bình, xây dựng... Nghệ thuật nhiếp ảnh nước ta

phát triển và giành được nhiều thành tựu trong thời kỳ đất nước đổi mới và hội nhập quốc tế.

Từ năm 1991, Hội nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam đã trở thành thành viên Liên đoàn nhiếp ảnh nghệ thuật quốc tế (FIAP) và từ đây nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam đã có những bước chuyển đáng kể, thường xuyên tổ chức Liên hoan ảnh nghệ thuật với khu vực. Đây là một hoạt động thiết thực đưa văn hóa về cơ sở, góp phần nâng cao đời sống văn hóa ảnh cho nhân dân, cho đồng bào ở các khu vực, tạo nguồn cho nhiếp ảnh Việt Nam, đồng thời Hội cũng đã mở được nhiều trại sáng tác ảnh nghệ thuật ở các khu vực và các địa phương cho hội viên và các nhà nhiếp ảnh tham gia giao lưu, học hỏi kinh nghiệm và thâm nhập thực tế sáng tác.

2.1.3. Những hạn chế

Thực tế đời sống nhiếp ảnh Việt Nam từ khi nhiếp ảnh được hội nhập đến nay cho thấy:

Nhiếp ảnh Việt Nam là một ngành nghệ thuật nhưng chưa được nhìn nhận đúng với vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nó, do đó chưa có hệ thống đào tạo ở bậc cao (cao đẳng, đại học trở lên). Những năm gần đây trường đại học Sân khấu- Điện ảnh Hà Nội, trường cao đẳng Sân khấu- Điện ảnh TP Hồ Chí Minh mới có khoa Nhiếp ảnh bậc cao đẳng, đại học (tuy nhiên giáo trình cũng vẫn là vấn đề bàn thảo).

Những năm trước một số phóng viên của Thông tấn xã Việt Nam, hoặc một vài đơn vị trung ương khác được gửi đi đào tạo về nhiếp ảnh ở nước ngoài, Tuy nhiên, kiến thức về nhiếp ảnh giai đoạn đó còn có những hạn chế do vấn đề thời đại.

Cần phải thấy rằng lý luận và phê bình nhiếp ảnh của chúng ta mới dừng ở mức độ vừa phải, nhiều hiện tượng mỹ học về nhiếp ảnh chưa được đánh giá đúng đắn và kịp thời, các cây bút chưa được trang bị nhiều những hiểu biết cơ bản về mỹ học nhiếp ảnh, một mảng lý luận mới mang tính chuyên ngành đặc thù cần thiết cho sự thống nhất, sự nhìn nhận về nhiếp ảnh. Chính vì thế sự thống nhất về các quan niệm cơ bản còn chưa có, chưa được khẳng định và ngay trong giới cũng có những người chỉ lấy cảm tính làm thước đo tiêu chuẩn cho đánh giá, phê bình nghệ thuật. Đó là thước đo nhưng không phải là thước đo duy nhất.

2.2. Những biểu hiện của cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam từ năm 2000 đến nay

2.2.1. Những biểu hiện

Từ năm 2000 đến nay, cái đẹp trong nhiếp ảnh được thể hiện qua con người mới Việt Nam và thể hiện cả phong cảnh đất nước Việt Nam; giữa phong cảnh và con người là không thể tách rời nhau, thiên nhiên đẹp là bởi vì gắn bó với con người, gắn với sinh hoạt của con người, gắn với lao động sản xuất, chiến đấu của con người. Cái đẹp của thiên nhiên và con người hòa quyện vào nhau trong cuộc sống, trong tình cảm. Con người trong quá trình cải tạo tự nhiên, làm chủ tự nhiên, tìm thấy trong tự nhiên dấu ấn, tài năng và phẩm chất của chính mình và bằng tâm hồn yêu thiên nhiên, rung động trước cái đẹp của thiên nhiên mà con người đã ghi lại hình ảnh của thiên nhiên vào trong tác phẩm của mình. Mỗi bức ảnh mà người nghệ sĩ chụp lại cái đẹp của tự nhiên đều nói lên tâm trạng, ý thức, xúc cảm và thái độ của mình, giá trị nghệ thuật trong mỗi bức ảnh là ở cái nhìn của tác giả, ở tài năng phát hiện tính chất thẩm mỹ của đối tượng.

Đối với ảnh nghệ thuật Việt Nam ở giai đoạn này, trong đường lối sáng tác luôn quan tâm đến bản sắc dân tộc, hình tượng trong nghệ thuật nhiếp ảnh chứa đựng tài liệu bắt nguồn từ cuộc sống thực tế thể hiện qua các hiện tượng tự nhiên, xã hội, con người trong tác phẩm của mình một cách bao dung, hòa đồng thông qua tư tưởng truyền thống và tư tưởng hiện đại với cái nhìn nhân bản, giàu sức chuyển hoá, giàu tính nhân dân, tính cộng đồng kết hợp nhuần nhuyễn với các giá trị chân - thiện - mỹ của nhiếp ảnh. Các sáng tác nghiêng hẳn về thể loại ảnh du lịch, ảnh chân dung, ảnh đời thường.



Tác phẩm: “Vũ khúc trên đồng muối” - Tác giả: Phan Thanh Cường.

Đây là tác phẩm ảnh nghệ thuật nói về nét đẹp vùng đất và con người quê Bạc Liêu, quê hương của cái nôi của đờn ca tài tử, về những chuyển biến trong phong trào xây dựng nông thôn mới, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, chân dung người tốt - việc tốt...

Cuộc sống là một bức tranh sống động với các mảng màu sáng tối đan xen nhau, có những mảng màu tươi sáng thì cũng có những mảng màu đậm sắc. Người nghệ sĩ có vai trò như người dẫn đường vì vậy nhiệm vụ của họ là phải làm bật lên những mảng màu đó bằng cái tâm của mình, bằng cái đầu của mình bằng những rung động từ nơi sâu thẳm con tim để chuyển tải những thông điệp mang tính toàn cầu như trong giai đoạn hiện nay. Đó là vấn đề môi trường, trẻ em, là những góc khuất của cuộc sống...



Sự tàn phá của con người - Mai Thành Chương

Đây là tác phẩm đoạt giải thưởng lớn năm 2014 do Đại sứ quán Đan Mạch tại Việt Nam tổ chức. Tác phẩm đoạt đã gây tác động rất lớn cho người xem về tác nhân là con người gây ra những biến đổi môi trường khí hậu. Bức ảnh cho ta thấy tính thời sự nóng bỏng của nạn phá rừng, hủy hoại môi trường thiên nhiên, là tác nhân của những trận lũ lụt kinh hoàng và những trận hạn hán kéo dài, tất cả những điều đó làm cho cuộc sống ngày càng khắc nghiệt hơn. Bức ảnh như một sự cảnh tỉnh về ý thức bảo vệ môi trường không chỉ ở Việt Nam mà còn cả trên thế giới.

Nhiếp ảnh là một loại hình nghệ thuật gắn trực tiếp với sự vận động thẩm mỹ của đời sống, với nhu cầu của cuộc sống, vì vậy, mỗi tác phẩm đến với công chúng

phải là tác phẩm nghệ thuật đẹp với tính tư tưởng cao và tính thẩm mỹ cao. Tính tư tưởng cao và giá trị thẩm mỹ cao của nghệ thuật nhiếp ảnh không những mang lại giá trị cho bản thân tác phẩm sáng tạo mà còn tạo ra sức lan truyền cái đẹp của nhiếp ảnh tới công chúng. Trong giai đoạn hiện nay, công chúng của nhiếp ảnh có trình độ thưởng thức cao. Nghệ thuật nhiếp ảnh cần tạo ra nhiều cái đẹp mới để đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ ngày càng cao của công chúng.

2.2.2. Những thành tích

Với đặc trưng ngôn ngữ được quốc tế hóa, nhiếp ảnh đã hội nhập rất sớm với thế giới, đáp ứng được những đòi hỏi mới của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Việc tổ chức các triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh, các gallery nghệ thuật của tập thể và cá nhân mở ra ở khắp nơi làm cho nghệ thuật phát triển mạnh. Hàng năm, số lượng triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh lên tới hơn 300 cuộc... Những sản phẩm có tính kỹ thuật cao, nghệ thuật ngày càng nhiều. Nhiếp ảnh Việt Nam đã trở thành sân chơi cho những người đam mê nhiếp ảnh.

Cùng với sự phát triển công nghệ số, ngày nay, nhiếp ảnh xuất hiện trong cuộc sống rất đa chiều, như là dân sinh hàng ngày, từ việc lưu lại kỷ niệm đi chơi, đi du lịch, đến nhiếp ảnh nghệ thuật, nhiếp ảnh báo chí... và việc sở hữu một chiếc máy ảnh kỹ thuật số vừa túi tiền là có thể, nó đáp ứng được nhu cầu trên.

Từ xu thế chung đó, các các hội, nhóm, câu lạc bộ nhiếp ảnh dần hình thành và ra đời đã định hướng cho những người đam mê có cơ hội giao lưu học hỏi, xa hơn nữa là đến với các cuộc thi trong nước cũng như mang thông tin giới thiệu các cuộc thi trong khuôn khổ khu vực và quốc tế. Chính sự bắt nhịp này đã tạo cầu nối quảng bá hình ảnh của Việt Nam đến với thế giới, nhiều tác phẩm ảnh của Việt Nam đoạt giải thưởng lớn trong nước cũng như quốc tế.

Trong các thể loại ảnh du lịch, yếu tố “lạ” chính là sự khám phá một vùng đất mới, ý nghĩa của nơi chốn, bắt lấy, phát hiện những sinh hoạt văn hóa, nét đặc sắc trong cuộc sống người dân bản địa luôn được đặt lên hàng đầu. chân dung những người dân tộc thiểu số ở vùng cao, ở Tây Nguyên, ở Tây Bắc luôn có sự hấp dẫn, bí ẩn ở nét hoang dã, ở đôi mắt luôn mở to tròn giàu cảm xúc, trong trang phục dân tộc truyền thống sẽ càng ấn tượng. Còn đời thường, cảnh sàng gạo, tắm suối, lấy nước...

hay sinh hoạt ầm cúng bên bếp lửa luôn lọt vào ống kính máy ảnh, những bức ảnh mang tính du lịch đó đã đem hình ảnh Việt Nam đi khắp nơi, trưng bày tại triển lãm ảnh quốc tế và đem về cho tác giả nhiều giải thưởng.



Đơm Cá - của Lý Hoàng Long.

Bức ảnh có tên tiếng anh "Bamboo Fishing Basket", bức ảnh chụp ở làng Tát Viên, tỉnh Hưng Yên. Bức ảnh được chụp bằng máy kỹ thuật số, có qua chỉnh sửa hậu kỳ nhưng vẫn toát lên được hồn quê chân chất của người Việt Nam, thể hiện tinh thần lao động, lưu giữ cái nghề truyền thống, đồng thời bức ảnh còn cho thấy một làng quê yên bình, đó chính là nét đặc sắc của thể loại ảnh này, nó chứa đựng tính nhân văn, tinh thần cần cù, chịu thương chịu khó vốn có trong con người Việt Nam.

Giai đoạn này cũng đã bắt đầu xuất hiện những tác giả và tác phẩm phản ánh những vấn đề nóng, những vấn đề thật sự liên quan đến vận mệnh của đất nước và được xã hội quan tâm như tác giả Nguyễn Á với đề tài “Hoàng Sa - Trường Sa”, tác giả Trần Thế Phong với đề tài về “Muru Sinh” của em đường phố, tác giả Gián Thanh Sơn với đề tài môi trường hay tác giả Lê Hoài Phương với đề tài thiên nhiên hoang dã ... đó là một khởi đầu cho sự bứt phá trong việc nghiên cứu, tìm tòi đề tài chuyên biệt để đi sâu, đi sát những vấn đề thời sự nóng hổi của đất nước.

Những bức ảnh chân dung thường nói lên số phận con người, đặc tả đời sống và thân phận con người, như nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Huyền từng nói: “Tôi chụp ảnh là để trực tiếp nói về con người và tất cả những gì liên quan đến số phận con người.”

2.2.3. Những hạn chế

Hơn 30 năm nước ta thực hiện chủ trương đổi mới, bên cạnh những thành tựu văn học nghệ thuật nói chung nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam nói riêng thì vẫn còn những hạn chế do hoàn cảnh và nhận thức thẩm mỹ còn hạn chế.

Hiện nay nhiếp ảnh của chúng ta vẫn đang theo phong trào nhiều hơn. Những tác phẩm đỉnh cao về nội dung, về nghệ thuật, những tác giả, tác phẩm mang tầm vóc dân tộc thì rất hiếm, thậm chí chưa thấy xuất hiện, không có tác phẩm ảnh hay bộ ảnh nào đoạt giải thưởng cấp nhà nước.

Ngoài ra, còn có nguyên nhân chủ quan là những nhà nhiếp ảnh chưa thật sự say mê, tìm tòi, sáng tạo. Anh em nghệ sĩ nhiếp ảnh còn đang sáng tác theo “thời vụ”, chạy theo các cuộc thi là chính. Sự ham muốn lấy được giải thưởng đã làm nhiều người quên mất cái sâu hơn, lớn hơn, là bản thân nhà nhiếp ảnh phải có tầm tư duy, có những đề tài lớn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc.

Nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam đi vào lối mòn, chỉ quanh quẩn ở những bức ảnh chân dung, đời thường, những bức ảnh về người dân tộc thiểu số, lập đi lập lại và đầy rẫy các cuộc thi ảnh, trong khi đó cuộc sống ngoài còn có rất nhiều điều cần khám phá, chẳng hạn như những mảnh đời bất hạnh, môi trường tự nhiên bị hủy hoại, bị tàn phá, những bất công vẫn còn nhiều ... và cần đến sự ghi nhận của các nhà nhiếp ảnh, chúng ta chưa “tự cởi rới” cho mình chính trong khâu lên ý tưởng trước khi bấm máy thì làm sao có những bức ảnh làm lay động lòng người.

Khi khoa học công nghệ ngày càng phát triển, máy móc và các trang thiết bị dành cho ngành ảnh ngày càng nhiều thì việc chụp ảnh là phải chụp bằng "cái đầu" và chụp bằng "con tim" thì bức ảnh mới có hồn được. Mọi thứ nguy trang, sắp đặt chỉ là sự màu mè mà thôi, người ta có thể thấy đẹp, lạ, nhưng giá trị của nó sẽ không lay động, không trường tồn. Nhiếp ảnh nghệ thuật đòi hỏi những người cầm máy phải luôn có tư duy mạnh mẽ, sự dẫn thân trải nghiệm và vốn sống thì hầu hết những người cầm máy đều yếu ở điểm này và phụ thuộc quá nhiều vào việc xử lý ảnh hậu

kỳ, làm cho bức ảnh mất đi tính trung thực của nó. Thiếu kiến thức nhất định về thẩm mỹ, về cuộc sống, vì thế, ảnh chúng ta nặng về thấy, chưa nhiều chất tư duy, khả năng gợi mở những vấn đề xã hội, tư tưởng còn rất ít. Đa số là tình cờ bắt được một khoảnh khắc nào đó rồi đem đi thi, được giải, hơn là trăn trở tìm tòi, gợi mở. Như vậy, nhiếp ảnh chúng ta sẽ phát triển bề rộng mà chưa phát triển bề sâu.

Ngoài ra công tác lý luận và phê bình ảnh chưa sâu sắc, chưa có tính định hướng cho những nhà nhiếp ảnh, dẫn đến mông lung, mờ hồ, vẫn còn lẫn lộn giữa phê bình ảnh nghệ thuật và ảnh báo chí cũng như các loại hình nhiếp ảnh khác. Khi đánh giá, phê bình tác phẩm ảnh nghệ thuật chưa đặt trong mối quan hệ đa chiều, đa tầng nên dễ dẫn đến những nhận định chủ quan duy ý chí.

2.3. Đánh giá thực trạng, ý nghĩa xã hội và những vấn đề đặt ra trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam từ năm 2000 đến nay

2.3.1. Đánh giá thực trạng, ý nghĩa xã hội và những vấn đề về hiện thực sáng tác, thưởng thức và nhận thức cái đẹp

- **Thực trạng**

Từ sau khi đất nước đổi mới, nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể. Hội NSNAVN đã tổ chức nhiều cuộc thi và triển lãm ảnh với quy mô toàn quốc. Năm 1991, sau khi Việt Nam trở thành thành viên của Liên đoàn nhiếp ảnh Nghệ thuật quốc tế (FIAP), Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam đã có quan hệ với hơn 90 nước thành viên trong FIAP như Trung Quốc, Singapore, Cu Ba, Đức, Pháp, Bỉ, Nhật ... Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Nghệ thuật Việt Nam đã giúp đỡ thành lập Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Lào.

Năm 2010, Hội Nghệ Sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam đã đăng cai tổ chức thành công Đại Hội lần thứ 30 của FIAP, được dư luận đánh giá cao. Trước đó năm 1996, được sự bảo trợ của FIAP, cuộc thi và triển lãm ảnh Quốc tế đầu tiên do Hội NSNAVN tổ chức tại Việt Nam (gọi tắt là VN. 96) đã đạt được thành công tốt đẹp.

Với sự bảo trợ của FIAP đến năm 2013, ta đã tổ chức thành công 7 cuộc thi ảnh nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam. Năm 2015, dưới sự bảo trợ của Hội nhiếp ảnh Không biên giới Pháp (ISF) ta tiếp tục tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật lần thứ 8 và

gần đây nhất là năm 2017, FIAP lại tiếp tục bảo trợ cho Việt Nam tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật lần thứ 9.

Đặc biệt là FIAP đã bảo trợ cho 3 cuộc thi ảnh nghệ thuật của câu lạc bộ nhiếp ảnh Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh. Số tác giả, tác phẩm tham dự các cuộc thi ngày một nhiều hơn, chất lượng các tác phẩm cao hơn. Theo số liệu của Hội Nghệ Sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, tính đến năm 2015, chúng ta có hơn 2000 giải thưởng quốc tế, gần 200 NSNA của Hội đã được FIAP phong tặng nhiều tước hiệu. Hội và các hội viên Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam đã gửi hàng vạn ảnh tham gia dự thi và triển lãm ảnh quốc tế. Trên cơ sở đó, giới thiệu đất nước và con người Việt Nam với bạn bè quốc tế. Tại các cuộc thi này, các nhà nhiếp ảnh Việt Nam đã gặt hái được hàng trăm huy chương vàng, bạc, đồng và giải thưởng các loại. Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam đã đoạt cúp vàng thế giới, nhiều huy chương vàng, bạc, đồng của FIAP. Việt Nam có 2 NSNA được phong tước hiệu Nhiếp ảnh bậc thầy thế giới (MFIAP) là NSNA Hoàng Quốc Tuấn và Lê Hồng Linh. Hơn 40 hội viên được phong nghệ sĩ ưu tú quốc tế các hạng và hơn 100 nhiếp ảnh gia quốc tế (AFIAP).

Không thể phủ nhận những thành tích, mặt tích cực của nghệ thuật nhiếp ảnh trong thời gian qua đối với đời sống xã hội. Tuy nhiên, đời sống thẩm mỹ của nước ta những năm gần đây có những chuyển biến phức tạp và có phần đáng lo ngại. Đặc biệt là lớp trẻ, họ thích thú nắm bắt những cái mới lạ của văn hóa nghệ thuật nước ngoài thật nhanh và thiếu chọn lọc, họ không được tiếp nhận những giá trị tốt đẹp một cách có hệ thống đúng đắn mà chỉ thấy được những phần nhỏ trong các giá trị đó, trong khi đó tầng lớp lớn tuổi lại có xu hướng bảo lưu những giá trị truyền thống trong nghệ thuật. Chính sự nhận thức thiếu hụt cùng với tư duy hạn chế đã làm cho thị hiếu của nhiều người trẻ theo hướng tiêu cực, quay lưng lại với các giá trị tốt đẹp và nhân văn.

Các tác phẩm nhiếp ảnh hiện nay theo như đánh giá của giới phê bình thì đều ở mức “đem đẹp” mà thôi.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đến đội ngũ văn nghệ sĩ trong đó có các nhà nhiếp ảnh, nhưng cần có những chính sách cụ thể hơn về mọi mặt nhằm

đẩy mạnh phát triển nhân lực, phát triển đội ngũ nhiếp ảnh, có con người tốt thì mới có tác phẩm tốt.

Chức năng của nghệ thuật là giáo dục thẩm mỹ, đồng thời còn có những phát hiện, hướng dẫn, đi trước về cái đẹp đối với người xem. Trong thực tế, có rất nhiều tác phẩm mà sau khi xem xong đã không đọng lại trong lòng người xem về phương diện tinh thần hay một tác động nhỏ nào cả thì hẳn là nó chưa làm đầy đủ chức năng vừa kể trên, thậm chí có không ít những tác phẩm ảnh thiếu tôn trọng người xem, nếu không nói là xem thường. Hiện nay, trình độ người xem ảnh dường như đuổi kịp tác giả, thậm chí có đôi điều còn tỏ ra am hiểu hơn tác giả về một số vấn đề cuộc sống mà tác giả đã ghi nhận vào tác phẩm, đây là vấn đề đáng để tác giả và ban tổ chức cần lưu ý hơn.

Với nhiếp ảnh Việt Nam, việc định hướng sáng tác lâu nay còn hạn chế, công tác lý luận và phê bình nhiếp ảnh của chúng ta mới dừng ở mức độ vừa phải, nhiều hiện tượng mỹ học về nhiếp ảnh chưa được đánh giá đúng đắn và kịp thời, các cây bút chưa được trang bị nhiều những hiểu biết cơ bản về mỹ học nhiếp ảnh, một mảng lý luận mới mang tính chuyên ngành đặc thù cần thiết cho sự thống nhất, sự nhìn nhận về nhiếp ảnh. Chính vì thế sự thống nhất về các quan niệm cơ bản còn chưa có, chưa được khẳng định, ngay trong giới cũng có những người chỉ lấy cảm tính làm thước đo tiêu chuẩn cho đánh giá, phê bình nghệ thuật. Đó là thước đo nhưng không phải là thước đo duy nhất.

Dòng ảnh nude nghệ thuật nước ta khó phát triển vì nhiều lý do, ngoài việc đòi hỏi trình độ của người nghệ sĩ, quan niệm của công chúng còn khát khe thì về ban giám khảo và công tác cấp phép cho triển lãm còn nhiều phức tạp, khó khăn. Đặc biệt, lần đầu tiên từ sau năm 1975 đến nay, Sở Văn hóa TDTT thành phố Hồ Chí Minh đã cấp phép cho nhiếp ảnh gia Hạo Nhiên triển lãm 50 tác phẩm ảnh khỏa thân với chủ đề “Tạo Tác” vào ngày 15.09.2017 vừa qua đã gây được tiếng vang tích cực cho nhiếp ảnh nghệ thuật của Việt Nam.

- ***Những vấn đề về hiện thực sáng tác***

Sáng tạo nghệ thuật nói chung và nhiếp ảnh nghệ thuật nói riêng luôn đòi hỏi người nghệ sĩ phải có niềm đam mê, một tình yêu thật sự với bộ môn nghệ thuật mà

mình theo đuổi, đó là động lực thôi thúc người cầm máy vượt qua những khó khăn của nghề để dần thân và trải nghiệm.

Nhiếp ảnh là một phương tiện truyền thông với tính chất có lẽ khác biệt gần như hoàn toàn với những phương tiện truyền thông khác – nhiếp ảnh có khả năng truyền đạt mọi suy nghĩ và cảm xúc mà không cần một từ ngữ nào cả. Những năm gần đây công nghệ ảnh phát triển vượt bậc, việc áp dụng kỹ thuật số cũng tạo ra những điều kiện vô cùng thuận lợi cho việc sáng tạo những tác phẩm đồ họa. Việc thay đổi hình ảnh bằng những thủ pháp phần mềm trong máy tính cũng đã tạo ra những hình ảnh hết sức đa dạng và phong phú, đáp ứng được nhiều nhu cầu dịch vụ, thẩm mỹ cho người xem, giải phóng sức lao động đáng kể, thế nhưng, một số nhà nhiếp ảnh quá lạm dụng những thủ thuật nên đã làm mất đi giá trị thẩm mỹ, mất đi bản sắc của nghệ thuật nhiếp ảnh.

Khi bước ra hòa chung với các dòng ảnh của thế giới, chúng ta hi vọng nhiều vào sự biến đổi cả về nội dung và hình thức, tưởng chừng những bức ảnh của chúng ta ngày càng trở nên sâu sắc hơn, nhân bản hơn và có tính quốc tế hơn. Nhưng vị trí quốc tế của nhiếp ảnh Việt Nam cũng không thể cứu vãn được những yếu kém từ ở trong nội bộ, và cả những suy nghĩ của từng cá nhân sáng tạo...

Những bức ảnh được tuôn ra từ máy ảnh của chúng ta không hẳn chỉ là những đoạn phim hay những đoạn mã toàn số 0 và 1. Những bức ảnh mang tính đại diện, không chỉ đại diện cho những khoảng thời gian hay những sự kiện, không chỉ đại diện cho ánh sáng và bóng tối, hay những mảng màu sắc rực rỡ. Một bức ảnh không chỉ nói lên những cảm xúc riêng của người sáng tác mà đôi khi còn nói lên cả những suy nghĩ lẫn cảm xúc của những người khác, nó cho phép chúng ta bày tỏ cảm nhận về những suy tư sâu thẳm của cá nhân bằng cách thức riêng có độc đáo của mình. Thế nhưng, cùng với sự phát triển của công nghệ ảnh, của mạng internet, việc vi phạm bản quyền ngày một nhiều, nhất là những năm gần đây càng ngày càng rộ lên, tuy ở hình thức và mức độ khác nhau nhưng đây là một vấn đề cần lưu tâm. Cũng phải thẳng thắn nhìn nhận, một phần lý do dẫn đến việc sao chép vô tư của nhiều cá nhân, đơn vị là bởi tự bản thân nhiều nghệ sỹ nhiếp ảnh chưa tự bảo vệ mình, giữ lấy sản phẩm sáng tạo của mình.

Lối mòn trong nghệ thuật nhiếp ảnh luôn là vấn đề nóng trong các hội thảo về nhiếp ảnh. Hàng loạt ảnh phong cảnh đặc tả đồi cát, đồi sống đồng bào vùng cao hay nhịp sống an bình, chậm chạp ở làng quê Bắc Bộ, Nam Bộ... na ná nhau, không phân biệt được tác giả nào vì thiếu hẳn cá tính riêng biệt.

Nhiều trường hợp tác giả vì thiếu thâm nhập thực tế, thiếu kiến thức xã hội mà sắp đặt, dàn dựng để chụp những bức ảnh phản ánh không đúng hiện thực cuộc sống, chẳng hạn như rất nhiều tấm ảnh chụp cây lộc vừng thay lá ở Hồ Gươm, hay phố Phan Đình Phùng mùa lá sấu rụng (Hà Nội), được đặt tên là “Hà Nội thu”, “Thu Hà Nội”, hay “Lá rụng mùa thu”... Điều này là không đúng vì cây lộc vừng thay lá vào tiết đông sang xuân, cận trước hoặc sau Tết Nguyên đán, tầm tháng 2 dương lịch; còn mùa lá sấu rụng ở Hà Nội rơi vào tiết hết xuân sang hè, tầm cuối tháng 4, đầu tháng 5 dương lịch. Hình như biết vậy mà nhiều người vẫn cứ gọi là mùa thu, nhiều báo cũng lấy những khung cảnh này để minh họa cho mùa thu Hà Nội.

Có rất nhiều sự ngộ nhận về thành tích nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam, cũng như giá trị và ảnh hưởng còn ít ngay cả trong đời sống văn hóa nghệ thuật Việt Nam.

Ở Việt Nam, việc lạm dụng chức danh nghệ sĩ nhiếp ảnh trở thành tiêu chí để đánh bóng tên tuổi cá nhân hơn là những đóng góp thiết thực cho cộng đồng, xã hội; nhiều người cầm máy mãi mê chạy theo các giải thưởng của các tổ chức nước ngoài, những giải thưởng không thực chất tôn vinh nhiếp ảnh vì mục đích lấy vui là chính và thường bị chi phối bởi các công ty sản xuất máy ảnh, phim, giấy, một số khác lợi dụng nhiếp ảnh với mục đích kinh doanh, vụ lợi cá nhân tầm thường.

Theo đuổi nghệ thuật đã khó, nhiếp ảnh nghệ thuật càng khó hơn bởi nhiếp ảnh không chỉ đơn thuần là chụp tấm ảnh cho đẹp để treo tường, để vinh danh cá nhân với những huy chương bạc, vàng, đồng, mà là công cụ, là phương tiện truyền thông, vượt qua mọi rào cản về ngôn ngữ và biên giới để giúp nhà nhiếp ảnh biết quan sát kỹ càng, trung thực và khách quan những gì đang xảy ra trong cuộc sống, giúp người đó thực hiện những dự án, những đề tài mang ý nghĩa xã hội.

Sáng tạo nhiếp ảnh là phải thổi căng hình thức đẹp của tấm ảnh bằng hơi nóng của những vấn đề thời cuộc, chính trị xã hội đất nước, số phận con người lao động chân chính và cả ước mơ, khát vọng vươn cao, vấn đề tài năng và nghị lực, phẩm giá

và lương tâm con người Việt Nam hôm nay. Sáng tạo nhiếp ảnh không chỉ là sáng tạo về mặt hình thức mà phải sáng tạo cả trong nội dung thể hiện và hơn hết đó là nội dung chính trị, xã hội, nhân sinh mà hiện thực cuộc sống đang đặt ra và giải quyết. Sáng tạo trong nội dung là phải biết đưa lên ảnh những khía cạnh cơ bản, tích cực, tiến bộ; phát hiện những khuất lấp của vấn đề số phận con người và cuộc sống, miêu tả sinh động những cung bậc khác nhau của khát vọng chính đáng của nhân dân, của con người nói chung.

Ai cũng biết rằng nhiếp ảnh liên quan tới khoa học nên nó đòi hỏi tính tỉ mỉ và nghiêm túc, mặt khác, nhiếp ảnh là một môn nghệ thuật nên nó phụ thuộc rất nhiều vào tư duy sáng tạo của người cầm máy. Vì vậy nó mang trong mình cái tôi cá tính, linh hoạt điều này, những nhà nhiếp ảnh đương đại không hoàn toàn sống trong sự ràng buộc cứng nhắc của chủ nghĩa hiện thực, bởi nghệ thuật đòi hỏi sự sáng tạo. Việc thể hiện chính xác các chi tiết hiện thực bây giờ không phải là những tiêu chí duy nhất, mà cái nhìn hướng theo sở thích, óc tưởng tượng của người cầm máy, cũng chính vì thế mà các chủ đề cần được thể hiện một cách phong phú hơn và giàu chất trí tuệ hơn. Bằng sự sáng tạo và tâm hồn nhạy cảm, người nghệ sỹ đã tìm ra "sức hấp dẫn lạ kỳ của những búp non trên thân cây già cỗi" để nói lên "tính bi kịch của cây cổ thụ và tính trữ tình của búp non xanh".

- ***Thương thức và nhận thức***

Thương thức nghệ thuật là cả một quá trình, nó cũng đòi hỏi người thương lãm phải có kiến thức nhất định về lĩnh vực chuyên môn của bộ môn nghệ thuật đó mới có thể nhận thức, đánh giá được ý nghĩa của tác phẩm. Nghệ thuật nhiếp ảnh là bộ môn nghệ thuật gần gũi với công chúng nhưng giữa nhiếp ảnh và nghệ thuật nhiếp ảnh lại là cả một ranh giới, là khoảng cách khác biệt mà không phải ai cũng đủ kiến thức, trình độ để phân biệt được ranh giới ấy. Ngày nay, một bộ phận công chúng có cách nhìn dễ dãi, chưa am hoặc hiểu chưa đúng đắn về nghệ thuật nói chung và nghệ thuật nhiếp ảnh nói riêng. Có không ít những bức ảnh nude phản cảm, dung tục lại được dán mác nghệ thuật, điều này có ảnh hưởng rất lớn đến thị hiếu thẩm mỹ của xã hội, đặc biệt là giới trẻ và xúc phạm những người làm nghệ thuật chân chính. Với

thực trạng này, vai trò của đội ngũ làm công tác đánh giá, lý luận phê bình nghệ thuật nhiếp ảnh càng cần được nâng cao.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, công tác lý luận phê bình văn học nghệ thuật phải là sự nghiên cứu nhiều mặt, tác giả, tác phẩm, quan điểm, thị hiếu của công chúng, đời sống xã hội, trong đó việc nghiên cứu tác phẩm là trung tâm. Lý luận, phê bình là quá trình tự ý thức của văn học, nghệ thuật, do đó lý luận, phê bình vừa là quá trình để thấu hiểu, đồng cảm, đồng hành với sáng tác, vừa là sự đánh giá, thẩm định, lý giải, định hướng cho sáng tạo văn hóa, đồng thời còn đánh giá thẩm định sự tiếp nhận của công chúng; dự báo xu hướng vận động của văn học, nghệ thuật đương đại.

Có nhiều ý kiến cho rằng, công tác nghiên cứu lý luận phê bình nhiếp ảnh của Việt Nam còn nhiều hạn chế (nếu không muốn nói là yếu kém), chưa theo kịp với nhịp độ của các nhà sáng tác. Trong cuộc Tọa đàm về ảnh chân dung và liên hệ với cuộc thi và triển lãm ảnh “Chân dung con người Việt Nam hôm nay” năm 2011 do Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức ngày 23/5/2011, ông Đặng Đình An, Phó tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Nhiếp ảnh, Ủy viên Ban Lý luận phê bình Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam một lần nữa đã dẫn lời nghệ sĩ nhiếp ảnh Võ Huy Cát: “Những nhà nghiên cứu lý luận phê bình nhiếp ảnh đang ở đâu?”.

Công tác lý luận phê bình thuộc về lĩnh vực tiếp nhận nghệ thuật, người làm công tác lý luận phê bình nhiếp ảnh là người dẫn đường cho công chúng trong việc tiếp nhận nghệ thuật nhiếp ảnh, đồng thời là tác nhân tạo nên sự phát triển của nghệ thuật nhiếp ảnh. Vì vậy, nhiệm vụ của người làm lý luận phê bình nhiếp ảnh là phải tìm ra những con đường tiếp nhận nghệ thuật nhiếp ảnh một cách khoa học nhất, bản chất nhất về nhiếp ảnh... Trên cơ sở đó yêu cầu người làm công tác lý luận phê bình nhiếp ảnh phải có kiến thức hệ thống, kiến thức rộng về nhiếp ảnh, có sự nhạy cảm nghệ thuật, có tư duy khái quát, có lập trường, quan điểm vững vàng, có phương pháp nghiên cứu đúng để hướng dẫn dư luận và nâng cao trình độ thẩm mỹ của công chúng.

Ở Việt Nam, nhiếp ảnh là bộ môn nghệ thuật ra đời muộn hơn so với các loại hình nghệ thuật khác, cho nên công tác lý luận nhiếp ảnh của Việt Nam còn nhiều hạn

ché và đội ngũ làm công tác lý luận chưa được đào tạo đúng chuyên ngành để có thể cho ra những cuốn sách mang tính giao khoa.

So với công tác lý luận nhiếp ảnh, công tác phê bình nhiếp ảnh có vẻ đỡ trầm lắng hơn, chức năng của phê bình nhiếp ảnh là phát hiện ra cái đẹp trong sáng tác và xây dựng hệ giá trị thẩm mỹ và lấy đó làm đòn bẩy, định hướng cho công tác sáng tạo của các nhà nhiếp ảnh. Phê bình báo chí có chức năng phát hiện ra cái đẹp, nó cung cấp cho độc giả những phán đoán thẩm mỹ về một tác phẩm nhiếp ảnh.

Riêng những bài phê bình nhiếp ảnh dạng *phê bình học thuật* thường là những bài viết với những thuật ngữ nghề nghiệp được “mổ xẻ” bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học. Với cách tiếp cận khoa học, nó miêu tả một cách chính xác hơn, sâu sắc hơn và có lý luận hơn, do đó dễ thuyết phục độc giả; người viết phê bình báo chí có thể không biết hoặc không cần áp dụng lý thuyết vào việc phê bình, nhưng người làm công tác phê bình học thuật thì không thể không biết và không vận dụng lý thuyết vào việc phê bình. Bởi vậy những người viết phê bình học thuật không chỉ dựa vào năng khiếu mà họ còn phải học tập, phải được đào tạo và tự đào tạo, tức là họ phải có chuyên môn (mặc dù có thể họ không chuyên nghề) và trong một chừng mực nào đó những bài phê bình học thuật có thể trở thành một “sáng tác độc lập” và nó quay trở lại phục vụ cho công tác sáng tạo, đồng thời thúc đẩy, soi sáng con đường sáng tạo của các nhà nhiếp ảnh... Nhưng thực tế cho thấy, lực lượng làm công tác phê bình nhiếp ảnh hiện nay còn nhiều điều chưa thật tương xứng so với đội ngũ sáng tác. Ngày nay, những người sáng tác, họ có cơ hội đi nhiều nên kiến thức về thực tế là không thiếu, trình độ thẩm mỹ cũng được nâng lên vì vậy công tác chấm điểm trong một số các cuộc thi ảnh vẫn chưa thật sự thuyết phục tác giả, gây tâm lý chán nản cho đội ngũ sáng tác.

Có thể nhận thấy, trong quá trình phát triển đi lên của nhiếp ảnh nước nhà cũng còn nhiều vấn đề bất cập như việc quản lý chưa thực sự thống nhất, động viên, khen thưởng chưa kịp thời. Lâu nay, để phù hợp và hội nhập với thế giới, sau khi được sự đồng ý của Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam tự phong các tước hiệu: Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam, Nhà nhiếp ảnh xuất sắc theo các tiêu chí

Hội tự xây dựng ra. Các nước trên thế giới tước hiệu này thường là do công chúng đánh giá thông qua các tác phẩm ảnh của những nhà nhiếp ảnh.

Sự tác động của đội ngũ phê bình văn học nghệ thuật nói chung và nghệ thuật nhiếp ảnh nói riêng trên báo chí có một diện mạo rất đa dạng, phức tạp, đây là một kênh có sức ảnh hưởng lớn tới công chúng trong việc lựa chọn thưởng thức tác phẩm văn học nghệ thuật.

Thẩm định ảnh là công việc đòi hỏi người làm công tác này phải có vốn sống thực tế phong phú, đó chính là những am hiểu sâu sắc những tri thức về cuộc sống tự nhiên và xã hội, những trải nghiệm của cá nhân trong hành trình sống của mình. Vốn sống của mỗi người có thể hình thành từ học vấn, từ cọ xát với thực tiễn xã hội, từ tích hợp và chiêm nghiệm của bản thân, thậm chí có khi chỉ đơn giản là từ sự quan sát hiện thực cuộc sống của quần chúng nhân dân chung quanh chúng ta. Điều này chắc chắn sẽ giúp các giám khảo, người thẩm định đọc nhanh và đúng ngôn ngữ hình ảnh, cảm thụ và phân tích có sức thuyết phục nội dung và ý nghĩa của hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm nhiếp ảnh. Tránh được những phán xét lệch lạc, chủ quan do thiếu hiểu biết thực tế cuộc sống tạo ra. Thế nhưng không nhiều người có được những yếu tố đó nên dẫn đến việc thẩm định nông cạn, làm mất đi giá trị đích thực của tác phẩm.

Những năm trở lại đây, có thể nói nhiếp ảnh Việt Nam đã có các cơ sở đào tạo được coi là bài bản ở bậc đại học. Tuy nhiên, chương trình đào tạo không thống nhất, không có nhiều giảng viên chuyên nghiệp chuyên trách nên việc đưa ra được giáo trình chung, mang tính toàn quốc cho ngành Nhiếp ảnh là điều không dễ. Đặc biệt chuyên ngành lý luận và phê bình nhiếp ảnh hiện nay chưa được bất kỳ trường nào giảng dạy, đây cũng là một vấn đề cần phải được quan tâm đặc biệt. Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên nhiếp ảnh còn ít và luôn bị động khi các vị khách mời phải sắp xếp thời gian, công việc của mình... Để Thống nhất được tất cả những khó khăn đó đòi hỏi ngành giáo dục, ngành nhiếp ảnh và các ngành có liên quan cần phải ngồi lại với nhau, để tìm ra được một hướng đi đúng đắn cho việc đào tạo nhiếp ảnh ở Việt Nam.

Việt Nam đã đi qua hơn 30 năm đổi mới và ngày càng xuất hiện những con người mới trên mọi lĩnh vực của cuộc sống, Đảng ta cũng đã tuyên dương rất nhiều

anh hùng trong thời kỳ đổi mới. Trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội với những tấm gương cao cả, những con người với những nghĩa cử cao đẹp; họ là những con người dám xả thân mình vì quê hương đất nước ở tất cả các vùng miền của tổ quốc, từ biên cương cho đến hải đảo, từ lĩnh vực giáo dục, y tế cho đến lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải,... và cả trên mặt trận chống tham ô, tham nhũng ... cũng đang xuất hiện ngày càng nhiều. Nghệ thuật nhiếp ảnh cần thâm nhập sâu vào công cuộc đổi mới đất nước chắc chắn sẽ có nhiều tác phẩm đẹp xứng đáng với mong mỏi của nhân dân.

2.3.2. Đánh giá thực trạng, ý nghĩa xã hội và những vấn đề về mối quan hệ giữa hình thức nghệ thuật và nội dung tư tưởng

Xã hội ngày càng phát triển, đời sống kinh tế của con người cũng theo đó mà được nâng cao cùng với đời sống tinh thần. Nhu cầu thưởng thức những món ăn tinh thần là điều không thể thiếu của đại bộ phận người dân. Bên cạnh những bộ môn nghệ thuật như văn học, hội họa, điện ảnh, sân khấu, ca nhạc thì nhiếp ảnh cũng dần đi vào thực đơn và không thể thiếu trong món ăn tinh thần của công chúng.

Ngày nay, khoa học công nghệ kỹ thuật phát triển mạnh mẽ đã hỗ trợ cho cuộc sống con người rất nhiều, nên việc chụp một bức ảnh ở bất cứ nơi đâu và bất cứ khi nào không còn việc khó khăn nữa, chỉ cần một chiếc điện có chức năng chụp ảnh và kết nối và chia sẻ là có thể đưa mọi người xích lại gần nhau hơn và ai cũng có thể tự chụp ảnh cho chính mình. Nhưng một bức ảnh thông thường và một bức ảnh mang tính nghệ thuật là hoàn toàn khác nhau, chúng ta có thể chụp và tự chia sẻ một bức ảnh của mình cho bạn bè và mọi người xem mà không cần biết đến nội dung và hình thức có phù hợp nhau hay không cũng không sao, vì đó là niềm vui là sở thích chụp ảnh của mình, chỉ chụp là chụp thôi. Nhưng đối với ảnh nghệ thuật thì không chấp nhận sự cầu thả từ nội dung cho đến hình thức.

Hình thức nghệ thuật là cái biểu đạt, là chất liệu, thủ pháp tổ chức nên tác phẩm nghệ thuật. Nội dung tư tưởng chính là cái được biểu đạt tồn tại bên trong hình thức biểu đạt được tổ chức thành chính thể tác phẩm nghệ thuật. Đây là điều cơ bản của lý luận nghệ thuật nói chung.

Với nhiều nhà nhiếp ảnh ở các vùng miền, đa phần chưa thật sự quan tâm đúng mức về mối quan hệ giữa hình thức nghệ thuật và nội dung tư tưởng, thậm chí có người còn cho rằng không cần thiết. Vì vậy họ chưa triệt để khai thác các thành tố này trong quá trình sáng tạo. Nói chính xác hơn là qua các thời kỳ, các bộ phận sáng tác nhiếp ảnh khác nhau chưa có sự đồng bộ trong nhận thức và đánh giá vai trò chức năng của hình thức nghệ thuật trong việc chuyển tải nội dung, cũng như chưa vận dụng nó một cách tích cực như nhau trong sáng tạo tác phẩm của mình. Chắc chắn có nhiều lý do khác nhau để giải thích thuyết phục cho điều hạn chế trên. Nhưng rõ ràng nhất là thiếu một sự hiểu biết đầy đủ, toàn diện về cả hai yếu tố hình thức nghệ thuật và nội dung tư tưởng. Mặc dù đây là hai vấn đề cốt lõi liên quan đến sáng tạo tác phẩm nghệ thuật, nó hiện hiện cụ thể ở mỗi một tác phẩm nhiếp ảnh của nhà nhiếp ảnh, chứ chưa nói đến nhiều vấn đề khác cao xa hơn đặt nền tảng cho tư duy sáng tạo, cho quan niệm thẩm mỹ, cả việc xây dựng ý nghĩa xã hội và chuyển tải cảm xúc cá nhân, hoặc về vai trò, trách nhiệm của chủ thể sáng tạo đối với cộng đồng nhân sinh v.v.

Sự lặp lại đến nhàm chán trong hình thức biểu đạt ở tác phẩm nhiếp ảnh cho thấy người cầm máy chỉ chạy theo một số môtip hình thức đang được giám khảo ưa chuộng trong các cuộc thi ảnh suốt thời gian qua. Trong khi hiện thực cuộc sống đang diễn ra từng giờ từng khắc hết sức sinh động mà người sáng tác cứ đi theo cái “gu” định sẵn và mặc định cho mình là hợp với “gu” ảnh đó, thiếu đi tính sáng tạo, không dám khai quang cho mình một lối đi mới để có thể cho ra đời những tác phẩm đẹp về hình thức, chặt chẽ về bố cục và sâu sắc và truyền cảm về nội dung tác phẩm ảnh. Từ đó, làm hạn chế khả năng biểu đạt của nghệ thuật nhiếp ảnh và làm *xơ cứng* nội dung vốn sinh động của hiện thực khách quan được phản ánh.

Nghệ thuật của nhiếp ảnh tồn tại bởi việc ca ngợi và cô đọng hiện thực, làm sáng rõ bản chất sự thực. Nhiệm vụ của nhiếp ảnh gia chuyên hay không chuyên đều giống nhau – đó là phản xạ bằng trực giác và nắm bắt được khoảnh khắc độc đáo. Vì bức ảnh như một phương tiện truyền thông, mối quan hệ giữa “cái tôi” và “cái tổng thể”, cũng giống như người đi tìm chất liệu cho những bức ảnh có nội dung để phục vụ cho một cuộc sống đầy ý nghĩa.

Nghệ thuật nhiếp ảnh không phải cứ sao chép, na ná giống nhau là giống cả về nội dung và hình thức như nhiều người “chơi ảnh” vẫn lầm tưởng. Một bức ảnh nghệ thuật được chụp ra nó chứa đựng cái tôi hiện hữu của chính tác giả, cái ý niệm sâu sắc trong nội dung và toát lên tính hiện thực cuộc sống, có được điều đó người nghệ sĩ nhiếp ảnh phải trải qua những trải nghiệm cuộc đời, nắm vững kỹ thuật cũng như lý luận về nhiếp ảnh trong nhiều năm mới thấy hết cái thần sắc, cái khoảnh khắc của hiện thực mà đưa máy lên ghi lại, chứ không phải là những tấm ảnh “nịnh mắt” người xem trong chốc lát vì hình ảnh đẹp nhưng ý tứ giản đơn hoặc các tác giả trùng lặp nhau về góc nhìn, cách thể hiện như trong giai đoạn hiện nay.

Hình thức nghệ thuật trong tác phẩm nhiếp ảnh là một vấn đề đơn giản nhưng hiểu biết cặn kẽ về hình thức nghệ thuật lại không đơn giản. Bởi hình thức nghệ thuật là tất cả những gì được tác giả lựa chọn từ không gian ba chiều của hiện thực đưa vào khuôn ngắm để tổ chức nên tác phẩm nhiếp ảnh với không gian hai chiều trong ảnh truyền thống, hai không gian hiện thực và không gian trong ảnh truyền thống tạo ra những tri nhận và cảm nhận khác nhau ở người xem, nhà nhiếp ảnh phải nhận biết sự khác biệt này để lựa chọn góc chụp tạo sự chuyển hóa mang tính nghệ thuật tối ưu trong tác phẩm nhiếp ảnh nhằm đạt được hiệu quả truyền tải nội dung, ý nghĩa của tác phẩm. Điều này thường thể hiện qua sự xông xáo, tìm kiếm góc chụp mới lạ và khoảnh khắc bấm máy để có sự hài hòa của hình thức và nội dung.

Như ban đầu ở luận văn này đã đề cập, hình thức nghệ thuật của tác phẩm nhiếp ảnh bao gồm nhiều yếu tố: màu sắc, ánh sáng (độ sáng tối, chiều chiếu sáng), các vật chụp (vật thể tự nhiên, nhân tạo), nhân vật, bố cục, đường nét, nhịp điệu,... Ai có qua trường lớp đào tạo nhiếp ảnh - điện ảnh; thậm chí khi học theo lối truyền nghề cũng đều biết đến những yếu tố này.

Tuy vậy vấn đề không chỉ dừng lại ở sự hiểu biết cơ bản mà ở sự vận dụng tính năng của nó trong việc thể hiện chức năng chuyên tải nội dung tư tưởng trong tác phẩm nhiếp ảnh nghệ thuật. Nhưng thực tế, khi chụp ảnh người cầm máy thường ham chụp nên đôi khi không chịu quan sát tổng thể trước khi bấm máy nên họ để rơi vào “góc chết”, tức là góc ảnh có thể mô tả sai lệch nội dung cần diễn đạt. Nhiều người do không chú ý mối quan hệ giữa nội dung và hình thức nên đã xử lý thêm thắt cho

bức ảnh nhiều chi tiết không phù hợp với nội dung chung của ảnh, tạo ra hiệu ứng phản cảm bởi giữa nội dung và hình thức không nhất quán.

Thử hình dung xem, nếu đến Huế mà chúng ta chụp ảnh cô gái với tà áo dài thướt tha ôm bó sen hồng thì nó không nêu bật biểu trưng của Huế, vì sen trắng mới gọi về phẩm hạnh thiếu nữ Huế luôn được gìn giữ, trân trọng. Sen đỏ hồng đặc trưng phương Nam - sôi nổi, mạnh mẽ sống động, chụp mùa gặt lúa mà giữa đồng chỉ có một người gặt thì sẽ không phản ánh đúng mùa gặt trên đồng phải có rất nhiều người và máy móc đang hoạt động ... Sự sắp đặt ấy đã phá vỡ nội dung của bức ảnh.

Tóm lại, trong ảnh nghệ thuật sự thống nhất giữa nội dung và hình thức chính là sự thống nhất giữa ý nghĩa tư tưởng – cảm xúc – chất thơ với kết cấu nghệ thuật của hình tượng.

Trong quá trình sáng tạo của mình, người nghệ sĩ phải thể hiện được vai trò, trách nhiệm và ý thức đối với cuộc sống con người và xã hội như nghệ sĩ nhiếp ảnh Phạm Bá Thịnh từng đề cập: “Nhưng tôi muốn lưu ý các nghệ sĩ nhiếp ảnh cần hướng ống kính của mình vào các nội dung hiện thực sinh động đa dạng của cuộc sống con người và xã hội, đến những góc khuất của mỗi số phận, mỗi cảnh đời còn chịu nhiều thiệt thòi trong cuộc sống để sẻ chia và đồng cảm với họ - với nhân dân lao động. Ảnh “Lam lũ” của chị Đào Hoa Nữ, “Nụ cười mới” của Vũ Thị Tịnh, “Di chứng da cam” của Phạm Thị Thu, Chùm ảnh “Họ đã sống như thế” của Nguyễn Á... đều là những bức ảnh có nội dung mang tư tưởng nhân văn, nhân ái cao cả. Hãy chụp với tất cả niềm rung động chân thật của tâm hồn mình trước mỗi cảnh đời, mỗi số phận của người lao động, của nhân dân, chúng ta sẽ biết cần phải thể hiện bằng những hình thức nào. Đó sẽ là những hình thức giản đơn nhất, không màu mè, không cầu kỳ trau chuốt, giả tạo, những hình thức tự nhiên mang hơi thở cuộc sống trong khoảnh khắc cảm nhận và bấm máy của nhà nhiếp ảnh bao giờ cũng là hình thức đẹp nhất của bức ảnh nghệ thuật. Tôi nghĩ: Hình thức và nội dung tự nó đã gắn kết và tồn tại trong hiện thực cuộc sống một cách hài hòa, vấn đề còn lại chính là sự phát hiện, nắm bắt, cảm nhận nhạy bén của nhà nhiếp ảnh. Hãy rèn luyện năng lực phát hiện để chuyển hiện thực vào ảnh với tất cả cảm xúc thăng hoa và mãnh liệt của tâm hồn mình”.

- ***Những vấn đề về mối quan hệ giữa hình thức nghệ thuật và nội dung tư tưởng***

Cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh là sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ, là sự thống nhất biện chứng giữa cái chung và cái riêng, thống nhất biện chứng giữa nội dung và hình thức.

Nhiếp ảnh được xếp vào lĩnh vực nghệ thuật vì nó chịu sự chi phối bởi các quy luật chung, xác định nên nội dung và hình thức của tác phẩm nghệ thuật - sản phẩm của hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Mặt khác, trong ảnh nghệ thuật cũng như bất cứ loại hình nghệ thuật nào những quy luật chung đó mang theo những nét độc đáo riêng làm cho nội dung và hình thức của nghệ thuật này khác xa nội dung và hình thức của những loại hình nghệ thuật khác. Nội dung là nội dung của hình thức, hình thức là hình thức của nội dung nhất định. Nội dung nghệ thuật đóng vai trò chủ đạo, quyết định đối với hình thức nghệ thuật. Khi nội dung thay đổi thì hình thức cũng thay đổi theo. Nội dung có xu hướng đổi mới thường xuyên, bởi nó gắn bó trực tiếp hơn đối với thực tại đang phát triển và trạng thái tinh thần của nghệ sĩ.

Hình thức của tác phẩm nghệ thuật là kết cấu bên trong của nội dung thông qua ngôn ngữ nguyên liệu của chính loại hình nghệ thuật đó và mỗi loại hình thức có một chất thơ riêng. Nhiệm vụ của lý luận nghệ thuật nhiếp ảnh là xác định loại hình nghệ thuật này có những đặc điểm về nội dung nghệ thuật và hình thức nghệ thuật mà nó có. Trong các loại hình nghệ thuật nội dung được hình thành bởi sự kết hợp giữa cái khách quan và cái chủ quan, cái nhận thức được và cái đã đánh giá, giữa đức tính mẫn cán và vốn sống của người nghệ sĩ. Điều này cũng thể hiện rõ trong ảnh nghệ thuật chứ không thể hiện trong ảnh tài liệu và ảnh khoa học vì ảnh tài liệu và ảnh khoa học chỉ cố gắng làm sao cho cái khách quan hoàn toàn không bị cái chủ quan chi phối.

Nhưng trong nghệ thuật nhiếp ảnh, sự tương quan giữa đối tượng để tạo hình và ý đồ thể hiện của tác giả về cơ bản khác với ngành nghệ thuật khác mà con người sử dụng hiện nay. Trong nhiếp ảnh, sự bay bổng về nghệ thuật của nhà nhiếp ảnh bị giới hạn trong phạm vi mà đối tượng thể hiện cho phép. Chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi nào đó, đối tượng tác động đến cảm xúc người nghệ sĩ và cho anh ta nảy ra

ý đồ sáng tác chứ không phải vì những yếu tố nội tại chủ quan tác động vào anh ta, ý đồ sáng tác nghệ thuật của nhà nhiếp ảnh phụ thuộc vào hiện tượng mà anh ta tìm thấy hấp dẫn đến mức độ nào chứ không phụ thuộc vào trạng thái tâm hồn mà anh ta muốn biểu hiện lúc đó.

Trong ảnh nghệ thuật tiêu chuẩn lựa chọn phương pháp biểu hiện bao gồm hai mặt liên quan rất chặt chẽ với nhau: *một là*, đánh giá mức độ tư tưởng, cảm xúc và chất thơ có trong đối tượng; *hai là*, đánh giá cấu trúc nghệ thuật của đối tượng mà cấu trúc nghệ thuật chính là phương tiện chứa đựng và truyền đạt trực tiếp ý nghĩa tinh thần của đối tượng.

Vì vậy, sự hấp dẫn về tâm lý của hình tượng nghệ thuật nhiếp ảnh không hề tách rời cấu trúc nghệ thuật của nó. Chính việc cảm giác được sự thống nhất này giữa nội dung và hình thức là nguồn gốc của chủ đề sáng tác chủ yếu của nghệ sĩ nhiếp ảnh. Trong nhiếp ảnh nghệ thuật mối tương quan giữa đối tượng và ý đồ của tác giả khác với các loại hình nghệ thuật khác, sự bay bổng về nghệ thuật của nhà nhiếp ảnh bị giới hạn trong phạm vi mà đối tượng cho phép. Nghĩa là đối tượng thể hiện có bao nhiêu chất thơ, thì nhà nhiếp ảnh chỉ có thể hiện bấy nhiêu chất thơ, nhiếp ảnh không cần tưởng tượng xem nhân vật của mình sẽ như thế nào, bối cảnh, môi trường sẽ ra sao... Dẫu biết rằng những yếu tố này góp phần biểu hiện tư tưởng, tình cảm, nội tâm của tác giả, nhiếp ảnh nảy sinh ý đồ sáng tác không phải vì yếu tố nội tại thuộc chủ quan của nhà nhiếp ảnh mà luôn luôn do những cái bên ngoài, thuộc khách quan tác động. Ý đồ sáng tác của nhà nhiếp ảnh không định trước, mà phụ thuộc vào đối tượng khi anh ta tìm thấy sự kiện, sự vật hấp dẫn đến mức độ nào, chứ không phụ thuộc hoàn toàn vào trạng thái, tâm hồn nào mà anh ta muốn biểu hiện lúc đó. Đây là *kiểu thứ nhất* trong nghệ thuật nhiếp ảnh.

Kiểu thứ hai được gọi là sự đối lập có tính chất nghệ thuật là việc diễn tả nội dung thông qua hình thức nghệ thuật phức tạp hơn, hình thức này được biểu hiện trong ảnh có hai đối tượng và sự đối lập về vị trí giữa hai đối tượng ấy mang ý nghĩa về nội dung cũng như về tư tưởng, cảm xúc, nhờ sự đối lập ấy mà bức ảnh gây cho người xem ấn tượng mạnh mẽ.

Kiểu thứ ba của việc xây dựng hình thức nghệ thuật trong nghệ thuật nhiếp ảnh là cách bố cục có nhịp điệu, đối với nhiếp ảnh, lối bố cục có nhịp điệu mang tính độc đáo riêng, không phải bản thân ảnh tạo ra được nhịp điệu mà những nhịp điệu đó sẵn có trong tự nhiên. Vấn đề quan trọng là nhà nhiếp ảnh có phát hiện ra được và đánh giá được nhịp điệu đó hay không, chẳng hạn bức ảnh chụp những chú chim sâu đậu rải rác trên những sợi dây thép, tạo ra như những nốt nhạc, rất có nhịp điệu, đây được xem là biểu hiện rất khó nhìn thấy.

Ba phương pháp xây dựng hình thức cơ bản trên với nghệ thuật nhiếp ảnh không tách rời nhau mà quyện chặt với nhau và bổ sung cho nhau. Tóm lại, cái đẹp trong ảnh nghệ thuật, sự thống nhất giữa nội dung và hình thức là sự thống nhất tư tưởng - cảm xúc - chất thơ và kết cấu nghệ thuật nhằm thể hiện ý nghĩa đó. Sự thống nhất này là một trong những biểu hiện của cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh sẽ là thiếu sót nếu người nghệ sĩ nhiếp ảnh không tư duy về nội dung một cách sâu sắc để đẩy tác phẩm lên một tầm cao của giá trị nhận thức và giáo dục. Không thể nói đến tác phẩm đỉnh cao khi nội dung thiếu vắng những vấn đề căn cơ của hiện thực xã hội và nhân sinh, nhân văn và nhân bản, vấn đề con người trong quan hệ với môi trường thiên nhiên...

2.4. Một số ý kiến về việc nâng cao khả năng sáng tác, thưởng thức và đánh giá cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh ở Việt Nam giai đoạn hiện nay

- ***Giải pháp đối với người sáng tác***

Mỗi một tác phẩm ra đời đều là đưa con tinh thần của tác giả, đồng thời là thái độ của tác giả đối với cuộc sống. Như vậy, tác giả muốn có tác phẩm nghệ thuật phải được bồi dưỡng trào dòi về kiến thức, vốn kỹ thuật căn bản đến lý luận thẩm mỹ toàn diện và cả vốn sống, cũng như những trải nghiệm sống của chính mình cùng với nhận thức sâu sắc về vấn đề thời cuộc và sự nhạy bén về những vấn đề của sự kiện xã hội, con người và thiên nhiên ...

Người nghệ sĩ muốn tạo ra được một tác phẩm chân chính phải thâm nhập thực tế để sáng tác những tác phẩm ý nghĩa. Để có được tập sách ảnh tâm huyết về nhiều chủ đề gắn liền với đời sống xã hội như Hoàng Sa - Trường Sa biển đảo Việt Nam (2014), Nick Vujivic & những ngày ở Việt Nam (2013), Tâm và Tài - Họ là

ai? (2012), Thanh niên tình nguyện mùa hè xanh (2008) và sách ảnh về 11 Di sản văn hoá phi vật thể Việt Nam được UNESCO vinh danh (2017)... Nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Á đã phải dấn thân, phải đi đến rất nhiều nơi, tìm hiểu từng đặc điểm, trò chuyện với từng nhân vật, sống cùng những trần trở của họ mới có thể cho ra đời những tác phẩm ảnh nghệ thuật như vậy. Mỗi người nghệ sĩ cần có trách nhiệm trước tác phẩm - đưa con tinh thần của mình, hay cao hơn là trách nhiệm trước giá trị bản sắc của dân tộc mình, đừng vì lợi ích cá nhân, lấy tác phẩm “biến hóa” để “sinh lời”, vụ lợi trong mỗi cuộc thi, những thứ đó, thiết nghĩ chúng chỉ như những mồi lửa thiêu rụi chính người làm ra tác phẩm mà thôi. Giờ đây cần có sự đổi mới hơn trong xu hướng sáng tác, hướng ống kính vào cuộc sống đổi mới với các thành tựu kinh tế, sức vươn lên của con người, sự nỗ lực của xã hội. Tác giả phải đầu tư nội dung sâu sắc hơn, chất lọc hơn và có sự bút phá, điều này phụ thuộc vào tài năng, trí tuệ tức là phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, học thức sâu rộng, “phông” văn hóa cao, nhạy cảm với thời cuộc, sâu sát với đời sống, nắm bắt sự kiện và vấn đề nhanh cũng như cảm xúc và tâm huyết của các chính tác giả. Hơn nữa khi thế giới ngày càng phẳng, giao lưu văn hoá và hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng thì bên cạnh những thành trì về chủ nghĩa cổ điển, hiện đại, hậu hiện đại hay các trường phái, phong cách, hình thức thể hiện mang ý nghĩa truyền thống đã được khẳng định và có chỗ đứng thì những xu hướng mới mà nhiếp ảnh tiếp nhận để làm khác, làm thay đổi suy nghĩ, nhận thức, hành xử của xã hội với các loại hình nghệ thuật này, đặc biệt là của giới trẻ lại chưa định hình và chưa có chỗ đứng thực sự trong đời sống văn hóa xã hội.

Cuộc sống nhiếp ảnh dần trở về với cái nó vốn có, những nhà nhiếp ảnh sáng tạo, những nghệ sĩ cần hướng ống kính nhiều hơn để kể những câu chuyện bằng ảnh về những số phận con người, của thiên nhiên hoang dã và các nội dung hướng đến giá trị chân - thiện - mỹ, tránh rơi vào những chủ đề có tính dung tục, phản động, đi ngược lại chủ chương của Đảng, Nhà nước. Người sáng tác phải có một tâm hồn của thời đại mà mình đang sống, bởi tác phẩm chính là cách nhìn và nhận thức của tác giả đối với cuộc đời và xã hội. Nhà nhiếp ảnh cần nhìn nhận thực tế khách quan, đánh giá các sự kiện phải có vốn hiểu biết sâu sắc, tầm nhìn cao trong việc phát hiện vấn đề, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, sự nhanh nhạy trong sáng tác.

Người sáng tạo nghệ thuật, cũng như tất cả chúng ta cần đề phòng, chống lại chủ nghĩa hình thức. Người sáng tác cần tạo ra tác phẩm với một hình thức phong phú, đa dạng, nhằm diễn đạt một nội dung mang được đầy đủ ý nghĩa lịch sử, sẽ tạo nên tác phẩm có chất lượng nghệ thuật, có sức truyền cảm mạnh đến người xem. Bởi nghệ thuật phải làm được nhiệm vụ và chức năng nâng cao trình độ thẩm mỹ của quần chúng, nhất là nhân dân lao động. Nếu tác giả suy nghĩ như vậy thì một tác phẩm nghệ thuật sẽ là sự thống nhất giữa nội dung và hình thức. Tuy nhiên, các sáng tác không được đi ngược lại chủ trương, đường lối mà Đảng đã đưa ra trên mặt trận văn hóa nghệ thuật.

- ***Giải pháp đối với người làm công tác lý luận, phê bình***

Để có tác phẩm tốt, cái mới cho tác phẩm, ngoài những nhà quản lý chúng ta hay nói nhiều tới vai trò của các nhà lý luận phê bình nhiếp ảnh nhưng công tác lý luận, phê bình chưa đủ sức để có khả năng định hướng kịp thời cho người cầm máy, đây cũng là một khoảng trống không dễ gì lấp đầy.

Để trở thành người có khả năng thẩm định đánh giá, phê bình nhiếp ảnh nghệ thuật, yêu cầu đầu tiên với những người làm công tác này phải “xóa mù” trong lý luận, phê bình ảnh, tức là cần có kiến thức sâu rộng về mọi mặt đời sống, có lập trường tư tưởng vững vàng, thấm nhuần tư tưởng, chủ trương của Đảng, Nhà nước, đồng thời họ cần hiểu biết và sử dụng được vốn kiến thức về lịch sử, văn hóa, nhiếp ảnh thế giới và Việt Nam, coi đó như là kiến thức nền, hiểu mối quan hệ tương tác giữa các loại hình nghệ thuật, sự hình thành các phương pháp sáng tác, luôn luôn học hỏi, nâng cao hiểu biết.

Lý luận phê bình nhiếp ảnh bao hàm công tác lý luận nhiếp ảnh và công tác phê bình nhiếp ảnh, vì vậy, người làm lý luận nhiếp ảnh thì khái quát những thành tựu của sáng tác và tổng hợp lại thành những quy luật, những phạm trù, khái niệm, thuật ngữ... Người làm phê bình nhiếp ảnh thì ứng dụng những công cụ lý luận để định hướng, dẫn đường cho người tiếp nhận nghệ thuật nhiếp ảnh phổ thông. Người làm công tác lý luận, phê bình phải là người phải có khả năng cảm thụ được cái đẹp của thế giới xung quanh và phải biết quan sát, nắm bắt được những sự kiện đang diễn ra

trong cuộc sống thì mới có thể đem đến những nhận xét cần thiết và mới tìm ra được cách đánh giá thích hợp cho ảnh.

Người làm công tác lý luận, phê bình phải trung thực với chính mình và công tâm trong thẩm định, đánh giá tác phẩm bởi vì công chúng luôn đòi hỏi, người làm công tác lý luận phê bình phải là người công tâm có nhân cách tốt. Trước hết anh ta phải biết tôn trọng bản thân, rèn luyện cái nhìn trong sáng khách quan, trân trọng tác phẩm, tác giả, độc lập suy nghĩ, không thiên vị, riêng tư, càng không tùy tiện tô hồng, bôi đen tác giả, tác phẩm một cách vô trách nhiệm như trên đã dẫn chứng.

Người làm công tác phê bình được xem là người mang cái đẹp đến cho công chúng, vì vậy họ cần đồng hành với người sáng tác cho nên trước khi phê bình ảnh cần có cái tâm, công bằng, minh bạch: nói thẳng, nói thật, nói đúng, nói cả cái hay, cái dở của tác phẩm với một thái độ chân tình cởi mở, cầu thị. Để có thể tiếp thu những quan điểm tiên tiến về những phạm trù mỹ học cơ bản: cái đẹp và cái xấu, cái cao cả và cái thấp hèn, cái bi, cái hài, cái anh hùng, cùng với tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, cảm xúc, sự đánh giá, tư tưởng này để chống lại những biểu hiện suy đồi nảy sinh trong nghệ thuật.

Trên bình diện quốc gia người làm công tác phê bình nhiếp ảnh cần có cái nhìn tổng quan, khách quan và khoa học, phải thấy trước những gì nhiếp ảnh sẽ đạt tới, xu hướng đó xuất hiện tốt hay không tốt, nên tồn tại hay không tồn tại, phải thẳng thắn phát biểu chính kiến rõ ràng, đúng hay không đúng. Đồng thời phải là người làm công tác định hướng, dẫn đường cho công chúng trong việc tiếp nhận nghệ thuật nhiếp ảnh do đó họ phải có kiến thức hệ thống, kiến thức rộng về nhiếp ảnh, có sự nhạy cảm nghệ thuật, có tư duy khái quát.

Nghệ thuật nhiếp ảnh là môn nghệ thuật trẻ, lại gắn chặt với máy móc, kỹ thuật, cho nên thành viên ban giám khảo nhất thiết phải nắm vững kỹ thuật cao, các phần mềm ứng dụng photoshop để không nhìn lầm ảnh hiện thực và ảnh kỹ xảo. Nghệ thuật nhiếp ảnh không xa rời hiện thực nhưng lại phải mang tư tưởng, phải bộc lộ được cái chủ quan trong khách quan, dung hòa được cuộc sống với nghệ thuật. Tiêu chí khách quan để tuyển chọn ảnh đó là tiêu chuẩn ngôn ngữ, thẩm mỹ, kỹ thuật, cụ

thể là: tính chính xác về kỹ thuật, bố cục hình khối có tác dụng thẩm mỹ, nội dung chân thực, quan điểm nhân đạo rõ ràng.

Người làm công tác lý luận phê bình cũng như người sáng tác ảnh cần có năng lực chính trị để biết mình đang đứng ở đâu, làm gì cho đất nước. Lý luận phải đi đôi với thực tiễn, vì vậy, việc phê bình ảnh phải dựa trên cơ sở đường lối chủ trương “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, từ đó tạo ra không gian sáng tác, lý luận và phê bình nhiếp ảnh lành mạnh, trong sáng là trong tầm tay.

- ***Giải pháp đối với người thưởng thức***

Trong xã hội hiện đại, việc tiếp thu tri thức, tiếp nhận và xử lý thông tin, tiếp xúc với các luận giải khác nhau về sự kiện - vấn đề - hiện tượng đã hoặc đang xảy ra, thỏa mãn và nâng cao năng lực, trình độ thẩm mỹ hướng tới sự hoàn thiện nhân cách,... trở thành nhu cầu thiết yếu hằng ngày của sự phát triển xã hội - con người; và báo chí, văn học - nghệ thuật nói chung cũng như nhiếp ảnh nói riêng chính là các lĩnh vực vừa chứa đựng các giá trị tinh thần, vừa có khả năng tạo dựng hệ thống phương tiện trực tiếp đáp ứng nhu cầu đó. Mục đích cao nhất của việc giáo dục thẩm mỹ cho nhân dân không phải chỉ nhằm cho mọi thành viên trong xã hội đều hiểu biết nghệ thuật, yêu mến nghệ thuật mà là nhằm phát triển ở mỗi người năng khiếu nghệ thuật, lòng khát khao sáng tạo nghệ thuật và biết cách sáng tạo nghệ thuật.

Tác phẩm nghệ thuật nói chung và nghệ thuật nhiếp ảnh nói riêng, có thành công và có giá trị hay không, không chỉ nhờ tài năng của người nghệ sĩ mà còn phụ thuộc phần lớn vào thái độ, cách tiếp nhận của người xem

Ngày nay, vai trò của công chúng trong việc thưởng thức nghệ thuật nhiếp ảnh là hết sức quan trọng, thái độ của người thưởng thức thể hiện giá trị của tác phẩm và còn thể hiện trình độ văn hóa, sự phát triển của xã hội, cộng đồng đó. Để cái đẹp trong nghệ thuật nhiếp ảnh được thể hiện tối đa và phát huy hết vai trò, ý nghĩa của nó thì việc bồi dưỡng năng lực cảm thụ nghệ thuật phải thích hợp với từng đối tượng về nội dung, hình thức, mức độ, biện pháp cần có đối với cả những người thưởng thức.

Người thưởng thức ảnh cũng như người sáng tác, người làm công tác lý luận đều luôn cần có ý thức, nâng cao tình cảm thẩm mỹ thông qua bồi dưỡng tình yêu đối với cái đẹp, làm cho tình yêu đối với cái đẹp của mỗi người khi tiếp xúc với tác phẩm nghệ thuật sống dậy và từ những cảm xúc sâu sắc đó mà liên tưởng đến cái đẹp của đời sống xã hội, của nhân dân... Vốn tri thức càng giàu thì khả năng phân biệt những giá trị thẩm mỹ khác nhau trong tác phẩm nghệ thuật càng hoàn thiện, giá trị của tác phẩm nghệ thuật phụ thuộc vào khả năng thẩm mỹ cũng như kinh nghiệm thẩm mỹ của cá nhân và luôn chịu sự chi phối của nhu cầu thực tiễn trong một môi trường văn hóa xã hội.

Bên cạnh đó, cần nâng cao thị hiếu thẩm mỹ cho công chúng thuộc các đối tượng khác nhau bằng cách khuyến khích mỗi cá nhân phải không ngừng làm giàu thêm và sâu sắc hơn những giá trị, kinh nghiệm thẩm mỹ của dân tộc và nhân loại. Công chúng - những người thưởng thức nghệ thuật cần thường xuyên nêu quan điểm, nhận xét, đánh giá của cá nhân trong các tác phẩm nhiếp ảnh để các tác phẩm không những mang tính nghệ thuật mà còn có tính chất quần chúng, đi sâu vào đời sống nhân dân, gần gũi hơn với người xem.

Cùng với việc nâng cao trình độ văn hóa nghệ thuật của công chúng cần phải xác định tính mục đích thưởng thức nghệ thuật của công chúng trong đời sống tinh thần và văn hóa – xã hội hiện nay. Đây chính là làm cho quá trình cảm thụ nghệ thuật của mỗi người luôn hướng tới mục tiêu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xã hội phát triển nhân cách của bản thân.

Công chúng không chỉ là người xem mà còn cần trở thành người sáng tác, người đánh giá nghệ thuật và đối tượng hướng đến của các tác phẩm. Những phản hồi của người xem sẽ giúp người nghệ sĩ và công tác nghiên cứu lý luận có những phát triển hoàn thiện và phù hợp hơn.

Khi thưởng thức nghệ thuật, cần hiểu chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung và về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nói riêng, đồng thời, mỗi cá nhân cần hướng đến đời sống lành mạnh, lý tưởng tốt đẹp, rèn luyện quan niệm thẩm mỹ cá nhân thống nhất trong sự liên kết các yếu tố đạo đức và chính trị của xã hội. Sự phát triển năng lực cảm thụ nghệ thuật của con người không chỉ là tỉ lệ thuận với chất

lượng cảm thụ nghệ thuật mà còn tỉ lệ thuận với sự phát triển nền văn hóa nghệ thuật xã hội. Chính vì lẽ đó, mỗi người chúng ta, người nào có tầm nhìn bao quát càng rộng, càng tiếp xúc nhiều với đời sống xã hội, với những mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, với văn hóa, nghệ thuật của dân tộc và thế giới, đồng thời đặt cho mình mục tiêu cho bản thân mình những nhu cầu phát triển nhân cách cao đẹp thì người đó càng có nhu cầu to lớn đối với cảm thụ nghệ thuật

Kết Luận Chương 2

Ngày nay, nhiếp ảnh trở thành một loại hình nghệ thuật không thể thiếu được trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Đất nước đã đi qua hơn 30 năm đổi mới, nhiếp ảnh Việt Nam trong thời gian qua đã góp phần làm giàu thêm đời sống văn học nghệ thuật của đất nước, góp phần tích cực xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vào quá trình giao lưu và hội nhập quốc tế. Tính tới thời điểm này, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, và đặc biệt là với Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các tác phẩm ảnh Việt Nam luôn giữ được yếu tố chân - thiện - mỹ, phản ánh chân thực đời sống xã hội, làm tốt chức năng phản ánh và định hướng của mình cũng như định hướng thẩm mỹ, giáo dục cá nhân sâu sắc.

Nhìn chung, mạch chính của đời sống văn học, nghệ thuật là chủ nghĩa yêu nước, sự gắn bó với dân tộc, nhân dân, phản ánh chân thật cuộc sống lao động, đấu tranh và xây dựng của nhân dân ta trong những năm vừa qua. Bên cạnh khuynh hướng tiếp tục phản ánh các đề tài lịch sử, chiến tranh cách mạng, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc với cảm hứng sử thi và tầm khái quát mới, là sự phát triển mạnh khuynh hướng quan tâm đến cuộc sống bình dị, nhiều góc cạnh đời thường của con người, làm phong phú hơn và làm sâu thêm chủ nghĩa nhân văn của văn học, nghệ thuật hôm nay.

Đặc biệt từ khi trở thành thành viên Liên đoàn Nghệ thuật Nhiếp ảnh Quốc tế (FIAP), vị thế của nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam ngày càng được khẳng định, có uy tín trên bản đồ nhiếp ảnh nghệ thuật thế giới.

Trong những năm gần đây, sự phát triển của nền khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ ảnh, việc sử dụng máy ảnh kỹ thuật số vào trong sáng tác và sản xuất

ảnh rất thuận lợi, giải phóng nhiều công sức của các nhà nhiếp ảnh. Bên cạnh những tín hiệu đáng mừng từ các thành quả đạt được thì nhiếp ảnh Việt Nam cũng còn những bất cập nhất định, vẫn còn loay hoay tìm cho mình một hướng đi để định hình nền nhiếp ảnh Việt Nam với khu vực và thế giới. Thực tiễn đặt ra những vấn đề buộc nhiếp ảnh Việt Nam cũng phải đổi mới để có thể phát huy hết vai trò của mình không chỉ ở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước mà còn ở bản thân các chủ thể sáng tạo, đánh giá và thưởng thức.

KẾT LUẬN

Cuộc sống này là một bức tranh muôn màu muôn vẻ, cái đẹp trở thành một vấn đề thiết thực của cuộc sống; cái đẹp của nghệ thuật là tấm gương phản ánh sáng tạo cái đẹp trong đời sống. Nghệ thuật nhiếp ảnh đem đến cái đẹp cho cuộc sống hiện tại, nhiếp ảnh đã song hành cùng đất nước đi qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, ghi lại cái đẹp trong hình tượng người chiến sĩ đã gây được tiếng vang lớn trên thế giới, xứng đáng được nhân dân tôn vinh và lịch sử ghi nhớ.

Nghệ thuật nhiếp ảnh, ngay từ khi ra đời đã góp phần làm cho các nghệ thuật khác thêm phong phú, sáng tạo và ngày càng phát triển. Trong những năm đổi mới, mặc dù đất nước còn rất nhiều khó khăn, đời sống kinh tế còn lạc hậu nhưng nghệ thuật nhiếp ảnh đã góp phần to lớn tôn vinh cái đẹp của thời kỳ đổi mới và đã tạo được những tác phẩm có nội dung sâu sắc và hình thức trong sáng mang hơi thở của thời đại, có tính nhân dân sâu sắc, tính dân tộc đậm đà. Nghệ thuật nhiếp ảnh Việt Nam ở bất cứ thời điểm nào cũng phản ánh ngay những điều đang xảy ra trong đời sống, để tìm cách phổ biến thật nhanh, rộng trong thông tin đại chúng và chọn lọc, làm triển lãm nghệ thuật, lưu giữ những ảnh đẹp, ảnh tốt làm tư liệu cho đời sau

Nhiếp ảnh đến với Việt Nam hơn một thế kỷ qua, từ những ngày đầu còn khó khăn để tìm cho nó một hướng đi đúng đắn, một tiếng nói riêng, nhiếp ảnh đã có một vị trí xứng đáng trong các ngành nghệ thuật tạo hình, và được công nhận là bộ môn nghệ thuật mũi nhọn phục vụ cuộc sống. Trong giai đoạn hiện nay, dưới chủ trương đường lối của Đảng và nhà nước, cùng với đội ngũ anh chị em nghệ sĩ nhiếp ảnh, Việt Nam đã có được nhiều thành tích to lớn đáng ghi nhận. Là bộ môn nghệ thuật được nhiều người yêu mến bởi sự thông dụng, dễ tiếp cận và có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội, cho nên bên cạnh những giá trị đạt được từ các tác phẩm nghệ thuật nhiếp ảnh không chỉ đẹp về bố cục, màu sắc mà còn mang những hình tượng nghệ thuật điển hình trong xã hội, những giá trị nhân văn sâu sắc, làm người xem đồng cảm, xúc động và có giá trị giáo dục to lớn. Đặc biệt, trong xã hội hiện nay, có nhiều nguyên nhân làm cho cái đẹp dễ bị tha hóa, hiểu sai, nghệ thuật nhiếp ảnh không phát huy được hết vai trò, giá trị của nó trong đời sống xã hội.

Bản chất xã hội của nghệ thuật nói chung và nghệ thuật nhiếp ảnh nói riêng dù ở thời đại nào cũng đều mang tính dân tộc, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay tính dân tộc, tính nhân dân, tính thời đại và tính nhân loại ngày càng sâu sắc hơn. Cái đẹp của nghệ thuật nhiếp ảnh sẽ được tôn vinh nếu nó gắn với khát vọng của con người, bảo vệ phẩm giá dân tộc và thể hiện sức sống của thời đại và ngợi ca hòa bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Là bộ môn nghệ thuật có tính khu biệt nhưng nó vẫn có chỗ đứng trong lòng công chúng và những người yêu thích nhiếp ảnh bởi tính tiện dụng, ngôn ngữ nhiếp ảnh rất phù hợp với đời sống đang phát triển. Để cho nghệ thuật nhiếp ảnh ngày càng đẹp hơn, mỗi người nghệ sĩ sáng tạo, những nhà lý luận, phê bình nhiếp ảnh cần nâng cao trình độ chuyên môn, công chúng thương thức tự ý thức nâng cao đời sống thẩm mỹ của mình. Bên cạnh, Đảng và Nhà nước ta cần có những chính sách hợp lý để nhiếp ảnh ngày càng gắn với những chiến công to lớn của sự nghiệp đổi mới cao cả hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Anh (1997), *Cái đẹp trong quan niệm của Tsécnursépxki*, Tạp chí Triết học, số 5.
2. Bectôn Bailơ (1986), *Suy nghĩ về nhiếp ảnh*, Nxb Văn hoá.
3. C. Mác (1962), *Bản thảo kinh tế – triết học 1844*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t.42. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội tr. 131.
5. C.Mác - Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, t.1, t.12, t.13, t.18, t.36, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. C.Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin (1977), *Về văn học và nghệ thuật*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
7. Nguyễn Đức Chính (2001), *Tổng quan nhiếp ảnh*, Nxb Trẻ.
8. Nguyễn Đức Chính (2008), *Văn hoá nhiếp ảnh*, Nxb Thông tấn.
9. Cù Huy Chử (1995), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn học và mỹ học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Đại (2002), *Mỹ học Mác – Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội,
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ V của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Hà Minh Đức (1995), *C.Mác - Ph. Ăng ghen - V.I. Lênin và một số vấn đề lý luận văn nghệ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Georg Wilhelm Friedrich Hêghen (1996), *Mỹ học - Những văn bản chọn lọc*, Nxb Khoa học xã hội và Nxb Mũi Cà Mau.
16. G.V.F. Hegel: *Bách khoa thư các khoa học triết học. Khoa học Logic I*, dịch giả: Bùi Văn Nam Sơn (2008), Nxb. Tri thức, Hà Nội.

17. Hêghen (1999), *Mỹ học*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội.
18. Hêghen (1999), *Mỹ học*, tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội.
19. Nguyễn Huy Hoàng (2012), *Nghệ thuật của khoảnh khắc*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
20. Hội đồng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật trung ương (2010), *Văn học nghệ thuật phản ánh hiện thực đất nước hôm nay*, Nxb Chính trị Quốc gia.
21. Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam (1983), *Nghệ thuật nhiếp ảnh - cuộc sống, con người thời đại*.
22. Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam (1987), *Nhiếp ảnh và hiện thực: nghiên cứu - tiểu luận*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
23. Đỗ Huy (1971), *Vấn đề nguồn gốc và bản chất của cái đẹp dưới ánh sáng của Đảng ta*, Thông báo Triết học, số 22.
24. Immanuel Kant (2007) *Phê phán năng lực phán đoán*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
25. Khoa triết học – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2001), *Giáo trình Mỹ học Mác – Lênin* (2001), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,
26. N. Kiiasenco (1982), *Bản chất cái đẹp*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
27. Hoài Lam (1979), *Tìm hiểu mỹ học Mác - Lênin*, Nxb Văn hóa.
28. Hoài Lam (1991), *Về biện chứng của đời sống thẩm mỹ và nghệ thuật*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
29. Nguyễn Tiến Mão (2006), *Cơ sở lý luận ảnh báo chí*, Nxb Thông tấn.
30. Cao Minh (2014), *Nhiếp ảnh- Những vấn đề Lý luận và Thực tiễn*, Nxb Thông tấn
31. Hồ Chí Minh (2000), *toàn tập, tập 6*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Hội Nhiếp ảnh Việt Mỹ tổ chức (1970), *Triển lãm nhiếp ảnh toàn quốc kỳ 5*.
33. M.F.Ópxiannhicôp (Chủ biên) (2001), *Mỹ học cơ bản và nâng cao*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
34. N.G.Tsécnuépki (1964), *Quan hệ thẩm mỹ của nghệ thuật đối với hiện thực*, Nxb Văn hóa - Nghệ thuật, Hà Nội.
35. Nxb Tiên bộ, Mátxcova (1986), *Từ điển Triết học*
36. Ph.Ăngghen (1963) *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

37. Nguyễn Văn Phúc (1996), *Quan hệ giữa các thẩm mỹ và cái đạo đức trong cuộc sống và trong nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Lê Phúc (2002), *Nhiếp ảnh - phê bình và tiểu luận*, Nxb Thông tấn.
39. Lê Phúc (Chủ biên) (1993), *Lịch sử nhiếp ảnh Việt Nam*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
40. Trần Đức Tài (2011), *Từ máy ảnh đến hình ảnh*, Nxb Thời đại.
41. Như Thiết (2002), *Cái đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Trần Mạnh Thường (2009), *Nhiếp ảnh và lý luận phê bình*, NXB Văn hóa - Thông tin.
43. Trần Mạnh Thường (1999), *Lịch sử nhiếp ảnh thế giới*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
44. Trần Mạnh Thường (2003), *Nhiếp ảnh và cuộc sống*, Nxb Văn hóa thông tin.
45. Lê Ngọc Trà - Lâm Vĩnh (1999), *Giáo trình Mỹ học đại cương*, nxb Giáo dục.
46. Việt Văn (2006), *Nghệ thuật nhiếp ảnh Việt Nam - khám phá và hội nhập*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
47. Từ Lương Vân (2003), *Ảnh nghệ thuật nhìn từ góc độ mỹ thuật*, Nxb Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.